|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày… .tháng….năm 2025* |

**BẢN THUYẾT MINH**

**Dự thảo Nghị định Quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối và phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam**

| **STT** | **Quy định tại DTNĐ** | **Thuyết minh** | |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Chương I: Quy định chung** |  | |
|  | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị định này quy định các nội dung sau:  1. Việc thành lập, tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm tài chính).  2. Phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính.  3. Quản lý ngoại hối tại Trung tâm tài chính.  4. Quy trình phối hợp giữa Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý rủi ro tại Trung tâm tài chính. | Quy định chi tiết về phạm vi điều chỉnh của Nghị định. | |
|  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Nghị định này áp dụng đối với:  1. Nhà đầu tư bao gồm:  a) Ngân hàng nước ngoài; ngân hàng thương mại trong nước theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị quyết số 222/2025/QH15 về Trung tâm tài chính;  b) Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Chính phủ về hoạt động đầu tư vào Trung tâm tài chính.  c) Nhà đầu tư trong nước là tổ chức trừ quy định tại điểm a khoản này.  2. Thành viên Trung tâm tài chính (sau đây gọi là thành viên) bao gồm:  a) Hiện diện của nhà đầu tư tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:  (i) Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nước ngoài (sau đây gọi là ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài);  (ii) Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn trong nước (sau đây gọi là ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước);  (iii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  b) Hiện diện của nhà đầu tư tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.  3. Bên đi vay trong nước là người cư trú theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Nghị định này.  4. Các đối tượng báo cáo theo quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống rửa tiền (sau đây gọi là đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính) tuân thủ quy định tại Chương X Nghị định này về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.  5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. | Quy định các đối tượng có liên quan đến nội dung của Nghị định.  Đề nghị các đơn vị có liên quan xác định rõ nhà đầu tư trong nước, nước ngoài có bao gồm cá nhân không. | |
|  | **Điều 3. Áp dụng tập quán thương mại**  Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngân hàng được quyền thỏa thuận áp dụng tập quán thương mại sau đây:  1. Tập quán thương mại quốc tế do Phòng Thương mại quốc tế ban hành.  2. Tập quán thương mại khác không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật của Việt Nam. | Quy định về áp dụng tập quán thương mại tương tự như các TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên | |
|  | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  1. *Bao thanh toán* là hình thức cấp tín dụng thông qua việc mua lại khoản phải thu của bên bán hoặc ứng trước tiền thanh toán thay cho bên mua theo hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa bên mua và bên bán.  2. *Bảo lãnh ngân hàng* là hình thức cấp tín dụng cho khách hàng thông qua việc ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên có nghĩa vụ khi bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ bắt buộc và hoàn trả cho ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên theo thỏa thuận.  3. *Cấp tín dụng* là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng.  4. *Chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (sau đây gọi là chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên)* là tổ chức kinh tế được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.  5. *Chi nhánh ngân hàng nước ngoài* *là thành viên* là tổ chức kinh tế không có tư cách pháp nhân được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị quyết về Trung tâm tài chính và Nghị định này. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Trung tâm tài chính.  6. *Chiết khấu* là hình thức cấp tín dụng thông qua việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của bên thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán.  7. *Cho vay* là hình thức cấp tín dụng thông qua việc bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận cho bên cho vay.  8. *Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản* là việc cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, dịch vụ thanh toán khác cho khách hàng thông qua tài khoản thanh toán của khách hàng.  9. *Giấy phép* bao gồm Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên do cơ quan có thẩm quyền cấp và Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.  10. *Hoạt động ngân hàng* là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số nghiệp vụ sau đây:  a) Nhận tiền gửi;  b) Cấp tín dụng;  c) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.  11. *Môi giới tiền tệ* là việc làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Nghị định này giữa các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  12. *Ngân hàng thương mại* *trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (sau đây gọi là ngân hàng thương mại không là thành viên)* là loại hình ngân hàng được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.  13. *Ngân hàng thương mại là thành viên* là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị quyết về Trung tâm tài chính và Nghị định này nhằm mục tiêu lợi nhuận. Ngân hàng thương mại là thành viên bao gồm ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước và ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài.  14. *Người có liên quan* được xác định như sau:  a) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước xác định người có liên quan theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;  b) Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị quyết về việc thành lập trung tâm tài chính (sau đây gọi là chuẩn mực quốc tế về kế toán) xác định người có liên quan theo quy định của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng;  c) Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán được xác định người có liên quan theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.  15. *Người điều hành ngân hàng thương mại* *là thành viên* bao gồm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.  16. *Người quản lý ngân hàng thương mại* *là thành viên* bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.  17. *Nhận tiền gửi* là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn theo nguyên tắc có hoàn trả trên cơ sở thỏa thuận cho tổ chức, cá nhân gửi tiền (sau đây gọi là người gửi tiền).  18. *Sản phẩm phái sinh* là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc như lãi suất, ngoại hối, tiền tệ.  19. *Tài khoản thanh toán* là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng mở tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên để sử dụng dịch vụ thanh toán do ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên cung ứng.  20. *Thư tín dụng* là hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán, hoàn trả thư tín dụng.  21*. Tổ chức tín dụng trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (sau đây gọi là tổ chức tín dụng không là thành viên)* là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.  22. *Tổ chức tín dụng nước ngoài* là tổ chức tín dụng được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.  23. *Vốn điều lệ* là tổng số tiền do chủ sở hữu đã góp cho ngân hàng thương mại là thành viên *hoặc là tổng số tiền do ngân hàng mẹ đã cấp cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.*  24. *Vốn pháp định* là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật hiện hành để thành lập ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  25. *Vốn tự có* gồm giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước cộng một số quỹ dự trữ, cộng một số tài sản nợ khác, trừ các khoản phải giảm trừ. Việc xác định vốn tự có thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  26. Đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của thành viên là việc chuyển vốn ra nước ngoài để đầu tư dưới các hình thức: Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư; Mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý và thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại nước ngoài.  27. Đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của Thành viên là việc chuyển vốn ra nước ngoài để đầu tư dưới hình thức mua, bán chứng khoán, các giấy tờ có giá khác phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài.  28. Bên đi vay trong nước là tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải Thành viên bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam có giao dịch vay từ thành viên Trung tâm tài chính quốc tế.  viên bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam có giao dịch vay từ thành viên. | Quy định khái niệm có liên quan đến TTTC.  Ngoài ra, DTNĐ đang không quy định về nghiệp vụ cấp tín dụng khác để đảm bảo rõ ràng minh bạch, trường hợp phát sinh nghiệp vụ mới thì sẽ đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định. | |
|  | **Điều 5. Sử dụng từ ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng**  Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép sử dụng cụm từ “ngân hàng”, “tổ chức tín dụng” hoặc cụm từ, từ ngữ khác trong tên của tổ chức, chức danh hoặc trong phần phụ thêm của tên, chức danh hoặc trong giấy tờ giao dịch hoặc quảng cáo của mình nếu việc sử dụng cụm từ, từ ngữ đó có thể gây nhầm lẫn cho khách hàng về việc tổ chức đó là một ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Quy định về sử dụng từ ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng tương tự như các TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên | |
|  | **Điều 6. Số lượng hiện diện của nhà đầu tư**  Nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này chỉ được thành lập 01 hiện diện tại Trung tâm tài chính theo một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị quyết về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. | - Địa giới hành chính của TTTC tại TP Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng là có hạn, ngoài thành viên TTTC hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng còn có các thành viên hoạt động trong lĩnh vực khác (chứng khoán, bảo hiểm…).  - Các hoạt động ngân hàng của NHTM là thành viên TTTC cung cấp cho khách hàng chủ yếu thực hiện qua tài khoản để đảm bảo có thể thực hiện được khối lượng giao dịch lớn và tốc độ giao dịch nhanh chóng, do đó số lượng giao dịch tiền mặt ít hơn. Ngoài ra, đối tượng khách hàng của NHTM là thành viên TTTC là các cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam; các tổ chức khác là thành viên TTTC; các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên, không có đối tượng khách hàng là cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, nhà đầu tư không nhất thiết phải thành lập nhiều hiện diện tại TTTC. | |
|  | **Điều 7. Quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có quyền từ chối yêu cầu cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ khác nếu thấy không đủ điều kiện, không có hiệu quả, không phù hợp với quy định của pháp luật. | Quy định về quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh của NHTM, chi nhánh NHNNg tương tự như các TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên | |
|  | **Điều 8. Quyền hoạt động ngân hàng**  Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thì được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Nghị định này. | Quy định về quyền hoạt động ngân hàng tương tự như các TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên. | |
|  | **Điều 9. Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng**  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan. | Quy định về Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng tương tự như các TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên | |
|  | **Điều 10. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng**  1. Không tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo hiểm tiền gửi.  2. Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn tiền gốc, lãi của khoản tiền gửi theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.  3. Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.  4. Công bố công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng.  5. Công bố công khai thời gian giao dịch chính thức. Trường hợp ngừng giao dịch tại trụ sở chính trong thời gian giao dịch chính thức hoặc ngừng giao dịch bằng phương tiện điện tử, chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải niêm yết thông tin về ngừng giao dịch tại trụ sở chính hoặc trên trang thông tin điện tử của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  Trường hợp ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng, chậm nhất là 24 giờ sau thời điểm ngừng giao dịch, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải niêm yết thông tin về ngừng giao dịch tại trụ sở chính hoặc trên trang thông tin điện tử của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên. | Quy định về trách nhiệm của NHTM, chi nhánh NHNNg không tham gia bảo hiểm tiền gửi Việt Nam do NHTM, chi nhánh NHNNg không nhận tiền gửi của cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam. Trong khi đó, bảo hiểm tiền gửi Việt Nam nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền là cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó không áp dụng quy định về việc tham gia bảo hiểm tiền gửi. | |
|  | **Điều 11. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên**  1. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên được quy định tại Điều lệ và phải là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc). Trường hợp Điều lệ không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật.  2. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành ngân hàng thương mại là thành viên đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên phải thông báo cho Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế (sau đây gọi là Cơ quan giám sát)/Ngân hàng Nhà nước về người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm chức danh đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật. Cơ quan giám sát/Ngân hàng Nhà nước thông báo người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên cho Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế (sau đây gọi là Cơ quan điều hành) để cập nhật vào Hệ thống đăng ký và công nhận thành viên quy định tại khoản 8 Điều 10 Nghị quyết về Trung tâm tài chính. | Người đại diện theo pháp luật của NHTM là thành viên TTTC là một người và là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc), trường hợp Điều lệ không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật. Ngoài ra, DTNĐ quy định người đại diện theo pháp luật của thành viên là NHTM phải cư trú tại Việt Nam, giúp cho các công việc liên quan đến chỉ đạo, điều hành NHTM được xử lý kịp thời. | |
|  | **Điều 12. Cung cấp thông tin**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên cung cấp cho chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến khách hàng trong hoạt động cấp tín dụng và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên của Trung tâm Tài chính quốc tế theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được trao đổi với nhau thông tin về hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  4. Khi thực hiện giao dịch với ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên, khách hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó.  5. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên ban hành các quy định nội bộ, bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin cho khách hàng, hướng dẫn, khuyến cáo để khách hàng nhận thức và tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro có thể phát sinh liên quan đến khả năng chi trả của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên đối với khoản tiền gửi của khách hàng tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong toàn bộ thời hạn gửi tiền.mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin cho khách hàng về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng Trung ương và cung cấp đầy đủ cho khách hàng về quyền và trách nhiệm của khách hàng khi thực hiện giao dịch với ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên. | Quy định về cung cấp thông tin tương tự như các TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên.  Trong đó bổ sung về việc NHTM phải cung cấp thông tin cho khách hàng về việc NHNN không thực hiện các nghiệp vụ NHTW để khách hàng nhận thức và tự chịu rủi ro có thể phát sinh liên quan đến khả năng chi trả của NHTM, chi nhánh NHNNg. | |
|  | **Điều 13. Bảo mật thông tin**  1. Người quản lý, người điều hành, nhân viên của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên theo quy định hiện hành về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải thành viên.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được cung cấp thông tin khách hàng của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng. trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng. | Quy định về bảo mật thông tin tương tự như các TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên | |
|  | **Điều 14. An toàn dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục**  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, bảo mật dữ liệu và hoạt động liên tục theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan áp dụng đối với ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên. | Quy định về An toàn dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục tương tự như các TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên | |
|  | **Điều 15. Hành vi bị nghiêm cấm**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động ghi trong Giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp cho ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  2. Tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hoạt động ngân hàng, trừ giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại chứng khoán của công ty chứng khoán.  3. Tổ chức, cá nhân can thiệp trái pháp luật vào hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc hành vi cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ gây tổn hại hoặc gây tổn hại đến việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, an toàn của các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên, hệ thống tổ chức tín dụng không là thành viên, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. | Quy định về hành vi bị nghiêm cấm tương tự như các TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên | |
|  | **Điều 16. Áp dụng pháp luật tại Trung tâm tài chính của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  Trong trường hợp Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, Nghị định này không có quy định điều chỉnh:  1. Ngân hàng thương mại là thành viên được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam áp dụng đối với ngân hàng thương mại là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không phải thành viên.  2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam áp dụng đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải thành viên. | Quy định này tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của NHTM là thành viên, chi nhánh NHNNg là thành viên trong trường hợp Nghị quyết của Quốc hội và Nghị định này không điều chỉnh. | |
|  | **Chương II: GIẤY PHÉP** |  | |
|  | **Điều 17. Thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép**  1. Cơ quan có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép theo quy định của Nghị định này.  2. Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thành viên.  3. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định việc thông báo thông tin về cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép; thông tin về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên và các thông tin có liên quan cho Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế để đăng ký thành viên và cập nhật Cơ sở dữ liệu về thành viên trong Trung tâm tài chính quốc tế. | - Quy định vận dụng theo quy định tại Điều 27 Luật Các TCTD.  - Khoản 1: Để đảm bảo phù hợp với khoản 4 Điều 17 Nghị quyết số 222 quy định Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp.  - Khoản 2: Để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 222: *“đ) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng khi được cấp phép thành lập mới tại Trung tâm tài chính quốc tế thì Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên”*. | |
|  | **Điều 18. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép, thu hồi Giấy phép**  **Phương án 1: Ngân hàng Nhà nước thực hiện trong 5 năm đầu**  1. Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính, Cơ quan Giám sát Trung tâm tài chính quốc tế là Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập, hoạt động, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập, hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  2. Ngân hàng Nhà nước thực hiện cấp giấy phép, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong 05 năm đầu (kể từ ngày thành lập trung tâm tài chính quốc tế). Trong vòng 06 tháng trước khi kết thúc 05 năm đầu, Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chuyển giao nhiệm vụ cấp Giấy phép thành lập, hoạt động, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép thành lập, hoạt động đối với các Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên cho Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính hoặc Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế.  **Phương án 2: Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính Quốc tế hoặc Cơ quan Giám sát Trung tâm tài chính quốc tế thực hiện từ đầu**  Cơ quan Giám sát Trung tâm tài chính quốc tế là Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập, hoạt động, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập, hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viêna | **Phương án 1: Quy định này nhằm đảm bảo việc giao thẩm quyền cho Cơ quan giám sát TTTC thực hiện chức năng cấp phép đối với Ngân hàng thương mại, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTC cần được triển khai theo một lộ trình phù hợp.**  - Quy định này phù hợp với định hướng tại Tờ trình số 28/TTr-ĐU của Đảng ủy Chính phủ:  *“Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc giám sát TTTC là một vấn đề rất phức tạp, nhạy cảm, có liên quan tới nhiều lĩnh vực, đối tượng khác nhau, tác động tới ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn, an ninh tài chính tiền tệ quốc gia. Trong khi mới thành lập, Cơ quan giám sát TTTC chưa thể đáp ứng ngay được yêu cầu nghiệp vụ về thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý sự cố trên tất cả các lĩnh vực của TTTC.*  *Do đó, trong giai đoạn đầu, khi chức năng và bộ máy thanh tra của hầu hết các Bộ, ngành đã chuyển về Thanh tra Chính phủ thì Cơ quan giám sát TTTC chịu trách nhiệm giám sát một số hoạt động của TTTC; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ: Tài chính, Công Thương, Công an và các cơ quan liên quan thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Chính phủ sẽ quy định hướng dẫn cụ thể bảo đảm không chồng chéo, giảm thủ tục hành chính, hiệu lực, hiệu quả, giám sát và quản lý được các rủi ro.*  *Về dài hạn, cần tập trung nâng cấp năng lực giám sát của Cơ quan giám sát TTTC theo hướng hoạt động độc lập, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ pháp lý trong giám sát. Căn cứ thực tế triển khai, Chính phủ sẽ phân cấp việc thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát cho Cơ quan giám sát TTTC và các thiết chế kiểm tra giám sát hiện có.”*  **Phương án 2: Quy định này nhằm đảm bảo việc giao thẩm quyền cho Cơ quan Điều hành/ Cơ quan giám sát TTTC thực hiện chức năng cấp phép đối với Ngân hàng thương mại, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTC một cách tự chủ, linh hoạt, phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế (TTTC) tại Việt Nam (Nghị quyết số 222) của Quốc hội. Cụ thể:**  - Khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 222 quy định: *“Cơ quan giám sát TTTC (sau đây gọi là Cơ quan giám sát) là cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng giám sát hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế, có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong TTTC, bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị quyết ngày, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và thông lệ quốc tế”.*  - Điều a khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 222 quy định: *“a) Cơ quan điều hành có chức năng quản lý, điều hành trực tiếp mọi hoạt động tại TTTC”*  - Điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 222 quy định: *“b) Cơ quan giám sát có chức năng giám sát, thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong hoạt động tài chính tại TTTC”.*  - Khoản 4 Điều 9 Nghị quyết số 222 quy định: *“4. Cơ quan điều hành, Cơ quan giám sát có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế”.*  Do đó, định hướng quy định thẩm quyền cấp Giấy phép, thanh tra, giám sát giao cho Cơ quan Điều hành TTTC/Cơ quan giám sát TTTC (cơ quan có chức năng quản lý, điều hành mọi hoạt động tại TTTC). | |
|  | **Điều 19. Vốn pháp định**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tuân thủ quy định của pháp luật về mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định.  2. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định bằng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp, cộng lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, trừ lỗ lũy kế chưa xử lý được phản ánh trên sổ sách kế toán.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải thường xuyên theo dõi, đánh giá giá trị thực của vốn điều lệ và định kỳ báo cáo Cơ quan có thẩm quyền giám sát như sau:  a) Đối với ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có kỳ lập báo cáo tài chính năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12:  Chậm nhất đến ngày 15 tháng 7 và 15 tháng 01 hằng năm, báo cáo giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm cuối ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12;  b) Đối với ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kỳ lập báo cáo tài chính năm không kết thúc vào ngày 31 tháng 12:  Chậm nhất đến ngày 15 của tháng đầu tiên kỳ kế toán quý thứ nhất và kỳ kế toán quý thứ ba, báo cáo giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm ngày cuối cùng của kỳ kế toán quý liền kề trước đó;  c) Trường hợp giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm báo cáo nêu tại điểm a và điểm b khoản này chưa bao gồm các bút toán điều chỉnh của kiểm toán độc lập (nếu có), ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên bổ sung vào kỳ lập báo cáo tài chính tiếp theo.. | - Tham khảo, vận dụng theo quy định tại Điều 28 Luật Các TCTD.  - Tham khảo, vận dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư 22/2019/TT-NHNN (đã sửa đổi, bổ sung) | |
|  | **Điều 20. Xử lý khi giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định**  1. Khi giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên giảm thấp hơn mức vốn pháp định, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải:  a) Xây dựng và tự triển khai thực hiện phương án xử lý để đảm bảo giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định;  b) Trong thời gian tối đa 30 ngày khi giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định, phải có văn bản báo cáo phương án xử lý và cam kết thực hiện phương án gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Cơ quan có thẩm quyền giám sát, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:  (i) Giá trị thực của vốn điều lệ theo quy định tại Điều 19 Nghị định này;  (ii) Nguyên nhân giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định;  (iii) Các biện pháp bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động;  c) Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp xử lý theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền giám sát (nếu có).  2. Các biện pháp Cơ quan có thẩm quyền giám sát áp dụng để xử lý khi vốn điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên giảm thấp hơn vốn pháp định:  a) Đánh giá, kiểm tra, thanh tra hoặc yêu cầu ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện kiểm toán độc lập để xác định giá trị thực của vốn điều lệ tại phương án xử lý do ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này;  b) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các biện pháp xử lý của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi giá trị thực của vốn điều lệ thấp hơn mức vốn pháp định nêu tại phương án quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp cần thiết;  c) Giám sát, thanh tra việc tổ chức, triển khai thực hiện các biện pháp tại phương án xử lý, bao gồm cả các biện pháp xử lý theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền giám sát. | - Quy định nội dung này tương tự với quy định đối với các TCTD trong nước theo hướng áp dụng 1 số quy định tại Điều 7 Thông tư 22/2019/TT-NHNN đảm bảo phù hợp với việc xử lý của Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính.  - Bổ sung theo hướng áp dụng 1 số quy định tại Điều 7 Thông tư 22/2019/TT-NHNN đảm bảo phù hợp với việc xử lý của Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính. | |
|  | **Điều 21. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước**  1. Có vốn điều lệ tối thiểu tương đương bằng mức vốn pháp định.  2. Chủ sở hữu là ngân hàng thương mại trong nước đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị gấp hai lần mức vốn pháp định. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trên cơ sở báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;  b) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn hiện hành của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 12 tháng trước tháng đề nghị;  c) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật tại quý trước liền kề thời điểm đề nghị;  d) Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;  đ) Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc;  e) Tại thời điểm đề nghị, chủ sở hữu có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật;  g) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị;  h) Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;  i) Được xếp hạng A, B theo kết quả xếp hạng do Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận.  k) Có thời gian hoạt động tối thiểu là 03 năm tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;  l) Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;  m) Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong 03 năm trước liền kề năm đề nghị;  n) Tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.  3. Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 40 Nghị định này.  4. Điều lệ phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.  5. Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng. Chủ sở hữu phải có văn bản cam kết về các nội dung nêu trên khi gửi Đề án thành lập, phương án kinh doanh cho Cơ quan có thẩm quyền cấp phép.  6. Chủ sở hữu phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước; bảo đảm ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và tuân thủ các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Nghị định này.  7. Có quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng các yêu cầu của pháp luật Việt Nam.6. Chủ sở hữu phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng thương mại ~~là thành viên~~ 100% vốn trong nước; bảo đảm ngân hàng thương mại ~~là thành viên~~ 100% vốn trong nước duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và tuân thủ các quy định về hạn chế~~, tỷ lệ an toàn~~ để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Nghị định này. | - Đối với điều kiện thành lập NHTM 100% vốn trong nước được vận dụng các quy định tại Thông tư số 32/2024/TT-NHNN về thành lập ngân hàng con tại nước ngoài trong đó có yêu cầu về mức vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định quy định tại Nghị định 86/2019/NĐ-CP.  - Dự thảo theo hướng áp dụng các quy định tại Điều 29 Luật Các TCTD năm 2024 quy định về điều kiện cấp Giấy phép.  - Bổ sung thêm điều kiện Chủ sở hữu phải có văn bản cam kết về việc Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.  - Bổ sung thêm điều kiện chủ sở hữu phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước; bảo đảm ngân hàng thương mại này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Nghị định này để đảm bảo tương ứng với hoạt động theo quy định của Nghị định này. | |
|  | **Điều 22. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài**  1. Có vốn điều lệ tối thiểu tương đương bằng mức vốn pháp định.  2. Chủ sở hữu là ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi ngân hàng đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  b) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:  Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor’s hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody’s) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings;  Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm này từ mức ổn định trở lên.  c) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  d) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  đ) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  e) Tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.  3. Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 40 Nghị định này.  4. Điều lệ phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.  5. Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.  6. Ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.  7. Hoạt động dự kiến thực hiện của ngân hàng thương mại là thành viên phải là hoạt động mà ngân hàng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.  8. Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của ngân hàng nước ngoài.  9. Ngân hàng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài; bảo đảm ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Nghị định này.  10. Có quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng các yêu cầu của pháp luật Việt Nam.  11. Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng chuẩn mực quốc tế. | - Điều kiện về cấp Giấy phép thành lập Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài được vận dụng trên cơ sở các quy định liên quan tại Điều 29 Luật Các TCTD năm 2024 (đã sửa đổi, bổ sung) (Luật Các TCTD); Điều 5 Nghị định 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập; Điều 9 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc NHNN Quy định hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.  - Không quy định chủ sở hữu của NHTM 100% nước ngoài là chủ sở hữu, cổ đông sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam do hiện nay tại Việt Nam có 09 NHTM 100% vốn nước ngoài, 02 ngân hàng liên doanh và nhiều NHTM nước ngoài là cổ đông chiến lược của các TCTD tại Việt Nam. Quy định như hiện tại sẽ hạn chế việc nhà đầu tư là ngân hàng nước ngoài tham gia đầu tư vào TTTC. | |
|  | **Điều 23. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  1. Có vốn được cấp tối thiểu tương đương bằng mức vốn pháp định.  2. Ngân hàng mẹ là ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  b) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:  Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor’s hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody’s) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings;  Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm này từ mức ổn định trở lên.  c) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  d) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  đ) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 20 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  e) Tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.  3. Người quản lý, người điều hành có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 39 Nghị định này.  4. Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.  5. Ngân hàng mẹ được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính.  6. Hoạt động dự kiến thực hiện của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải là hoạt động mà ngân hàng mẹ đang được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính.  7. Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước/Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của ngân hàng nước ngoài.  8. Ngân hàng mẹ phải có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Nghị định này.  9. Có quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng các yêu cầu của pháp luật Việt Nam.  10. Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng chuẩn mực quốc tế. | - Điều kiện về cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài được vận dụng trên cơ sở các quy định liên quan tại Điều 29 Luật Các TCTD năm 2024 (đã sửa đổi, bổ sung) (Luật Các TCTD); Điều 5 Nghị định 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập; Điều 9 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc NHNN Quy định hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài. | |
|  | **Điều 24. Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép**  Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. | Tham khảo, vận dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Các TCTD. Nội dung này dự kiến ban hành Thông tư hướng dẫn mới. | |
|  | **Điều 25. Thời hạn cấp Giấy phép**  1. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan có thẩm quyền cấp phép cấp Giấy phép hoặc từ chối cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  2. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Đây là quy định vượt trội. Cắt giảm, đơn giản hóa, rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục hành chính cấp phép nhằm khuyến khích các tổ chức tham gia vào TTTC. Thời gian cấp phép dự kiến sẽ giảm xuống 120 ngày từ quy định hiện hành tại Thông tư 56/2024/TT-NHNN là 180 ngày. Như vậy, đã cải thiện thủ tục hành chính nhưng vẫn đảm bảo chất lượng thẩm định hồ sơ cấp phép. | |
|  | **Điều 26. Lệ phí cấp Giấy phép**  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép phải nộp lệ phí cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. | Tham khảo, vận dụng theo quy định tại Điều 32 Luật Các TCTD. | |
|  | **Điều 27. Công bố thông tin về khai trương hoạt động**  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải công bố trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước/Cơ quan giám sát ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động các thông tin sau đây:  1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng thương mại là thành viên; tên, địa chỉ trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  2. Số, ngày cấp Giấy phép;  3. Vốn điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  4. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  5. Chủ sở hữu của ngân hàng thương mại là thành viên, ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  6. Ngày dự kiến khai trương hoạt động. | Nội dung được tham khảo, vận dụng, xây dựng trên cơ sở Điều 33 Luật Các TCTD | |
|  | **Điều 28. Điều kiện khai trương hoạt động**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép chỉ được tiến hành hoạt động kể từ ngày khai trương hoạt động.  2. Để khai trương hoạt động, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép phải có đủ các điều kiện sau đây:  a) Đã gửi Cơ quan có thẩm quyền Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp có thẩm quyền thông qua;  b) Có đủ vốn điều lệ; có kho tiền, trụ sở đủ điều kiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;  c) Có cơ cấu tổ chức quản lý, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ phù hợp với loại hình hoạt động theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan;  d) Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, quy mô hoạt động;  đ) Có quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ tại trụ sở chính; quy định nội bộ về quản lý rủi ro;  e) Vốn điều lệ có giá trị tương đương bằng đồng Việt Nam phải được gửi đầy đủ vào tài khoản phong tỏa không hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước ít nhất 30 ngày trước ngày khai trương hoạt động. Vốn điều lệ được giải tỏa khi ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên đã khai trương hoạt động;  f) Đã công bố thông tin về khai trương hoạt động theo quy định tại Điều 27 của Nghị định này.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải tiến hành khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì Giấy phép đã cấp hết hiệu lực. Cơ quan có thẩm quyền công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan có thẩm quyền về việc Giấy phép hết hiệu lực.  4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép phải thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền về điều kiện khai trương hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động. Cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc khai trương hoạt động khi ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép phải thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền về điều kiện khai trương hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động. Cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc khai trương hoạt động khi ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này. | Nội dung được tham khảo, vận dụng, xây dựng trên cơ sở Điều 34 Luật Các TCTD | |
|  | **Điều 29. Sử dụng Giấy phép**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung quy định trong Giấy phép.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép không được tẩy xóa, sửa chữa, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép. | Tham khảo, vận dụng theo quy định tại Điều 35 Luật các TCTD. | |
|  | Điều 30. Những thay đổi phải được Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận 1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thủ tục thay đổi một trong những nội dung sau đây:  a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại là thành viên; tên, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên;  b) Mức vốn điều lệ;  c) Nội dung, thời hạn hoạt động;  d) Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng;  2. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này và việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thực theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  3. Khi được chấp thuận thay đổi nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải thực hiện thủ tục sau đây:  a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung thay đổi đã được chấp thuận quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này đối với trường hợp ngân hàng thương mại là thành viên;  b) Công bố nội dung thay đổi quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trên 01 phương tiện truyền thông của cơ quan cơ quan có thẩm quyền và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam/nước ngoài. | Điều 29 được xây dựng dựa trên quy định tại Điều 37 Luật Các TCTD. Trong đó có một số thay đổi để phù hợp Nghị quyết số 222 như sau:  - Bỏ nội dung *“đ) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua, bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn; mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn. Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông, người mua, nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng có trách nhiệm phối hợp với tổ chức tín dụng thực hiện thủ tục xin chấp thuận đối với nội dung quy định tại điểm này.”*. Loại hình hoạt động của các TCTD tại TTTC là Chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng TNHH MTV (khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 222). Do đó, việc cho phép chuyển nhượng cổ phần tiềm ẩn nhiều rủi ro về mua/bán/chuyển nhượng giấy phép của Ngân hàng thương mại; tiềm ẩn rủi ro về rửa tiền. Bên cạnh đó, Việc thay đổi chủ sở hữu có thể dẫn đến sự thay đổi trong ban điều hành, quản lý, dẫn đến cơ cấu tổ chức bị xáo trộn, điều này có thể ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định của NHTM.  - Bổ sung việc công bố thông tin trên báo nước ngoài tại điểm b khoản 3 để tăng tính linh hoạt cho ngân hàng thương mại nước ngoài. | |
|  | **Chương III. TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN** |  | |
|  | **Mục 1. Ngân hàng thương mại là thành viên** |  | |
|  | **Điều 31. Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng thương mại là thành viên**  Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng thương mại là thành viên bao gồm Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc). | Để tạo thuận lợi cho việc quản lý thống nhất về cơ cấu tổ chức của ngân hàng trong TTTC cũng như của các TCTD thuộc phần còn lại ở Việt Nam, DTNĐ quy định theo hướng tương tự cơ cấu tổ chức của TCTD TNHH MTV tại Luật Các TCTD. | |
|  | **Điều 32. Địa điểm hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại là thành viên**  Ngân hàng thương mại là thành viên không được mở rộng mạng lưới hoạt động; không được chuyển địa điểm đặt trụ sở chính ra ngoài ranh giới địa lý của Trung tâm tài chính. | Nội dung này trên cơ sở tham khảo quy định tại Điều 38 Luật Các TCTD. Đồng thời, theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 222 quy định: *“Trung tâm tài chính quốc tế là khu vực có ranh giới địa lý xác định do Chính phủ thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng, tập trung hệ sinh thái đa dạng các dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ, được áp dụng cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này”.*  Như vậy, về cơ bản hoạt động của các thành viên TTTC sẽ thuộc khu vực có ranh giới xác định (đồng nghĩa với việc các thành viên thuộc TTTC không thay đổi địa điểm ra khỏi khu vực này) và tập trung hệ sinh thái đa dạng các dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ (bao gồm hoạt động ngân hàng, chứng khoản, bảo hiểm…). Do đó, việc mở rộng mạng lưới hoạt động hoặc chuyển địa điểm ra ngoài ranh giới địa lý của thành viên thuộc TTTC là chưa cần thiết, để tránh đồng nhất và chồng chéo với mô hình ngân hàng truyền thống. | |
|  | **Điều 33. Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu của ngân hàng thương mại là thành viên**  1. Chủ sở hữu có các quyền sau đây:  a) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng thành viên và ghi trong Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên, nhưng không ít hơn 03 thành viên và không quá 07 thành viên;  b) Bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền với nhiệm kỳ không quá 05 năm để thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định của Nghị định này. Người đại diện theo ủy quyền phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 40 của Nghị định này;  c) Bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;  d) Quyết định thay đổi mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên;  đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của ngân hàng thương mại là thành viên;  e) Quyết định giải thể, yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng thương mại là thành viên;  f) Quyết định mức thù lao, lương, thưởng, lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);  g) Các quyền khác theo quy định của Nghị định này và Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.  2. Chủ sở hữu có các nghĩa vụ sau đây:  a) Góp vốn đầy đủ và đúng thời hạn như đã cam kết;  b) Không được chuyển nhượng phần vốn góp tại ngân hàng thương mại là thành viên;  c) Tuân thủ Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên;  d) Xác định và tách biệt giữa tài sản của chủ sở hữu với tài sản của ngân hàng thương mại là thành viên;  đ) Tuân thủ pháp luật trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng, giao dịch khác giữa ngân hàng thương mại là thành viên và chủ sở hữu;  e) Nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định này và Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.) Nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định này và Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên. | Để đảm bảo tính thống nhất và phù hợp, DTNĐ quy định quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu của ngân hàng thương mại là thành viên tương tự quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu của TCTD là Công ty TNHH MTV (Điều 73 Luật Các TCTD). Trong đó:  - DTNĐ quy định số lượng thành viên tối thiểu là 3 thành viên và tối đa là 7 thành viên (giảm 02 thành viên so với quy định tại Luật Các TCTD) do phạm vi, quy mô hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên tại TTTC nhỏ hơn nhiều lần so với các NHTM thông thường (DTNĐ chỉ cho phép thành lập 01 hiện diện trên địa bàn thuộc ranh giới địa lý của TTTC và không được mở rộng mạng lưới hoạt động).  - DTNĐ bổ sung nghĩa vụ Chủ sở hữu “Không được mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp” để phù hợp với thuyết minh tại Điều 29 DTNĐ. | |
|  | **Điều 34. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành của ngân hàng thương mại là thành viên**  1. Tuân thủ pháp luật, quyết định của chủ sở hữu, Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.  2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của ngân hàng thương mại là thành viên và chủ sở hữu ngân hàng thương mại là thành viên.  3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ngân hàng thương mại là thành viên, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của ngân hàng thương mại là thành viên để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của ngân hàng thương mại là thành viên và chủ sở hữu của ngân hàng thương mại là thành viên.  4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại là thành viên theo quy định của Nghị định này.  5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của ngân hàng thương mại là thành viên để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.  6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên.  7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ngân hàng thương mại là thành viên về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của ngân hàng thương mại là thành viên và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.  8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của ngân hàng thương mại là thành viên với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của ngân hàng thương mại là thành viên.  9. Không được tăng thù lao, lương hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi ngân hàng thương mại là thành viên đó bị lỗ.  10. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của cơ quan đó. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra.  11. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên. | Quy định này được xây dựng trên cơ sở tham khảo quy định về quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành của TCTD tại Luật Các TCTD (Điều 48 Luật Các TCTD). | |
|  | **Điều 35. Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên của thành viên là ngân hàng thương mại**  1. Hội đồng thành viên là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh ngân hàng thương mại là thành viên để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của ngân hàng thương mại là thành viên, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu.  2. Hội đồng thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu; nhân danh ngân hàng thương mại là thành viên thực hiện quyền, nghĩa vụ của ngân hàng thương mại là thành viên; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Nghị định này và Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.  3. Trường hợp Hội đồng thành viên có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ngân hàng thương mại là thành viên phải bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.  4. Hội đồng thành viên có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng thành viên quy định.  5. Hội đồng thành viên sử dụng con dấu của ngân hàng thương mại là thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.  6. Hội đồng thành viên phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó tối thiểu phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng thành viên quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban phù hợp với quy định tại Điều 35 Nghị định này.  7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên; quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên của Hội đồng thành viên do Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên quy định phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng. | Đối với các quy định về tổ chức, hoạt động nội bộ (như nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên; quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên của Hội đồng thành viên…), DTNĐ quy định theo hướng giao cho NHTM quy định trong Điều lệ, tạo sự thông thoáng, giảm bớt các thủ tục hành chính phải thực hiện (chính sách vượt trội), tuy nhiên vẫn đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật có liên quan (bao gồm cả quy định tại Điều 74, 75, 76 Luật Các TCTD). | |
|  | **Điều 36. Cơ cấu tổ chức, quy chế làm việc của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự của ngân hàng thương mại là thành viên**  1. Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự phải có tối thiểu 03 thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên khác do Hội đồng thành viên quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định nội bộ và Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên. Một thành viên Hội đồng thành viên chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban.  2. Khi thành lập các Ủy ban, Hội đồng thành viên phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ban hành, ngân hàng thương mại là thành viên gửi các quy định này tới cơ quan có thẩm quyền để báo cáo. | Nội dung quy định này trên cơ sở tham khảo quy định của Thống đốc NHNN về Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự (Điều 17, 18 Thông tư số 34/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Thống đốc NHNN). Đồng thời, DTNĐ giao quyền cho Hội đồng thành viên trong việc ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban, đảm bảo phù hợp quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên và gửi các quy định nội bộ này tới Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế, Ngân hàng Nhà nước để báo cáo. | |
|  | **Điều 37. Ban kiểm soát ngân hàng thương mại là thành viên**  1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên và nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng thành viên.  2. Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại là thành viên có tối thiểu 03 thành viên. Số lượng thành viên của Ban kiểm soát do Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên quy định.  3. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.  4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.  5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ngân hàng thương mại là thành viên phải bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.  6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát do Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên quy định phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng. | Quy định này tham khảo quy định về Ban kiểm soát của TCTD tại Luật Các TCTD (Điều 51, 52, 53, 54 Luật Các TCTD). Trong đó:  - DTNĐ quy định số lượng thành viên tối thiểu là 3 thành viên (giảm hơn so với Luật Các TCTD quy định 5 người) nhằm tinh gọn thành phần Ban kiểm soát do phạm vi hoạt động của NHTM TNHH MTV hẹp hơn, do đó, việc giám sát, đánh giá hoạt động việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, Quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng thành viên sẽ đỡ áp lực hơn so với mô hình hoạt động thông thường.  - Đối với các quy định về tổ chức, hoạt động nội bộ (như nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban, thành viên khác của ban kiểm soát…), DTNĐ quy định theo hướng giao cho NHTM quy định trong Điều lệ, tạo sự thông thoáng, giảm bớt các thủ tục hành chính phải thực hiện (chính sách vượt trội), tuy nhiên vẫn đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật có liên quan (bao gồm cả quy định tại Điều 52, 53, 54 Luật Các TCTD). | |
|  | **Điều 38. Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên**  1. Chủ sở hữu bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) với nhiệm kỳ không quá 05 năm.  2. Tổng giám đốc (Giám đốc) là người điều hành cao nhất của ngân hàng thương mại là thành viên, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, chủ sở hữu về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.  3. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), chủ sở hữu của ngân hàng thương mại là thành viên phải bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc).  4. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) do Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên quy định phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng. | Quy định này tham khảo quy định về Tổng giám đốc (Giám đốc) tại Luật Các TCTD (tham khảo quy định tại Điều 55, 56 Luật Các TCTD). Đối với các quy định về tổ chức, hoạt động nội bộ (quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc)…), DTNĐ quy định theo hướng giao cho NHTM quy định trong Điều lệ, tạo sự thông thoáng, giảm bớt các thủ tục hành chính phải thực hiện (chính sách vượt trội), tuy nhiên vẫn đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật có liên quan (bao gồm cả quy định tại Điều 56 Luật Các TCTD). | |
|  | **Điều 39. Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên**  1. Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  a) Tên, địa điểm đặt trụ sở;  b) Nội dung hoạt động;  c) Thời hạn hoạt động;  d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ;  đ) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc);  e) Thể thức bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc);  g) Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch của chủ sở hữu;  h) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu;  i) Người đại diện theo pháp luật;  k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ;  l) Thể thức thông qua quyết định của ngân hàng thương mại là thành viên; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;  m) Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát;  n) Các trường hợp, thủ tục giải thể;  o) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.  2. Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên phải gửi cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông qua. | Nội dung này được quy định trên cơ sở tham khảo quy định tại Điều 39 Luật Các TCTD về Điều lệ của TCTD là Công ty trách nhiệm hữu hạn. | |
|  | **Điều 40. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại là thành viên**  Thành viên Hội đồng thành viên; thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc); Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng. | Về cơ bản, DTNĐ quy định theo hướng các nhân sự tại Điều này sẽ phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện trên cơ sở quy định tại Luật Các TCTD (Điều 41, 42, 43…). | |
|  | **Điều 41. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên**  1. Danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trước khi bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên phải thuộc danh sách đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.  2. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền danh sách người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên; thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm. | Việc chấp thuận danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên là cần thiết do Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của các Ngân hàng thương mại là người có vai trò quyết định mọi hoạt động của ngân hàng, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh tài chính, an ninh kinh tế của các thành viên trong TTTC. Bên cạnh đó, việc chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Điểm 4 Thông báo kết luận số 282/TB-VPCP ngày 04/6/2025 *“Cắt bỏ các loại giấy phép khi đã có tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy hoạch, trừ những lĩnh vực hoạt động nhạy cảm, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia và an ninh kinh tế”.*  Đồng thời, hiện Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (hiện tại là Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung). Do vậy, trong giai đoạn NHNN được giao thực hiện việc chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự, hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên sẽ thực hiện theo quy định tại Thông tư này (áp dụng tương tự quy định đối với Ngân hàng thương mại).  Trường hợp Cơ quan Giám sát Trung tâm tài chính quốc tế được giao thực hiện việc chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự, cần xem xét việc sửa đổi Thông tư số 22/2018/TT-NHNN (liên quan đến thẩm quyền chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự) hoặc ban hành Thông tư hướng dẫn nội dung này để Cơ quan Giám sát Trung tâm tài chính quốc tế có cơ sở triển khai thực hiện. | |
|  | **Điều 42. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ**  Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc); Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên phải tuân thủ quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Luật Các tổ chức tín dụng.Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc); Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên phải tuân thủ quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Luật Các tổ chức tín dụng. | Quy định này trên cơ sở tham khảo quy định tại Điều 42, 43 Luật Các TCTD về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ. | |
|  | **Điều 43. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách**  1. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.  2. Trừ trường hợp ngân hàng thương mại là thành viên bị thu hồi Giấy phép, Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại là thành viên phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.  3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm. | Về cơ bản, DTNĐ quy định theo hướng áp dụng tương tự trường hợp đương nhiên mất tư cách tại Luật Các TCTD (Điều 45 Luật Các TCTD). | |
|  | **Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm**  1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 43 Nghị định này, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.  2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.  3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại là thành viên phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo cơ quan có thẩm quyền. | Về cơ bản, DTNĐ quy định theo hướng áp dụng tương tự các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm tại Luật Các TCTD (Điều 46 Luật Các TCTD). | |
|  | **Điều 45. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và người điều hành của ngân hàng thương mại là thành viên**  1. Cơ quan có thẩm quyền có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; người điều hành của ngân hàng thương mại là thành viên vi phạm quy định tại khoản 10 Điều 34 Nghị định này, quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Luật Các tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 40 của Nghị định này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.  2. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại là thành viên. | Quy định này xây dựng theo hướng áp dụng tương tự quy định về đình chỉ, tạm đình chỉ thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, người điều hành tại Luật Các TCTD và có chỉnh sửa để phù hợp với các quy định tại DTNĐ (Điều 47 Luật các TCTD). | |
|  | **Điều 46. Cung cấp, công bố công khai thông tin**  1. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên phải cung cấp cho ngân hàng thương mại là thành viên các thông tin sau đây:  a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;  b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);  c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;  d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.  2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải gửi ngân hàng thương mại là thành viên bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của ngân hàng thương mại là thành viên và gửi báo cáo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng thương mại là thành viên nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, ngân hàng thương mại là thành viên công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại là thành viên.  4. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó. | Quy định này tham khảo quy định tại Điều 49 Luật Các TCTD về việc cung cấp, công bố công khai thông tin và có chỉnh sửa để phù hợp với loại hình hoạt động của Ngân hàng thương mại TNHH MTV. | |
|  | **Điều 47. Hệ thống kiểm soát nội bộ**  1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của ngân hàng thương mại là thành viên và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.  3. Cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu ngân hàng thương mại là thành viên thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ khi xét thấy cần thiết.  4. Ngân hàng thương mại là thành viên xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. | Về cơ bản, quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ tại DTNĐ là tương tự quy định tại Luật Các TCTD (Điều 57 Luật Các TCTD). | |
|  | **Điều 48. Kiểm toán nội bộ**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên phải thành lập kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát để thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ.  2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của ngân hàng thương mại là thành viên; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm ngân hàng thương mại là thành viên hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.  3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên thành viên.3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên thành viên. | DTNĐ quy định NHTM là thành viên TTTC phải thành lập kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ. Quy định này được tham khảo quy định tại Luật Các TCTD (Điều 58), phù hợp với quy định về cơ cấu tổ chức của NHTM là thành viên TTTC. Theo đó, cần thiết phải có kiểm toán nội bộ trong bộ máy của NHTM là thành viên TTTC, nhằm đánh giá độc lập và khách quan các quy trình, hệ thống kiểm soát nội bộ, đảm bảo an toàn hoạt động của NHTM là thành viên TTTC. | |
|  | **Điều 49. Kiểm toán độc lập**  Trước khi kết thúc năm tài chính, ngân hàng thương mại là thành viên phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo. | Nội dung quy định này trên cơ sở tham khảo quy định tại Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng, trong đó DTNĐ bỏ nội dung về việc thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn trong thời hạn 30 ngày để giảm thiểu thủ tục hành chính. Ngân hàng thương mại là thành viên phải chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định về việc kiểm toán độc lập, lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định pháp luật có liên quan. | |
|  | **Mục 2: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên** |  | |
|  | **Điều 50. Cơ cấu tổ chức quản lý**  Cơ cấu tổ chức quản lý của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên do ngân hàng mẹ quyết định và tuân thủ quy định của Nghị định này về điều hành, quy định tại Điều 47 và Điều 49 Nghị định này; việc kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định của ngân hàng mẹ. | - Tham khảo, vận dụng theo Điều 97 Luật Các TCTD  - Về cơ bản DTNĐ trên cơ sở tham khảo quy định tại Luật Các TCTD. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC do ngân hàng nước ngoài quyết định và tuân thủ quy định của Nghị định này về điều hành, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán độc lập; việc kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định của ngân hàng nước ngoài. | |
|  | **Điều 51. Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  1. Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước là thành viên là người đại diện cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên và điều hành hoạt động hằng ngày theo quyền, nghĩa vụ phù hợp với quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  2. Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 2 Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng và phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 40 của Nghị định này. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải được Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm.  3. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. | - Tham khảo, vận dụng theo Điều 98 Luật Các TCTD.  - Bổ sung nội dung không được đảm nhiệm chức vụ dẫn chiếu tới Điều 42 Luật các TCTD do trong Luật TCTD được kết cấu riêng 01 chương Quy định chung áp dụng cho TCTD, chi nhánh NHNNg, tại dự thảo Nghị định chưa có quy định này đối với chi nhánh NHNNg.  - Đề xuất không quy định việc Người dự kiến bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải được Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính/Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm:  *Lý do:* Các nội dung này NHNN khó có thể đánh giá tính xác thực, gây phức tạp, khó khăn cho cả cơ quan quản lý và thành viên TTTC. Việc bổ nhiệm nhân sự là Tổng giám đốc (giám đốc) chi nhánh NHNNg nên được chịu trách nhiệm bởi ngân hàng mẹ đảm bảo tuân thủ các điều kiện quy định tại Nghị định. | |
|  | **Điều 52. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên do ngân hàng mẹ quyết định và có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.  2. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm. | Bổ sung 01 Điều quy định về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh NHNNg để đảm bảo quy định chặt chẽ về cung cấp thông tin và trách nhiệm của Tổng giám đốc (Giám đốc) trong quá trình đương nhiệm. | |
|  | **Chương IV. HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN** |  | |
|  | **Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN** |  | |
|  | **Điều 53. Nội dung hoạt động được phép của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  Nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác được ghi trong Giấy phép cấp cho từng ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên. | Quy định tương tự như các TCTD trong nước | |
|  | **Điều 54. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên theo quy định của pháp luật đối với từng hoạt động cụ thể tại Mục 2 Chương này.  3. Lãi suất trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên đối với khách hàng thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | Quy định tương tự như các TCTD trong nước nội dung về lãi suất có sửa để phù hợp với phạm vi hoạt động trong TTTC. | |
|  | **Điều 55. Quy định nội bộ**  1. Căn cứ vào quy định của Nghị định này, quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ đối với hoạt động nghiệp vụ, bao gồm cả việc thực hiện hoạt động nghiệp vụ bằng phương tiện điện tử, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải ban hành quy định nội bộ về các nội dung sau đây:  a) Cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng;  b) Phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;  c) Đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;  d) Quản lý thanh khoản, trong đó có thủ tục và giới hạn quản lý thanh khoản;  đ) Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động;  e) Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;  g) Quản trị rủi ro trong hoạt động;  h) Phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;  i) Phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải gửi cho cơ quan có thẩm quyền quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành. | Quy định tương tự như các TCTD trong nước | |
|  | **Điều 56. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng vốn vay**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng quy định tại khoản 1 Điều này; có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích.  4. Khách hàng có nghĩa vụ sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết, hoàn trả nợ gốc, lãi, phí đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận. | Quy định tương tự như các TCTD trong nước | |
|  | **Điều 57. Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm.  2. Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác thì ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm theo hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật Việt Nam. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua, bán nợ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  3. Trường hợp khách hàng hoặc bên bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về phá sản và theo thông lệ quốc tế.  4. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền quyết định miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Quy định tương tự như các TCTD trong nước | |
|  | **Điều 58. Lưu trữ hồ sơ tín dụng**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải lưu trữ hồ sơ tín dụng, bao gồm:  a) Tài liệu, dữ liệu đề nghị cấp tín dụng;  b) Tài liệu, dữ liệu thẩm định, quyết định cấp tín dụng;  c) Hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng; hồ sơ về biện pháp bảo đảm trong trường hợp có áp dụng biện pháp bảo đảm;  d) Tài liệu, dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng khoản cấp tín dụng liên quan đến hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng.  2. Thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về lưu trữ. | Quy định tương tự như các TCTD trong nước | |
|  | **Điều 59. Giao dịch điện tử trong hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  Hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. | Quy định tương tự như các TCTD trong nước | |
|  | **Mục 2. HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN** |  | |
|  | **Điều 60. Nhận tiền gửi**  1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn:  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được nhận tiền gửi không kỳ hạn theo quy định tại Điều 62 Nghị định này.  2. Nhận tiền gửi có kỳ hạn  a) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được nhận tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ từ các Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, quy định tại Nghị định này và quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tiền gửi có kỳ hạn.  b) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được nhận tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ từ cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên.  c) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được nhận tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam.. | - Hoạt động nhận tiền gửi có kỳ hạn là một trong các hoạt động cơ bản và truyền thống của các ngân hàng thương mại, các ngân hàng được thực hiện hoạt động nhận tiền gửi theo quy định hiện hành. Do đó, việc cho phép các ngân hàng là thành viên TTTC được thực hiện hoạt động nhận tiền gửi sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động, kinh doanh của các ngân hàng trong TTTC.  - Để thực hiện mục tiêu thu hút vốn nước ngoài vào Trung tâm tài chính, khoản 2 Điều này tại thảo Nghị định xây dựng quy định vượt trội về đối tượng nhận tiền gửi có kỳ hạn so với quy định hiện hành, theo đó được nhận tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ từ các tổ chức, cá nhân là người không cư trú ở nước ngoài. Đồng thời để hạn chế dòng vốn từ Việt Nam vào TTTCQT và ra nước ngoài, dự thảo Nghị định quy định không được nhận tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ từ các tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam.  - Về quy định hướng dẫn đối với hoạt động nhận tiền gửi CKH bằng ngoại tệ: quy định hiện hành về tiền gửi CKH bằng ngoại tệ (Thông tư 49/2018/TT-NHNN) đã có đầy đủ quy định để hướng dẫn hoạt động này, có thể căn cứ quy định hiện hành để thực hiện. Do đó, dự thảo NĐ quy định ngân hàng 100% vốn trong nước thực hiện việc nhận tiền gửi CKH bằng ngoại tệ theo quy định hiện hành về nhận tiền gửi CKH bằng ngoại tệ. Đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, để tạo điều kiện thuận lợi thu hút nguồn vốn nước ngoài vào Việt Nam (dòng vốn vào dưới hình thức tiền gửi CKH) thông qua các định chế tài chính quốc tế hoạt động tại TTTC, hướng tới áp dụng chuẩn mực quốc tế đối với hoạt động nhận tiền gửi CKH, dự thảo NĐ quy định việc nhận tiền gửi CKH bằng ngoại tệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại TTTC thực hiện theo chính sách chủ sở hữu/ngân hàng mẹ.  - về việc không cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhận tiền gửi CKH bằng VND:  + Để phù hợp nội dung các đơn vị NHNN đã thống nhất trong giai đoạn trước đây về việc TCTD, CNNHNNg là thành viên TTTC không huy động vốn bằng VND, cũng như định hướng chính sách tại các văn bản của Đảng ủy Chính phủ trình Bộ Chính trị, đã dự kiến Chính phủ sẽ quy định không cho phép thành viên TTTCQT huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân không phải là thành viên TTTCQT trên lãnh thổ Việt Nam .  + Qua rà soát kinh nghiệm quốc tế, các TTTC Astana-Kazakhstan, Dubai-UAE, GIFT City - Ấn độ cấm việc huy động vốn bằng nội tệ do các TTTC chủ yếu phục vụ các tổ chức là khách hàng không cư trú, các giao dịch tài chính quốc tế và các nhà đầu tư lớn. Chính sách này giúp ngăn chặn việc các ngân hàng tại TTTC cạnh tranh với hệ thống ngân hàng nội địa, bảo vệ ngân hàng nội địa khỏi rủi ro rút vốn và “chảy máu tiền gửi”, giảm thiểu các rủi ro liên quan đến thanh khoản và rủi ro “lách luật” chuyển tài sản ra nước ngoài thông qua các TTTC, đảm bảo tuân thủ kiểm soát ngoại hối.  + Để phù hợp với định hướng không cho phép mở tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam tại dự thảo Nghị định. | |
|  | **Điều 61. Cấp tín dụng**  1. Cho vay  a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên Trung tâm tài chính chỉ được thực hiện cho vay bằng ngoại tệ đối với tổ chức là thành viên (không bao gồm ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên), tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên Trung tâm tài chính (không bao gồm các tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên) theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.  b) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện cho vay bằng ngoại tệ đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam (không bao gồm tổ chức tín dụng nước ngoài) theo quy định tại Chương IX Nghị định này.  2. Chiết khấu  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên chỉ được thực hiện chiết khấu bằng ngoại tệ với thành viên (không bao gồm ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên), tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (không bao gồm tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên), cá nhân, tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng nước ngoài) ngoài lãnh thổ Việt Nam theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.  3. Bảo lãnh ngân hàng  a) Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên chỉ được thực hiện bảo lãnh ngân hàng bằng ngoại tệ và thực hiện theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ quy định đối với thành viên, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên và không phải tuân thủ quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định này.  b) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉ được thực hiện bảo lãnh ngân hàng bằng ngoại tệ và thực hiện theo tập quán thương mại quốc tế quy định tại Điều 3 Nghị định này đối với thành viên; chỉ được thực hiện bảo lãnh ngân hàng bằng ngoại tệ đối với tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  4. Phát hành thẻ tín dụng  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được phát hành thẻ tín dụng theo quy định tại Điều 65 Nghị định này.  5. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế  a) Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên chỉ được thực hiện bao thanh toán và dịch vụ liên quan đến bao thanh toán bằng ngoại tệ đối với thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ quy định và không phải tuân thủ quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định này.  b) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉ được thực hiện bao thanh toán và dịch vụ liên quan đến bao thanh toán bằng ngoại tệ và thực hiện theo tập quán thương mại quy định tại Điều 3 Nghị định này đối với thành viên; chỉ được thực hiện bao thanh toán và dịch vụ liên quan đến bao thanh toán bằng ngoại tệ đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc ngân hàng Nhà nước.  6. Thư tín dụng  a) Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên chỉ được thực hiện nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh liên quan đến thư tín dụng bằng ngoại tệ đối với thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ quy định và không phải tuân thủ quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định này.  b) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉ được thực hiện nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh liên quan đến thư tín dụng bằng ngoại tệ và thực hiện theo tập quán thương mại quốc tế quy định tại Điều 3 Nghị định này đối với thành viên; chỉ được thực hiện nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh liên quan đến thư tín dụng bằng ngoại tệ đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. | **1. Cho vay:**  Quy định này cho phép ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTCQT chỉ được thực hiện cho vay bằng ngoại tệ đối với tổ chức là thành viên TTTCQT (không bao gồm ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên Trung tâm tài chính (không bao gồm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về TTTCQT (như các văn bản hướng dẫn của Cơ quan Giám sát TTTC…).  Quy định này nhằm cụ thể hóa mục tiêu của Quốc hội về phát triển TTTCQT vận hành theo thông lệ quốc tế, kết nối với các thị trường và trung tâm tài chính lớn trên thế giới, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn từ bên ngoài lãnh thổ Việt Nam vào TTTCQT để từ đó vào Việt Nam. Theo đó, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTCQT được phép cho vay bằng ngoại tệ theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTCQT thực hiện theo khuôn khổ pháp lý phù hợp với đặc thù hoạt động (có nguồn vốn là ngoại tệ) nên chỉ cho vay bằng ngoại tệ và hướng đến việc áp dụng thông lệ, chuẩn mực quốc tế đối với hoạt động này  **2. Chiết khấu:**  Quy định này cho phép ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTCQT chỉ được thực hiện chiết khấu bằng ngoại tệ đối với thành viên TTTCQT (không bao gồm ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên TTTC (không bao gồm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân, tổ chức (không bao gồm các tổ chức tín dụng) ngoài lãnh thổ Việt Nam theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính (như các văn bản hướng dẫn của Cơ quan Giám sát TTTC…).  Quy định này nhằm cụ thể hóa mục tiêu của Quốc hội về phát triển TTTCQT vận hành theo hướng các chuẩn mực quốc tế tiên tiến, kết nối với các thị trường và trung tâm tài chính lớn trên thế giới, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn vào TTTCQT. Theo đó, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTCQT được phép chiết khấu bằng ngoại tệ theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTCQT thực hiện theo khuôn khổ pháp lý phù hợp với đặc thù hoạt động (có nguồn vốn là ngoại tệ) nên chỉ thực hiện chiết khấu bằng ngoại tệ và hướng đến việc áp dụng thông lệ, chuẩn mực quốc tế đối với hoạt động này.  **3. Bảo lãnh ngân hàng; bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế; Thư tín dụng**  - Đối với nội dung quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6:  (i) Xây dựng chính sách thông thoáng, thu hút dòng vốn từ thị trường quốc tế vào TTTC và từ TTTC vào Việt Nam thông qua việc cấp tín dụng cho các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam.  (ii) Phù hợp điểm a khoản 6 Điều 5 Nghị quyết 222 quy định nguyên tắc hoạt động của TTTC tạo môi trường hấp dẫn cho đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính để thúc đẩy thu hút đầu tư và tự do di chuyển nguồn vốn quốc tế giữa TTTC quốc tế và thế giới; điểm d Khoản 1 Điều 11 quy định thành viên có quyền tự do tiến hành các hoạt động kinh doanh với thành viên khác. Việc quy định cho phép NHTM 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg áp dụng theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng và NHTM 100% vốn trong nước thực hiện theo thông lệ quốc tế đối với khách hàng là thành viên TTTC nhằm phù hợp với nguyên tắc này.  - Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3, điểm b khoản 5, điểm b khoản 6 trong trường hợp NHTM 100% vốn trong nước cấp tín dụng (bảo lãnh, thư tín dụng, bao thanh toán) đối với khách hàng là cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và khách hàng là tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên TTTC:  + Phù hợp với việc chỉ có định hướng khuyến khích các dòng vốn lớn từ TTTC vào Việt Nam mà không có định hướng khuyến khích các dòng vốn từ TTTC ra nước ngoài, đồng thời phù hợp với quy định tại điểm b khoản 7 Điều 16 Nghị quyết 222, theo đó NHTM 100% vốn trong nước phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối áp dụng đối với cho vay của Việt Nam ra nước ngoài và khoản 3 Điều 17 Nghị quyết 222 quy định NHTM 100% vốn trong nước thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn**.** | |
|  | **Điều 62. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ cho tổ chức là thành viên; cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam; cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán cho khách hàng thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mở và sử dụng tài khoản thanh toán và quy định về quản lý ngoại hối tại Chương IX Nghị định này.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được mở tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam cho thành viên; cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên; tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam. | - Về quy định các NHTM, CN NHNNg là thành viên TTTC được mở TKTT bằng ngoại tệ cho tổ chức là thành viên TTTC; tổ chức, cá nhân thuộc phần còn lại của thế giới và tổ chức, cá nhân tại Việt Nam. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán cho khách hàng thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về mở và sử dụng tài khoản thanh toán; việc sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ thực hiện theo quy định về quản lý ngoại hối áp dụng tại Trung tâm tài chính:  **Lý do:** Căn cứ quy định tại Điều 16 Nghị quyết 222/2025/QH15 về chính sách ngoại hối trong TTTC (các giao dịch trong TTTC được thực hiện bằng ngoại tệ) và phù hợp với mục tiêu của TTTC là thúc đẩy huy động vốn từ nước ngoài.  Hiện nay việc mở, sử dụng TKTT được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2024/NĐ-CP (Chương II), Thông tư số 17/2024/TT-NHNN và việc sử dụng TKTT bằng ngoại tệ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-NHNN ngày 01/8/2014 về hướng dẫn sử dụng tài khoản ngoại tệ, tài khoản đồng Việt Nam của người cư trú, người không cư trú tại ngân hàng được phép.  - Về quy định NHTM, CN NHNNg là thành viên TTTC không được mở TKTT bằng đồng Việt Nam cho thành viên TTTC; tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên TTTC; tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam.  **Lý do:** Để hạn chế rủi ro “chảy máu vốn” từ trong nước khi mở cửa tài chính tại TTTC. Các TTTC Astana-Kazakhstan, Dubai-UAE, GIFT City - Ấn độ đều tập trung cho phép nhận tiềngửi ngoại tệ và cấm hoàn toàn việc huy động vốn bằng nội tệ | |
|  | **Điều 63. Cung ứng các phương tiện thanh toán**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cung ứng các phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ đối với thành viên; cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên và cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam. Việc cung ứng các phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ thực hiện theo quy định hiện hành và quy định về quản lý ngoại hối tại Chương IX Nghị định này; trừ việc phát hành thẻ thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định này.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được cung ứng các phương tiện thanh toán bằng đồng Việt Nam đối với thành viên; cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên. | - Về quy định NHTM, CN NHNNg là thành viên TTTC được cung ứng các phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ đối với thành viên TTTC, cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên TTTC và cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam. Việc cung ứng các phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành của Ngân hàng Nhà nước; trừ việc phát hành thẻ thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định này.  **Lý do đề xuất:** Việc cung ứng phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ cho thành viên TTTC, tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam để thực hiện các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ và phù hợp với các đề xuất chính sách hoạt động của NHTM, CN NHNNg tại TTTC.  Việc cung ứng các phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ1 thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành như: Thông tư số 22/2015/TT-NHNN ngày 20/11/2015 quy định về về cung ứng và sử dụng séc, Luật Công cụ chuyển nhượng… trừ việc phát hành thẻ thực hiện theo quy định tại Nghị định này.  - Về quy định NHTM, CN NHNNg là thành viên TTTC không được cung ứng các phương tiện thanh toán bằng đồng Việt Nam đối với thành viên TTTC, tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên TTTC.  **Lý do đề xuất**: Để hạn chế rủi ro “chảy máu vốn” từ trong nước khi mở cửa tài chính tại TTTC và phù hợp với quy định NHTM, CN NHNNg là thành viên TTTC không mở TKTT bằng đồng Việt Nam và cũng không thực hiện các giao dịch thanh toán bằng đồng Việt Nam cho các thành viên TTTC, tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên TTTC. | |
|  | **Điều 64. Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (trừ hoạt động thẻ ngân hàng thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định này) cho tổ chức là thành viên; cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam; cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên. Việc thực hiện các giao dịch thanh toán qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối tại Chương IX Nghị định này, bảo vệ dữ liệu người dùng, an ninh mạng, quản lý thuế, thỏa thuận quốc tế về thanh toán mà Việt Nam tham gia.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam cho thành viên; cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên; cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam. | - Cơ sở đề xuất: căn cứ quy định về mở tài khoản thanh toán cho khách hàng để quy định về cung ứng dịch vụ thanh toán tương ứng.  Khoản 1 Điều 5 Nghị định 52/2024/NĐ-CP quy định: Thanh toán bằng ngoại tệ và thanh toán quốc tế phải tuân theo các quy định của Nghị định này, pháp luật về quản lý ngoại hối, bảo vệ dữ liệu người dùng, an ninh mạng, quản lý thuế, pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thanh toán mà Việt Nam tham gia. Do đó, đối với cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản bằng ngoại tệ phải tuân thủ quy định pháp luật về quản lý ngoại hối. | |
|  | **Điều 65. Hoạt động thẻ ngân hàng**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được phát hành thẻ tín dụng bằng ngoại tệ, thẻ ghi nợ bằng ngoại tệ đối với thành viên, cá nhân, tổ chức ở nước ngoài và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Khi thực hiện giao dịch thẻ, chủ thẻ phải thực hiện thanh toán cho ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên (là tổ chức phát hành thẻ) bằng ngoại tệ. Đồng tiền sử dụng trong giao dịch thẻ trên lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định hiện hành.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được phát hành thẻ tín dụng bằng ngoại tệ, thẻ ghi nợ bằng ngoại tệ đối với cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam. | - Không cho phép Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTC được phát hành thẻ trả trước[[1]](#footnote-1) (bao gồm thẻ trả trước định danh và thẻ trả trước vô danh) để tránh rủi ro lợi dụng thẻ trả trước cho các mục đích vi phạm pháp luật. Quy định hiện hành về hoạt động thẻ ngân hàng[[2]](#footnote-2) hiện đã đưa ra một số quy định nhằm giảm thiểu rủi ro đối với thẻ trả trước như hạn mức giao dịch, thời hạn hiệu lực thẻ. Tuy nhiên, việc phát hành thẻ tại các Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTC có thể phát sinh thêm các rủi ro liên quan đến định danh khách hàng. Do đó, đề xuất không cho phép Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTC được phát hành thẻ trả trước.  - Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTC không được phát hành thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ đối với *cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam*. Vì:  (i) Phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối về cho vay bằng ngoại tệ tại Nghị quyết số 222/2025/QH15 về TTTC quốc tế tại Việt Nam.  (ii) Cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam được phát hành và sử dụng thẻ theo quy định pháp luật hiện hành. Hiện nay, các ngân hàng là tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ tại Việt Nam đã hợp tác với các tổ chức thẻ quốc tế (như Visa, Mastercard, JCB, UPI,…) để phát hành cũng như thanh toán thẻ ngân hàng. Theo đó, khách hàng nước ngoài có thể sử dụng thẻ được phát hành tại các tổ chức phát hành thẻ nước ngoài để thanh toán hàng hóa dịch vụ tại Việt Nam và ngược lại khách hàng tại Việt Nam cũng có thể sử dụng thẻ được phát hành bởi tổ chức phát hành thẻ tại Việt Nam để thanh toán hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài. Vụ Thanh toán hiện đang xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng trong đó sửa đổi quy định về điều kiện phát hành thẻ cho người nước ngoài (không yêu cầu thời hạn cư trú tại Việt Nam trên 12 tháng). Theo đó, người nước ngoài khi đến Việt Nam hoàn toàn có thể phát hành và sử dụng thẻ theo quy định pháp luật hiện hành. Do đó, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam hoàn toàn có thể sử dụng thẻ được phát hành tại các tổ chức phát hành thẻ tại Việt Nam hoặc các tổ chức phát hành thẻ nước ngoài (đối với người nước ngoài) để thanh toán tại Việt Nam, hay tại Trung tâm tài chính đặt tại Tp. Hồ Chí Minh hay Tp. Đà Nẵng một cách thuận tiện.  - Quy định cụ thể về đồng tiền trong giao dịch đối với thẻ được phát hành tại Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTC đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành về quản lý ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam. | |
|  | **Điều 66. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi bằng ngoại tệ, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá phát hành bằng ngoại tệ với ngân hàng thương mại khác là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện cho vay bằng ngoại tệ đối với tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Mục 4 Chương IX Nghị định này. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được vay ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện các hoạt động đối với tổ chức tín dụng nước ngoài sau:  a) Cho vay theo quy định tại Chương IX Nghị định này.  b) Vay theo quy định tại Chương IX Nghị định này.  c) Gửi ngoại tệ ở nước ngoài:  i) Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện gửi ngoại tệ ở nước ngoài theo hướng dẫn của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.  ii) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được thực hiện hoạt động gửi ngoại tệ ở nước ngoài theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hoạt động gửi ngoại tệ ở nước ngoài.  d) Nhận tiền gửi từ tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  e) Không được mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng ở nước ngoài.  4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được thực hiện cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá bằng đồng Việt Nam. | Việc quy định ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên của TTTC thực hiện cho vay đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại phần còn lại thuộc lãnh thổ Việt Nam là phù hợp với định hướng xây dựng TTTC khuyến khích các dòng vốn lớn từ TTTC vào Việt Nam thông qua việc cấp tín dụng cho các tổ chức. | |
|  | **Điều 67. Mở tài khoản của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được mở tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tại ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải thành viên. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tại ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên thực hiện theo quy định hiện hành về mở và sử dụng tài khoản thanh toán và quy định về quản lý ngoại hối tại Chương IX Nghị định này.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động, dịch vụ theo quy định tại Giấy phép, phạm vi hoạt động quy định tại Chương IV Nghị định này và quy định pháp luật của nước sở tại nơi mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ, không phải thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp phép mở và sử dụng tài khoản thanh toán ngoại tệ ở nước ngoài.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | - Về quy định NHTM, CN NHNNg là thành viên TTTC được mở TKTT bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tại ngân hàng thương mại, CN NHNNg tại Việt Nam.  **Lý do đề xuất:** Cho phép NHTM, CN NHNNg là thành viên TTTC được mở TKTT bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tại ngân hàng thương mại, CN NHNNg tại Việt Nam để thực hiện mục đích chuyển vốn, các hoạt động thanh toán từ TTTC với phần còn lại của Việt Nam. Việc mở, sử dụng các TKTT này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành (không có chính sách đặc thù).  Việc mở, sử dụng TKTT của TCTD tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2024/TT-NHNN ngày 15/5/2024 (Điều 15); Thông tư 17/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 (Chương I, III) và quy định pháp luật về quản lý ngoại hối.  - Về quy định NHTM, CN NHNNg là thành viên TTTC không được mở TKTT tại NHNN.  **Lý do đề xuất:** Trên cơ sở định hướng của NHNN về việc không thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng Trung ương đối với hoạt động của các TCTD là thành viên TTTC2, do đó, đề xuất không cho phép mở tài khoản tại NHNN. | |
|  | **Điều 68. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được tổ chức thanh toán nội bộ, không được tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế phổ biến: Visa, MasterCard, JCB, UPI, SWIFT. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để được bổ sung vào Giấy phép khi có nhu cầu tham gia các hệ thống nêu trên.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế khác khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản. | - Về quy định NHTM, CN NHNNg là thành viên TTTC được (i) tổ chức thanh toán nội bộ; (ii) tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phổ biến: Visa, MasterCard, JCB, UPI, SWIFT theo đề nghị và (iii) tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế khác khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản (quy định tại khoản 2 Điều 110 Luật TCTD).  **Lý do đề xuất:** (i) Để thực hiện các hoạt động chuyển tiền, thanh toán, quyết toán trong TTTC. (ii) Hiện nay theo quy định pháp luật hiện hành, để được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, các ngân hàng, CN NHNNg phải nộp hồ sơ xin chấp thuận tham gia hệ thông thanh toán quốc tế theo quy định tại Thông tư số 34/2024/TT-NHNN. Đối với một số hệ thống thẻ, hệ thống thanh toán quốc tế phổ biến, cho phép NHTM, CN NHNNg được tham gia khi có văn bản đề nghị mà không cần nộp hồ sơ theo quy định nhằm đơn giản hóa quy trình, thủ tục tham gia hệ thống thanh toán quốc tế cho các TCTD là thành viên TTTC, tăng lợi thế cạnh tranh của TTTC.  - Về quy định không được tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.  **Lý do đề xuất:** Theo quy định pháp luật hiện hành, thành viên tham gia Hệ thống TTLNH bao gồm các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các thành viên tham gia phải có TKTT mở tại NHNN. Hệ thống TTLNH là hệ thống thanhtoán quan trọng nhất, đóng vai trò chủ đạo cho hoạt động thanh toán, truyền dẫn chính sách tiền tệ, có ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế. Hoạt động Hệ thống TTLNH có thể phải đối diện với các rủi ro (tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro vận hành…) khi một thành viên tham gia hệ thống thanh toán không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn dẫn đến việc các thành viên tham gia khác cũng không thể thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn, các rủi ro này có thể lan truyền rủi ro đến các hệ thống thanh toán khác, ảnh hưởng đến hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Như vậy, thành viên tham gia Hệ thống TTLNH phải là các tổ chức được thẩm định về năng lực, có cơ chế quản lý rủi ro hiệu quả, chịu sự giám sát, quản lý chặt chẽ để hạn chế rủi ro cho hoạt động của Hệ thống TTLNH  Tuy nhiên, các chủ thể hoạt động trong TTTC quốc tế là các chủ thể được hưởng nhiều chính sách ưu đãi/hạn chế. Các chính sách ưu đãi có độ mở cao (các chính sách về ngoại hối, đầu tư…) đồng nghĩa với việc các chủ thể cũng có nguy cơ phát sinh các các rủi ro lớn hơn (rủi ro tỷ giá, rủi ro thị trường, rủi ro phòng, chống rửa tiền…). Các chủ thể này cũng đồng thời, chịu những hạn chế trong giao dịch theo quy định pháp luật Việt Nam về chính sách quản lý ngoại hối. Việc cho phép chủ thể hoạt động tại TTTC tham gia Hệ thống TTLNH với vai trò là thành viên có thể trực tiếp gây ra rủi ro cho hệ thống đồng thời phát sinh trách nhiệm cơ quan quản lý trong quản lý, giám sát mục đích của từng giao dịch (để đảm bảo các giao dịch tuân thủ chính sách, quy định về quản lý ngoại hối đối với các chủ thể này), điều này không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu quản lý, giám sát của NHNN.  Theo quy định tại dự thảo Nghị định, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại TTTC quốc tế được mở tài khoản tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, hoạt động chuyển tiền, thanh toán từ TTTC quốc tế với phần còn lại của Việt Nam và ngược lại vẫn được đảm bảo thực hiện thuận lợi, hiệu quả. | |
|  | **Điều 69. Giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện giao dịch ngoại tệ giữa các ngoại tệ với nhau (sau đây gọi là giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ) với các thành viên khác theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được thực hiện giao dịch ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ với các Thành viên khác.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (sau đây gọi là tổ chức tín dụng được phép) với vai trò là tổ chức tài chính nước ngoài thực hiện giao dịch với tổ chức tín dụng được phép theo phạm vi hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế của tổ chức tín dụng được phép đó.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện giao dịch ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép với vai trò là tổ chức kinh tế thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được thực hiện giao dịch ngoại tệ với cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên ngoài phạm vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.  5. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ trên thị trường quốc tế trong phạm vi hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế được ghi trong Giấy phép và theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được thực hiện giao dịch ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ trên thị trường quốc tế.  ***Đối với giao dịch ngoại tệ của thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài***  **Phương án 1**  6. Thành viên trung tâm tài chính không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép thuộc phần còn lại của Việt Nam với vai trò là người không cư trú thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  **Phương án 2:** Quy định khoản 6 Điều này tại Điều 70 | 1. Điều này quy định về giao dịch ngoại tệ giữa các NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (CN NHNNg) là Thành viên TTTC với nhau và với TCTD được phép thuộc phần còn lại của Việt Nam theo hướng: (i) trên cơ sở các quy định hiện hành (Pháp lệnh ngoại hối (đã sửa đổi, bổ sung); Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17/7/2014 về hướng dẫn Pháp lệnh ngoại hối; Thông tư 21/2014/TT-NHNN hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 02/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 về hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các TCTD được phép và các quy định khác về quản lý ngoại hối); (ii) quy định cụ thể về phạm vi, đối tượng và loại hình giao dịch ngoại tệ (giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ và giao dịch ngoại tệ -VND) để hạn chế việc các hoạt động trên thị trường ngoại tệ trong TTTC tác động tiêu cực đến ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính, tiền tệ ở phần còn lại Việt Nam. Cụ thể:  - Giao dịch ngoại tệ giữa NHTM, CN NHNNg là Thành viên với nhau và với các Thành viên khác: được thực hiện giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ theo quy định hiện hành.  - Giao dịch ngoại tệ giữa NHTM, CN NHNNg là Thành viên và TCTD được phép trên lãnh thổ Việt Nam:  + Về giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ: Điều này quy định NHTM, CN NHNNg là Thành viên được thực hiện giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ với TCTD được phép trong đó NHTM, CN NHNNg là Thành viên đóng vai trò là tổ chức tài chính nước ngoài. Các giao dịch này thực hiện theo phạm vi hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế của TCTD được phép.  + Về giao dịch ngoại tệ - VND: NHTM, CN NHNNg là Thành viên được thực hiện giao dịch ngoại tệ - VND với TCTD được phép với vai trò là tổ chức kinh tế nhằm: (i) tạo điều kiện cho TCTD là Thành viên thực hiện giao dịch khi có nhu cầu VND để thanh toán đối với các giao dịch được phép thực hiện bằng VND (chẳng hạn như các giao dịch thuế, phí, thanh toán sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa với phần còn lại của Việt Nam); (ii) tạo điều kiện cho TCTD là Thành viên có thể mua ngoại tệ để chuyển lợi nhuận về nước trường hợp có nguồn thu hợp pháp bằng VND; (iii) Hạn chế việc các hoạt động trên thị trường ngoại tệ trong TTTC tác động tiêu cực đến ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính, tiền tệ ở phần còn lại Việt Nam.  2. Hiện nay, theo quy định tại Thông tư 21/2014/TT-NHNN hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung), các TCTD được phép hoạt động ngoại hối tại Việt Nam: **(i)** được thực hiện các giao dịch ngoại tệ trên thị trường quốc tế trong phạm vi hoạt động ngoại hối được ghi trong Giấy phép; và **(ii)** tự chịu trách nhiệm về giao dịch này và tuân thủ các quy định pháp luật về đảm bảo an toàn, phòng chống rủi ro.  Bên cạnh đó, các quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này tại dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm hạn chế các hoạt động trên thị trường ngoại tệ trong TTTC có thể tác động tiêu cực đến ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính, tiền tệ ở phần còn lại của Việt Nam.  Trên cơ sở quy định hiện hành về phạm vi hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế của các TCTD được phép hoạt động ngoại hối (như nêu trên), khoản 5 Điều này tại dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng các NHTM, chi nhánh NHNNg là Thành viên TTTC được thực hiện giao dịch ngoại tệ trên thị trường quốc tế trong phạm vi *tương tự các TCTD được phép thuộc phần còn lại của Việt Nam* (quy định tại Thông tư 21/2014/TT-NHNN).  3. Khoản 6: Việc quy định Thành viên TTTC không phải là NHTM, chi nhánh NHNNg với “*vai trò là người không cư trú*” vừa tạo điều kiện cho các thành viên này được thực hiện các giao dịch ngoại tệ với các TCTD được phép thuộc phần còn lại của Việt Nam khi có nhu cầu, đồng thời hạn chế các hoạt động trên thị trường ngoại tệ trong TTTC có thể tác động tiêu cực đến ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính, tiền tệ thuộc phần còn lại của Việt Nam. | |
|  | **Điều 70. Giao dịch ngoại tệ của thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  Thành viên trung tâm tài chính không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép thuộc phần còn lại của Việt Nam với vai trò là người không cư trú thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | Việc quy định Thành viên TTTC không phải là NHTM, chi nhánh NHNNg với “*vai trò là người không cư trú*” vừa tạo điều kiện cho các thành viên này được thực hiện các giao dịch ngoại tệ với các TCTD được phép thuộc phần còn lại của Việt Nam khi có nhu cầu, đồng thời hạn chế các hoạt động trên thị trường ngoại tệ trong TTTC có thể tác động tiêu cực đến ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính, tiền tệ thuộc phần còn lại của Việt Nam. | |
|  | **Điều 71. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất bằng ngoại tệ cho tổ chức là thành viên, tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất bằng ngoại tệ cho cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam; không được kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất bằng đồng Việt Nam cho tổ chức là thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên.2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được thực hiện các dịch vụ quy định tại khoản 1 ~~và 2~~ Điều này cho khách hàng là cá nhân. | - Cho phép NHTM và chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC áp dụng hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về TTTC khi kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất bằng ngoại tệ đối với khách hàng tổ chức (bao gồm TCTD) là thành viên TTTC, khách hàng tổ chức (bao gồm TCTD), cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam và khách hàng tổ chức (bao gồm TCTD) trên lãnh thổ Việt Nam. Việc cho phép thực hiện chính sách như trên đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất bằng ngoại tệ tại TTTC nhằm cụ thể hóa mục tiêu vận hành TTTC theo thông lệ quốc tế, tạo môi trường hấp dẫn cho đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính để thúc đẩy, thu hút đầu tư. Trong đó cho phép NHTM và chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC được thực hiện hoạt động cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất bằng ngoại tệ cho tổ chức (bao gồm TCTD là thành viên TTTC, TCTD ngoài lãnh thổ Việt Nam và TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên TTTC) dựa trên quan điểm NHTM và chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC đóng vai trò là người không cư trú khi thực hiện giao dịch với thành viên trong TTT và với tổ chức (bao gồm TCTD) trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó có thể hiểu TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên TTTC được thực hiện cung ứng, giao dịch phái sinh lãi suất bằng ngoại tệ với tổ chức (bao gồm TCTD) là thành viên TTTC theo quy định về giao dịch với tổ chức tài chính nước ngoài (người không cư trú).[[3]](#footnote-3)  - Tuy nhiên, dự thảo Nghị định không cho phép NHTM và chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC được kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất: (i) bằng ngoại tệ cho khách hàng cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam để hạn chế hoạt động đầu cơ của khách hàng cá nhân do đây là hoạt động tiềm ẩn rủi ro có thể dẫn đến dịch chuyển dòng vốn từ trong lãnh thổ vào TTTC và ra ngoài lãnh thổ Việt Nam; **(ii)** bằng đồng Việt Nam cho tất cả khách hàng (bao gồm khách hàng tổ chức (gồm TCTD) là thành viên TTTC, khách hàng là tổ chức (gồm TCTD), cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam và khách hàng là tổ chức (gồm TCTD), cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam) nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính, tiền tệ đối với phần còn lại của Việt Nam và phù hợp với điều kiện kinh tế của Việt Nam khi đồng Việt Nam là đồng tiền chưa được tự do chuyển đổi. | |
|  | **Điều 72. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh ngoại hối**  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh ngoại hối bằng ngoại tệ cho thành viên, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định tại Nghị định này và các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | NHNN đưa nội dung này quy định tại Nghị định để xin ý kiến các Đơn vị liên quan để hoàn thiện khung khổ pháp lý tại TTTC. | |
|  | **Điều 73. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa bằng ngoại tệ cho tổ chức là thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa bằng ngoại tệ cho cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam; không được cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa bằng đồng Việt Nam cho tổ chức là thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên. | - Cho phép NHTM và chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC áp dụng hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về TTTC khi cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa bằng ngoại tệ đối với khách hàng tổ chức (bao gồm TCTD) là thành viên TTTC, khách hàng tổ chức (bao gồm TCTD), cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam và khách hàng tổ chức (bao gồm TCTD) trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên TTTC.  Việc cho phép thực hiện chính sách như trên đối với hoạt động cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa bằng ngoại tệ tại TTTC nhằm cụ thể hóa mục tiêu vận hành TTTC theo thông lệ quốc tế, tạo môi trường hấp dẫn cho đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính để thúc đẩy, thu hút đầu tư. Trong đó cho phép NHTM và chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC được thực hiện hoạt động cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa bằng ngoại tệ cho tổ chức (bao gồm TCTD là thành viên TTTC, TCTD ngoài lãnh thổ Việt Nam và TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên TTTC) dựa trên quan điểm NHTM và chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC đóng vai trò là người không cư trú khi giao dịch với thành viên trong TTTC và với tổ chức (bao gồm TCTD) trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó có thể hiểu TCTD trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên TTTC được thực hiện cung ứng, giao dịch sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa bằng ngoại tệ với tổ chức (bao gồm TCTD) là thành viên TTTC theo quy định về giao dịch với đối tác nước ngoài (người không cư trú).[[4]](#footnote-4)  - Dự thảo Nghị định không cho phép NHTM và chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC được cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa: **(i)** bằng ngoại tệ cho cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam để hạn chế hoạt động đầu cơ do đây là hoạt động tiềm ẩn rủi ro có thể dẫn đến dịch chuyển dòng vốn từ trong lãnh thổ vào TTTC và ra ngoài lãnh thổ Việt Nam; **(ii)** bằng đồng Việt Nam cho tất cả khách hàng (bao gồm khách hàng tổ chức (gồm TCTD) là thành viên TTTC, khách hàng là tổ chức (gồm TCTD), cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam và khách hàng là tổ chức (gồm TCTD), cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam) nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính, tiền tệ đối với phần còn lại của Việt Nam và phù hợp với điều kiện kinh tế của Việt Nam khi đồng Việt Nam là đồng tiền chưa được tự do chuyển đổi.  - Đề nghị Bộ Công Thương cho ý kiến với nội dung này. | |
|  | **Điều 74. Ủy thác, nhận ủy thác trong hoạt động ngân hàng**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được ủy thác trong hoạt động ngân hàng với ngân hàng thương mại khác là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác là thành viên, tổ chức tín dụng nước ngoài và ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được nhận ủy thác từ ngân hàng thương mại khác là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác là thành viên, tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được nhận ủy thác từ ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên. | - Ủy thác, nhận ủy thác: NHTM, chi nhánh NHNNg được thực hiện hoạt động ủy thác, nhận ủy thác dựa trên những nội dung mà NHTM, chi nhánh NHNNg được phép thực hiện tại Giấy phép đã được cấp cho NHTM, chi nhánh NHNNg, ngoài ra, không cho NHTM, chi nhánh NHNNg là thành viên được nhận ủy thác từ NHTM, chi nhánh NHNNg trong lãnh thổ Việt Nam để hạn chế dòng vốn từ Việt Nam vào TTTC. | |
|  | **Điều 75. Dịch vụ ngân quỹ; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cung ứng dịch vụ ngân quỹ cho ngân hàng thương mại khác là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác là thành viên, ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn đối với thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | - Về dịch vụ ngân quỹ:  + Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên Trung tâm tài chính được cung ứng dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên hoặc không là thành viên trung tâm tài chính trên lãnh thổ Việt Nam. Do hoạt động dịch vụ ngân quỹ chủ yếu liên quan đến các loại tài sản vật lý như: công tác vận chuyển; thu chi tiền mặt, ngoại tệ; dịch vụ kiểm đếm, phân loại tiền; dịch vụ tiếp quỹ… nên khách hàng chỉ là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang ở trên lãnh thổ Việt Nam. Còn TCTD không trên lãnh thổ Việt Nam thì không phát sinh các dịch vụ ngân quỹ nêu trên. Do vậy, DTNĐ không quy định về việc cung ứng dịch vụ này cho các đối tượng ngoài lãnh thổ Việt Nam.  + Thông lệ quốc tế: Không thấy các thông lệ quốc tế liên quan.  - Về dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn:  + Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên Trung tâm tài chính được cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn cho cá nhân, tổ chức trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, bao gồm các cá nhân, tổ chức trong lãnh thổ Việt Nam và các cá nhân, tổ chức bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.  + Thông lệ quốc tế: Không thấy các thông lệ quốc tế liên quan. | |
|  | **Điều 76. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên chỉ được mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành bằng ngoại tệ (không bao gồm trái phiếu do ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phát hành; trái phiếu do tổ chức tín dụng không là thành viên phát hành) từ thành viên, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành bằng ngoại ở nước ngoài theo quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài tại Mục 8 Chương IX Nghị định này.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên chỉ được bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành bằng ngoại tệ (không bao gồm trái phiếu do ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phát hành; trái phiếu do tổ chức tín không là thành viên phát hành) cho thành viên theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.  4. Khi thực hiện hoạt động mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành ở nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tuân thủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và quản lý ngoại hối tại Mục 6, Mục 7, mục 8 Chương IX Nghị định này.  5. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được mua, bán trái phiếu do ngân hàng thương mại khác là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác là thành viên phát hành theo quy định về chứng khoán trong Trung tâm tài chính quốc tế. | **+** Thuyết minh Chính sách Mua trái phiếu doanh nghiệp  Quy định này cho phépngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài **mua** TPDN phát hành bằng ngoại tệ (không bao gồm trái phiếu do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTC phát hành; trái phiếu do tổ chức tín dụng trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên TTTC phát hành) từ thành viên TTTC, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên TTTC theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về TTTC (ví dụ như các thông tư hướng dẫn Nghị định này, các văn bản hướng dẫn của Cơ quan Giám sát TTTC…).  Quy định này tạo thêm một kênh huy động vốn mới cho doanh nghiệp Việt Nam bên cạnh tín dụng ngân hàng truyền thống, giúp thực hiện mục tiêu đề ra đối với TTTC là *"góp phần thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài từ TTTC vào phần còn lại của lãnh thổ, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế."*. Bên cạnh đó, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTC được thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp bằng ngoại tệ theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trung tâm tài chính quốc tế thực hiện theo một khuôn khổ pháp lý phù hợp với đặc thù hoạt động chỉ bằng ngoại tệ và hướng đến việc áp dụng thông lệ, chuẩn mực quốc tế đối với hoạt động này.  **+** Thuyết minh Chính sách Bán trái phiếu doanh nghiệp  Quy định này cho phép Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trung tâm tài chính quốc tế bán TPDN phát hành bằng ngoại tệ (không bao gồm trái phiếu do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTC phát hành; trái phiếu do tổ chức tín dụng trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên TTTC phát hành) cho thành viên TTTC theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về TTTC (ví dụ như các thông tư hướng dẫn Nghị định này, các văn bản hướng dẫn của Cơ quan Giám sát TTTC…).  Quy định này không cho phép ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trung tâm tài chính quốc tế bán trái phiếu doanh nghiệp bằng ngoại tệ cho các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để tránh việc dòng vốn chảy từ Việt Nam vào TTTC. Bên cạnh đó, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên TTTC được thực hiện bán trái phiếu doanh nghiệp bằng ngoại tệ theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trung tâm tài chính quốc tế thực hiện theo một khuôn khổ pháp lý phù hợp với đặc thù hoạt động chỉ bằng ngoại tệ và hướng đến việc áp dụng thông lệ, chuẩn mực quốc tế đối với hoạt động này. | |
|  | **Điều 77. Dịch vụ môi giới tiền tệ**  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện hoạt động môi giới tiền tệ cho các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không thực hiện môi giới tiền tệ cho ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên và tổ chức tín dụng nước ngoài. |  | |
|  | **Điều 78. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác**  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cung cấp dịch vụ tư vấn hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác bằng ngoại tệ quy định trong Giấy phép. | Nội dung này quy định thực hiện tương tự như TCTD trong lãnh thổ không phải thành viên. | |
|  | **Điều 79. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được mua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương cho Chính phủ (trong trường hợp Chính phủ mua lại trước hạn), thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương cho cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên.  4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên mua, bán trái phiếu Chính phủ phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối và đầu tư gián tiếp ra nước ngoài tại Mục 6, Mục 7 và Mục 8 Chương IX Nghị định này. | Nội dung này được thực hiện sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính | |
|  | **Điều 80. Phát hành trái phiếu**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được phát hành trái phiếu theo quy định về chứng khoán trong Trung tâm tài chính.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được phát hành trái phiếu cho cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên. | Nội dung này được thực hiện sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính | |
|  | **Điều 81. Hoạt động mua, bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay**  1. Mua, bán nợ là thỏa thuận bằng văn bản về việc chuyển giao quyền đòi nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, bao gồm cả khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh, theo đó bên bán nợ chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho bên mua nợ và nhận tiền thanh toán từ bên mua nợ.  2. Hoạt động mua nợ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên  a) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước mua nợ bằng ngoại tệ của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước khác theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  b) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi mua nợ bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi mua nợ bằng ngoại tệ của ngân hàng thương mại khác là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác là thành viên được lựa chọn áp dụng quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội.  3. Hoạt động bán nợ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên  a) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước bán nợ bằng ngoại tệ cho ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  b) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi bán nợ bằng ngoại tệ cho cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi bán nợ bằng ngoại tệ cho thành viên khác thực hiện được lựa chọn áp dụng quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội.  d) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi bán nợ cho tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này.  4. Đối với các khoản nợ có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ đối với biện pháp bảo đảm của khoản nợ phù hợp với quy định tại Điều 22 Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội. | - Theo quy định tại Nghị định 86/2024/NĐ-CP, khoản nợ có thể phát sinh từ nhiều nghiệp vụ: cho vay, cho thuê tài chính, bao thanh toán,…. Tuy nhiên, khoản nợ được mua, bán theo quy định hiện hành tại Thông tư 09/2015/TT-NHNN (đã sửa đổi, bổ sung) quy định hoạt động mua, bán nợ của TCTD, CNNHNNg chỉ điều chỉnh hoạt động mua bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay (kể cả khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh). Do vậy, đề nghị tên điều khoản cần quy định rõ để xác định rõ đối tượng và tránh gây hiểu lầm với các khoản nợ khác.  - Điều 22 Nghị quyết 222/2025/QH15 đã quy định một số chính sách đặc thù về đất đai đối với các dự án trong ranh giới Trung tâm tài chính quốc tế. Do vậy, quy định về việc chuyển giao tài sản bảo đảm của các khoản nợ được mua, bán là quyền sử dụng đất cần phù hợp theo đúng quy định tại Điều 22 Nghị quyết 222/2025/QH15. | |
|  | **Điều 82. Các hoạt động không được phép thực hiện của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  1. Lưu ký chứng khoán;  2. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán;  3. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;  4. Góp vốn, mua cổ phần;  5. Kinh doanh vàng;  6. Giao đại lý thanh toán, làm đại lý thanh toán;  7. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;  8. Ngân hàng giám sát.  9. Thành lập công ty con, công ty liên kết.  10. Nhận tiền gửi tiết kiệm  11. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.  12. Đại lý bảo hiểm  13. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  14. Tự doanh, ủy thác, nhận ủy thác đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường quốc tế. | **- Các hoạt động liên quan đến chứng khoán (lưu ký chứng khoán; cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán,…):** Theo Nghị quyết, không thành lập thị trường chứng khoán riêng cho thành viên là TTTC nên các nghiệp vụ, hoạt động này là không cần thiết; các hoạt động này đối với thị trường chứng khoán hiện nay đã được thực hiện bởi các TCTD không phải thành viên TTTC.  **- Góp vốn mua cổ phần:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đơn vị phụ thuộc nên không được góp vốn, mua cổ phần. Khuyến khích ngân hàng 100% vốn trong nước và 100% vốn nước ngoài thực hiện các hoạt động ngân hàng thương mại, hạn chế việc đầu tư, mua cổ phần, thành lập công ty con, công ty liên kết để sở hữu doanh nghiệp.  **- Kinh doanh vàng:** Cục QLNH đề nghị bỏ nội dung này khỏi nghị định vì Ngân hàng nhà nước (NHNN) không có định hướng xây dựng hoạt động kinh doanh vàng trong TTTC  **- Về thành lập công ty con, công ty liên kết do: (**i) giảm sự ảnh hưởng lan truyền đến hệ sinh thái tài chính của NHTM khi công ty con gặp sự cố; (ii) Nhà đầu tư muốn hoạt động trong lĩnh vực khác thì có thể trực tiếp thành lập công ty riêng, không cần phải thực hiện bắc cầu qua hiện diện thương mại là NHTM tại TTTC, đồng thời chưa có định hướng rõ về việc công ty con, công ty liên kết của NHTM là thành viên TTTC cũng được coi là thành viên TTTC hay không.  **- Tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi:** Tiền gửi tiết kiệm chỉ áp dụng với công dân Việt Nam; phát hành chứng chỉ tiền gửi chỉ bằng VND. Tại Báo cáo của Đảng ủy Chính phủ trình Bộ Chính trị[[5]](#footnote-5), đã dự kiến Chính phủ sẽ quy định không cho phép thành viên TTTC huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân không phải là thành viên TTTC trên lãnh thổ Việt Nam; tại Báo cáo rà soát chính sách về hoạt động ngân hàng và quản lý ngoại hối tại TTTC tại Việt Nam, các đơn vị NHNN đã thống nhất với đề xuất *TCTD, CNNHNNg là thành viên TTTC không huy động vốn từ phần còn lại của Việt Nam và huy động vốn bằng VND[[6]](#footnote-6)*. *Do vậy, 2 loại tiền gửi này không phù hợp với nguyên tắc không được huy động vốn từ phần còn lại của Việt Nam và huy động vốn bằng VND.*  - **Giao đại lý thanh toán, làm đại lý thanh toán**: Hoạt động đại lý thanh toán đưa ra với mục tiêu đưa dịch vụ thanh toán đến những địa bàn, những đối tượng người dân mà ngân hàng không thuận lợi trong việc tiếp cận và cung ứng dịch vụ góp phần thúc đẩy dịch vụ thanh toán ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa cũng như góp phần phổ cập tài chính (Financial Inclusion), mục tiêu này không nằm trong phạm vi đối tượng hoạt động của Trung tâm tài chính.  **- Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản:** (i) NHTM, CN NHNNg được mở TKTT bằng ngoại tệ, do đó việc cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác bằng ngoại tệ qua TKTT đối với Thành viên TTTC và tổ chức, cá nhân ở nước ngoài là phù hợp và bước đầu cần cho phép một số dịch vụ trước khi mở rộng toàn bộ các nghiệp vụ khác so với các hoạt động thanh toán thông thường, để đảm bảo có đủ thời gian quản lý, đánh giá, kiểm tra trước khi mở rộng thêm các nghiệp vụ khác. (ii) Đối với dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không thực hiện qua TKTT của khách hàng, việc bổ sung quy định này (thực hiện bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ) cần có sự cân nhắc xem xét cẩn trọng; ngoài sự an toàn, xác minh giao dịch thanh toán, nhận biết khách hàng (chủ yếu khách hàng vãng lai do không mở TKTT tại NHTM, CNNHNNg nên không có thông tin khách hàng lưu trữ) còn cần xem xét trên góc độ quản lý rủi ro trong quản lý ngoại hối, phòng, chống rửa tiền và công tác thống kê, thu thập dữ liệu các giao dịch.  **- Tái chiết khấu**: Nội dung tái chiết khấu GTCG đã được quy định tại điều về cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua bán có kỳ hạn GTCG giữa các NHTM, CNNHNNg là thành viên của TTTC (mua, bán có kỳ hạn GTCG là một hình thức tái chiết khấu)  **- Đại lý bảo hiểm:** Hiện nay NHTM trong nước làm đại lý chủ yếu để bán bảo hiểm nhân thọ để tận dụng nguồn cơ sở dữ liệu khách hàng cá nhân lớn. Do định hướng không cung cấp dịch vụ cho cá nhân trên lãnh thổ VN, do vậy trường hợp NHTM, chi nhánh NHNNg làm đại lý bảo hiểm chỉ có thể bán cho khách hàng là cá nhân nước ngoài. Việc cá nhân ở nước ngoài không mua bảo hiểm ở nước sở tại mà mua qua đại lý bảo hiểm ở TTTC sẽ không thực tế khi khách hàng ở nước ngoài khi phát sinh quyền lợi bảo hiểm (ốm đau, bệnh tật) việc liên hệ với đại lý Việt Nam để đòi quyền lợi bảo hiểm sẽ không phù hợp.  **- Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:** DTNĐ được xây dựng trên định hướng khuyến khích NHTM, chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC thực hiện những hoạt động mà NHTM trên lãnh thổ Việt Nam ít hoặc không thực hiện. Đối với nghiệp vụ này, các NHTM, chi nhánh NHNNg trong nước vẫn đang có kinh nghiệm thực hiện hoạt động ngày. Do vậy, không cho phép NHTM, chi nhánh NHNNg trong TTTC thực hiện để không cạnh tranh với các TCTD trong nước.  - Khoản 15: Hạn chế dòng vốn từ lãnh thổ Việt Nam vào TTTC. | |
|  | **Chương V. CÁC HẠN CHẾ ĐỂ BẢO ĐẢM AN TOÀN HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN** |  | |
|  | **Điều 83. Những trường hợp không được cấp tín dụng**  1. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước không được cấp tín dụng đối với tổ chức, cá nhân sau đây:  a) Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại đó; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó; chủ sở hữu của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước;  b) Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại đó; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.  2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân.  3. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước không được cấp tín dụng cho khách hàng trên cơ sở bảo đảm của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước không được bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào để ngân hàng thương mại là thành viên khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khác, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.  4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng không là thành viên.  5. Việc cấp tín dụng quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này bao gồm cả hoạt động mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp.  6. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu/ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị quyết về Trung tâm tài chính (sau đây gọi là Chuẩn mực quốc tế về kế toán) tuân thủ những trường hợp không được cấp tín dụng theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.  7. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này. | - Về thông lệ quốc tế: Phần lớn các TTTC đều áp dụng kiểm soát chặt chẽ việc cấp tín dụng cho Thành viên HĐQT/HĐTV, Ban kiểm soát, Ban điều hành, cổ đông lớn và người có liên quan. Tùy theo mỗi nước mà áp dụng quy định cấm hay hạn chế khác nhau. Phần lớn các nước không cấm tuyệt đối mà kiểm soát chặt chẽ. Ví dụ, MAS không cấm tuyệt đối, **cho phép cấp tín dụng nhưng:** Phải được **HĐQT phê duyệt;** Phải công khai trong báo cáo tài chính; Lãi suất, điều kiện vay không được ưu đãi hơn khách hàng thông thường; Khoản vay vượt ngưỡng nhất định phải báo cáo MAS...  - Để đảm bảo việc quản trị, điều hành, quản lý rủi ro, tạo môi trường quản trị rủi ro lành mạnh, an toàn, đồng thời đồng bộ, nhất quán với chính sách quản trị rủi ro của các NHTM trong nước, nước ngoài, DTNĐ quy định:  (i) Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg tuân thủ những trường hợp không được cấp tín dụng theo chính sách mà ngân hàng mẹ áp dụng;  (ii) Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% trong nước, Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có chủ sở hữu/ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định khoản … Điều … Nghị quyết phải tuân thủ quy định về những trường hợp không được cấp tín dụng, hạn chế cấp tín dụng tại Luật Các tổ chức tín dụng.  - Khoản 4: + NHTM 100% vốn nước ngoài không được cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần tại các TCTD trong nước nhằm hạn chế tình trạng các nhà đầu tư nước ngoài lách quy định giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại TCTD trong nước. Khi cấp tín dụng cho tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để góp vốn, mua cổ phần tại TCTD trong nước thì tổ chức đó sẽ được tính là nhà đầu tư trong nước.  + Đối với NHTM 100% vốn trong nước, quy định này được áp dụng tương tự quy định tại Luật Các TCTD. | |
|  | **Điều 84. Hạn chế cấp tín dụng**  1. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho tổ chức, cá nhân sau đây:  a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đó; người ra quyết định thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, người giám sát hoạt động đoàn thanh tra đang thanh tra tại ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đó;  b) Kế toán trưởng của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đó; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát.  c) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 83 Nghị định này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó;  d) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đó, trừ trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân;  2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này không được vượt quá 05% vốn tự có của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước.  3. Việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải được Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước thông qua, trừ việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Việc cấp tín dụng phải được công khai trong ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước.  4. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều này phát hành.  5. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán tuân thủ hạn chế cấp tín dụng theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng.  6. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.. | - Thông lệ quốc tế: DFSA (Dubai Financial Services Authority) yêu cầu ngân hàng trong DIFC phải tuân thủ các quy định Basel II/III, kiểm soát chặt cho vay nội bộ và bên liên quan; Hong Kong (HKMA Supervisory Policy Manual): yêu cầu hạn chế cho vay kiểm toán viên, bên liên quan… công khai, phê duyệt HĐQT, hạn mức; Dubai IFC: áp dụng Basel II/III, yêu cầu kiểm soát insider lending, bao gồm cả kiểm toán viên… liên quan đến ngân hàng.  - NHTM 100% vốn trong nước, NHTM Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có chủ sở hữu/ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định khoản … Điều … Nghị quyết về việc thành lập trung tâm tài chính thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam (theo NĐ này, các quy định hướng dẫn của NHNN) nhằm phù hợp với Điều 17 Nghị quyết 222, đảm bảo tránh xung đột lợi ích, an toàn vốn và đảm bảo quản trị rủi ro.  - Bổ sung khoản 5 để các NHTM 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg được áp dụng hạn chế cấp tín dụng theo quy định của ngân hàng mẹ tạo sự đồng bộ, thống nhất trong việc áp dụng các hạn chế, tỷ lệ bảo đảm an toàn khác cũng đang áp dụng theo chính sách của chủ sở hữu/ngân hàng mẹ đồng thời phù hợp với Điều 17 Nghị quyết 222.  - Khoản 3: Quy định hiện hành tại Thông tư số 09/2024/TT-NHNN. | |
|  | **Điều 85. Giới hạn cấp tín dụng**  1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 10% vốn tự có của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước; Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước.  2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm khoản cho vay từ nguồn vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân mà ngân hàng 100% vốn trong nước nhận ủy thác không chịu rủi ro hoặc trường hợp khách hàng vay là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.  3. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu do khách hàng, người có liên quan của khách hàng đó phát hành.  4. Giới hạn và điều kiện cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  5. Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó vượt quá giới hạn cấp tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này thì ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được cấp tín dụng hợp vốn theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và không được cấp tín dụng vượt quá giới hạn sau khi đã thực hiện cấp tín dụng hợp vốn.  6. Hạn mức thẻ tín dụng đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 83 và điểm d khoản 1 Điều 84 Nghị định này được thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  7. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán thì ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tuân thủ giới hạn cấp tín dụng, theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng không được cấp tín dụng vượt quá giới hạn sau khi đã thực hiện cấp tín dụng hợp vốn.  8. Trường hợp ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, và 6 Điều này. | **1. Đối với NH 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg: áp dụng giới hạn cấp tín dụng theo chính sách chủ sở hữu.**  **Lý do:**  (i) Phù hợp chuẩn mực quốc tế: Chuẩn mực vốn Basel quy định: Khoản cấp tín dụng lớn của Ngân hàng đối với 1 khách hàng hoặc một nhóm khách hàng không được vượt quá 25% vốn cấp 1 của ngân hàng; đối với ngân hàng quan trọng hệ thống thì tổng mức cấp tín dụng không được vượt quá 15% vốn cấp 1 của ngân hàng đó.  Trên cơ sở đó, các TTTC trên thế giới cũng tuân thủ yêu cầu này như sau:  + New York đưa ra yêu cầu giới hạn cấp tín dụng là 15% vốn cấp 1.  + Hồng Kong yêu cầu giới hạn cấp tín dụng cho 1 khách hàng và 1 khách hàng và người có liên quan không vượt quá 25% vốn cấp 1;  + Dubai (UAE) quy định: một ngân hàng không được phép cho vay vượt quá 25% vốn tự có đối với một khách hàng hoặc một nhóm khách hàng có liên quan.  + Tại Qatar quy định hạn chế cấp tín dụng không được vượt quá 25% vốn tự có cho một đối tượng khách hàng.  (ii) Phù hợp với Điều 17 Nghị quyết 222.  **2. Đối với NH 100% vốn trong nước, các NH nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài** có chủ sở hữu/ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định tại Nghị quyết về việc thành lập trung tâm tài chínháp dụng theo quy định pháp luật Việt Nam tương tự như các NH 100% vốn trong nước**.** Ngoài ra, có sự điều chỉnh khác về tổng mức dư nợ cấp tín dụng so với khoản 1 Điều 136 Luật Các TCTD, không chia theo lộ trình giảm tổng dư nợ cấp tín dụng do quy định tại Luật áp dụng cho các NHTM, chi nhánh NHNNg đã hoạt động 1 thời gian và phải có lộ trình để giảm. Còn trong TTTC là các NHTM, chi nhánh NHNNg thành lập mới, do đó không cần lộ trình để giảm dư nợ cấp tín dụng như các TCTD trong nước.  **Lý do:**  (i) Phù hợp với Điều 17 Nghị quyết 222.  (ii) Đối với NH 100% vốn trong nước: Quy định tại Điều này nhằm tạo điều kiện cho ngân hàng 100% vốn trong nước thực hiện theo ngân hàng mẹ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Như vậy, việc tuân thủ theo quy định của Luật Các TCTD không đặt ra yêu cầu xây dựng các quy định mới đối với NHTM trong TTTC để tuân thủ quy định, giúp NHTM trong nước không phát sinh thêm chi phí tuân thủ quy định. Bên cạnh đó, việc tuân thủ theo quy định của Luật Các TCTD không ảnh hưởng tới dòng vốn cũng như nguồn lực cung ứng tín dụng cho nền kinh tế.  - Các TCTD trong nước có thể thành lập NHTM TNHH MTV 100% vốn trong nước hoạt động tại TTTC, trường hợp NHTM 100% vốn trong nước hoạt động không hiệu quả hoặc đổ vỡ có thể sẽ ảnh hưởng đến tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các TCTD trong nước. Bên cạnh đó, các NHTM 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg có chủ sở hữu/ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) không được áp dụng khoản 7, 8 Điều 136 Luật Các TCTD[[7]](#footnote-7) nên các NHTM 100% vốn trong nước cũng không áp dụng khoản này.  - Các NHTM 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg không áp dụng IAS/IFRS thì có thể đối mặt với nhiều rủi ro và bất lợi về cả quản trị nội bộ lẫn khả năng cạnh tranh trên thị trường (rủi ro thiếu minh bạch và giảm niềm tin nhà đầu tư, đánh giá sai rủi ro tín dụng và thanh khoản,…). Trường hợp rủi ro xảy ra có thể khiến các NHTM 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg không áp dụng IAS/IFRS không đảm bảo được khả năng cấp tín dụng, gây ra rủi ro thiếu vốn, đội vốn, chậm tiến độ đối với các dự án có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.  Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 5, Điều 6, Nghị quyết số 222/2025/QH15, trường hợp nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia các văn bản quy phạm pháp luật về TTTC có thể đưa ra các biện pháp hạn chế đối với thành viên của TTTC. Vì vậy, để đảm bảo nguồn vốn cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội được cung cấp đầy đủ, ổn định, lâu dài có thể xem xét không áp dụng khoản 7, 8 Điều 136 Luật Các TCTD đối với các NHTM 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg không áp dụng IAS/IFRS.  + Ngoài ra, đối với các khoản cho vay khách hàng vượt giới hạn, các NHNNg không áp dụng IAS/IFRS có thể thực hiện đồng tài trợ, hợp vốn, cấp tín dụng qua ngân hàng mẹ hoặc sử dụng các hình thức huy động vốn quốc tế khác,…  **-** NHTM 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 222/2025/QH15 không được cho vay vượt giới hạn cấp tín dụng sau khi đã thực hiện cho vay hợp vốn do:  + Để đảm bảo đối xử công bằng giữa các NHTM, chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC.  + Trường hợp mức đầu tư dự án quá lớn, vượt qua cả mức cấp tín dụng được phép của NHTM, chi nhánh NHNNg trong TTTC (là các định chế tài chính lớn) thì cần xem xét huy động đa dạng các nguồn vốn đầu tư (chứng khoán, vốn tự có của chủ đầu tư…) để không gây ra rủi ro quá lớn cho NHTM, chi nhánh NHNNg.  + Ngoài ra, cơ chế hợp vốn trong TTTC đã đảm bảo linh hoạt để các NHTM, chi nhánh NHNNg liên kết, đồng tài trợ, bảo lãnh, cấp tín dụng cho các dự án lớn hoặc sử dụng các hình thức huy động vốn quốc tế khác để tài trợ cho khoản cấp tín dụng của mình.  + Các định chế tài chính vào TTTC là tổ chức có tiềm lực lớn, chuyên nghiệp và kết nối quốc tế sâu rộng, có thể căn cứ trên nguồn lực thực tế của mình để chủ động cấp tín dụng hoặc hợp vốn cấp tín dụng.  + TTTC là nơi cạnh tranh với các TTTC khu vực khác như Singapore, Hong Kong… việc phải xin phép các cấp có thẩm quyền khi cho vay vượt giới hạn cấp tín dụng sẽ làm giảm tốc độ ra quyết định đầu tư của các dự án.  - Khoản 4: Quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | |
|  | **Điều 86. Tỷ lệ bảo đảm an toàn**  1. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:  a) Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;  b) Tỷ lệ khả năng chi trả bằng đồng đô la Mỹ và các ngoại tệ khác được quy đổi sang đô la Mỹ theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Các cấu phần, các tỷ lệ áp dụng tương tự như đối với đồng Việt Nam theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước không phải tuân thủ tỷ lệ khả năng chi trả bằng đồng Việt Nam;  c) Các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;  d) Trạng thái ngoại tệ tối đa so với vốn tự có theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;  e) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước không phải tuân thủ tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  2. Ngân hàng thương mại 100% nước ngoài là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:  a) Tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ đòn bẩy, tỷ lệ khả năng chi trả (LCR), tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng.  b) Không phải tuân thủ tỷ lệ đầu tư trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.  c) Trạng thái ngoại tệ tối đa so với vốn tự có theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  3. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ khả năng chi trả và các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác tại khoản 1 Điều này.3. Ngân hàngthương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ khả năng chi trả và các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác tại khoản 1 Điều này. | **1. NH 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg phải tuân thủ các tỷ lệ CAR, đòn bẩy, LCR, NSFR:**  Lý do:  (ii) Phù hợp thông lệ quốc tế: Các trung tâm tài chính quốc tế (Hông Kong, Newyork, Sing, UAE... đều yêu cầu các ngân hàng tuân thủ chuẩn mực vốn theo thông lệ quốc tế (như Basel III), cụ thể:  1.1. Quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu:  - Tăng cường chất lượng vốn và số lượng vốn:  + Vốn cấp 1: tập trung vào vốn chủ sở hữu phổ thông (CET1); trong đó: (i) Tỷ lệ CET1 tối thiểu: 4,5% tài sản có rủi ro (RWA); (ii) Tổng vốn cấp 1 (CET1 và các khoản khác): 6% RWA.  + Tổng vốn tối thiểu (bao gồm vốn cấp 1 và vốn cấp 2): 8% RWA  - Các yêu cầu vốn bổ sung: Vốn đệm bảo toàn vốn (CCB): 2,5% RWA nhằm bảo vệ ngân hàng trong thời kỳ căng thẳng kinh tế; Vùng đệm chu kỳ kinh tế (CB): 0% - 2% RWA - tùy thuộc vào chu kỳ kinh tế của từng quốc gia nhằm bảo vệ hệ thống ngân hàng trong giai đoạn tín dụng tăng trưởng nóng; Yêu cầu vốn bổ sung với ngân hàng quan trọng toàn cầu (G-SIBs): có thể cao hơn tùy theo mức độ quan trọng trong hệ thống.  1.2. Tỷ lệ đòn bẩy:  Tỷ lệ giữa Vốn cấp 1 và tổng tài sản: tối thiểu 3%. Mục tiêu để ngăn ngừa việc ngân hàng sử dụng đòn bẩy quá mức so với vốn của ngân hàng.  1.3. Các tỷ lệ thanh khoản:  - Tỷ lệ bao phủ thanh khoản (LCR): Yêu cầu ngân hàng nắm giữ tài sản thanh khoản cao đủ để chi trả cho nhu cầu thanh khoản ròng trong 30 ngày căng thẳng tài chính.  - Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR): Đảm bảo nguồn vốn ổn định tương ứng với tài sản và cam kết trong kỳ hạn một năm trở lên  (ii) Ngân hàng mẹ/chủ sở hữu là các TCTD có uy tín, có năng lực tài chính, quản trị, điều hành theo chuẩn mực quốc tế quy định này đặc thù, vượt trội tạo thuận lợi cho các chủ thể trong trung tâm tài chính. Ngoài ra, quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng khi hợp nhất báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán để thống nhất, tránh phát sinh chi phí tuân thủ khi phải tính toán thêm theo chuẩn mực kế toán Việt Nam khi tham gia TTTC.  (iii) Phù hợp với Điều 17 Nghị quyết 222.  **2. NH 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg không phải tuân thủ tỷ lệ đầu tư TPCP trên tổng nợ phải trả:**  Lý do:  (i) Về thông lệ quốc tế: Các ngân hàng không phải tuân thủ tỷ lệ này.  (ii) Điều 17 NQ 222 cho phép NHTM nước ngoài, chi nhánh NHNNg được áp dụng chính sách của NH mẹ/chủ sở hữu để tính CAR, tỷ lệ thanh khoản. Do đó, NHTM nước ngoài được căn cứ quy định của NH mẹ để thực hiện.  **3.** Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước, NH nước ngoài mà NH mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định khoản … Điều … Nghị quyết 222 phải tuân thủ các tỷ lệ CAR, tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ đảm bảo an toàn khác, tỷ lệ TPCP:  Lý do:  (i) Phù hợp với quy định Điều 17 Nghị quyết 222:  + Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn trong nước thực hiện chuẩn mực kế toán, các tỷ lệ bảo đảm an toàn, phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng theo quy định của pháp luật Việt Nam.”.  + Ngân hàngthương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước có chủ sở hữu/ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định khoản … Điều … Nghị quyết về việc thành lập trung tâm tài chính tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ khả năng chi trả và các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác theo quy định pháp luật Việt Nam.  Điều 138 Luật Các TCTD, Thông tư 22/2019/TT-NHNN, Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định NHTM, Chi nhánh NHNNg phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây: (1) Tỷ lệ khả năng chi trả; (2) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; (3) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có; (4) Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng (bao gồm điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp); (5) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn; (6) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; (7) Giới hạn góp vốn, mua cổ phần; (8) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi.  Do đó, quy định tại DTNĐ nhằm tạo điều kiện cho ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn trong nước thực hiện theo ngân hàng mẹ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Như vậy, việc tuân thủ theo quy định của Luật Các TCTD không đặt ra yêu cầu xây dựng các quy định mới đối với NHTM trong TTTC để tuân thủ quy định, giúp NHTM trong nước không phát sinh thêm chi phí tuân thủ quy định. DTNĐ không yêu cầu NH 100% vốn trong nước phải tuân thủ tỷ lệ đầu tư TPCP do các TTTC không áp dụng tỷ lệ này, đồng thời việc áp dụng quy định này tại TTTC không có nhiều ý nghĩa.  Ngoài ra, hiện này, NHNN đã ban hành quy định về an toàn vốn theo chuẩn mực Basel III và cũng nghiên cứu xây dựng quy định về tỷ lệ thanh khoản theo chuẩn mực quốc tế như Basel III. Do đó, trường hợp ngân hàng mẹ ở trong nước có đủ năng lực triển khai theo chuẩn mực Basel III, NHTM 100% vốn trong nước là thành viên TTTC sẽ thực hiện tương ứng để tiệm cận thông lệ, chuẩn mực quốc tế. | |
|  | **Điều 87. Xử lý việc không đảm bảo tỷ lệ khả năng chi trả**  Trường hợp tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày của ngày hôm sau của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không đảm bảo theo quy định tại Điều 86 Nghị định này, Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính/Ngân hàng Nhà nước xem xét, xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, đồng thời thực hiện giám sát về khả năng chi trả. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải áp dụng các biện pháp tự xử lý để đảm bảo tỷ lệ khả năng chi trả. | Vận dụng quy định tại Điều 15 Thông tư 22/2019/TT-NHNN và có điều chỉnh phù hợp trong TTTC. | |
|  | **Điều 88. Điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp**  1. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉ được cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  2. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán không phải tuân thủ điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp.  3. Ngân hàngthương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Ngân hàngthương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này. | **1. Đối với NHTM 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg:** Việc cho phép ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải tuân thủ điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp nhằm khuyến khích dòng vốn vào thị trường chứng khoán. Một số TTTC cũng không quy định điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp. Do đó, đây là chính sách đặc thù, vượt trội nhằm thu hút nhà đầu tư hoạt động tại TTTC Việt Nam.  **2. Đối với NHTM 100% vốn trong nước:** Việc yêu cầu ngân hàng hàng mại trách nhiệm hữu hạn 100% vốn trong nước chỉ được cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước nhằm đảm bảo việc ngân hàng hàng mại trong nước tuân thủ quy định, tránh trường hợp NHTM trong nước lách quy định khi chuyển tiền cho NHTM TNHH 100% trong nước trong TTTC để thực hiện các hoạt động này.  **3. Đối với NHTM 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài** có chủ sở hữu/ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định khoản … Điều … Nghị quyết: phải tuân thủ điều kiện này đảm bảo phù hợp với Điều 17 Nghị quyết 222. | |
|  | **Điều 89. Kinh doanh bất động sản**  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được kinh doanh bất động sản, trừ trường hợp mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên và đảm bảo tuân thủ tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định theo quy định tại khoản 3 Điều 144 của Luật Các tổ chức tín dụng. | Quy định tương tự như các TCTD trong nước, trong đó điểm khác là bỏ nội dung cho phép ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đầu tư BĐS với mục đích làm kho tàng. Do địa giới hành chính của TTTC có giới hạn nhất định, đồng thời để ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tập trung vào hoạt động ngân hàng. | |
|  | **Điều 90. Yêu cầu bảo đảm an toàn giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng**  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải bảo đảm an toàn và bảo mật giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử áp dụng đối với ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên. | Quy định trương tự như các TCTD trong nước | |
|  | **Chương VII. XỬ LÝ NỢ XẤU VÀ TÀI SẢN BẢO ĐẢM** |  | |
|  | **Điều 91. Chế độ báo cáo thống kê**  1. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính/ Ngân hàng Nhà nước quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên Trung tâm tài chính, trừ trường hợp thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động ngoại hối theo quy định tại Chương IX Nghị định này.  2. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính có trách nhiệm phối hợp, cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin báo cáo thống kê thu thập từ các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên Trung tâm tài chính theo cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin hoặc trong trường hợp cần thiết.2. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính có trách nhiệm phối hợp, cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin báo cáo thống kê thu thập từ các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên Trung tâm tài chính theo cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin hoặc trong trường hợp cần thiết. | Quy định về chế độ báo cáo Thống kê | |
|  | **Điều 92. Hạch toán**  1. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng chuẩn mực kế toán theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng.  Trường hợp chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định khoản 7 Điều 11 Nghị quyết về Trung tâm tài chính thì ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng chuẩn mực kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam.  2. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước thực hiện Chuẩn mực kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam. | Nội dung này NHTM, chi nhánh NHNNg là thành viên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính so các nội dung về tài chính của các thành viên trong TTTC đã được phân rõ trách nhiệm cho Bộ Tài chính tại Nghị quyết số 259/NQ-CP. | |
|  | **Chương VII. XỬ LÝ NỢ XẤU VÀ TÀI SẢN BẢO ĐẢM** |  | |
|  | **Điều 93. Nợ xấu**  Nợ xấu được áp dụng các quy định tại Chương này như sau:  1. Nợ xấu của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước bao gồm:  a) Nợ xấu của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên là khoản nợ xấu đang hạch toán trong Báo cáo tình hình tài chính theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;  b) Khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài Báo cáo tình hình tài chính;  2. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định về nợ xấu theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng.  3. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định về nợ xấu tại khoản 1 Điều này. | Luật Các TCTD có quy định về việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của TCTD, CNNHNNg và tổ chức mua bán, xử lý nợ. Theo đó, việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm chủ yếu được thực hiện trong khuôn khổ giao dịch giữa các TCTD, CNNHNNg và thông qua vai trò của Công ty Quản lý tài sản các TCTD Việt Nam (VAMC).  Theo thông lệ quốc tế, cơ chế thị trường có vai trò quan trọng trong việc xử lý nợ xấu, đồng thời đề cao yêu cầu minh bạch thông tin, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia giao dịch và hạn chế tối đa sự can thiệp hành chính vào quá trình định giá và mua bán nợ.  Trên cơ sở đó, DTNĐ đã xây dựng các nguyên tắc chung về xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm. Theo đó, cơ chế thị trường, tính công khai, minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật của Việt Nam và thông lệ quốc tế được đề cao, cụ thể:  - Đối với nợ và tài sản bảo đảm, trừ tài sản bảo đảm là bất động sản, việc xử lý tuân theo quy định pháp luật mà các bên lựa chọn áp dụng.  - Đối với tài sản bảo đảm là bất động sản, việc xử lý tuân theo quy định pháp luật tại nước nơi có bất động sản.  - Các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong Trung tâm tài chính quốc tế chủ động kiểm soát rủi ro tín dụng, phối hợp với tổ chức, công ty quản lý tài sản tại nước ngoài để thu hồi và xử lý nợ.  - Trường hợp phát sinh tranh chấp, các bên ưu tiên giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế.  - Khoản 1: Quy định hiện hành của Thống đốc quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh NHNNg. | |
|  | **Điều 94. Nguyên tắc xử lý nợ xấu**  1. Việc xử lý nợ xấu phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng thỏa thuận giữa các bên liên quan theo cơ chế thị trường, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật mà các bên lựa chọn áp dụng.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên và các bên có liên quan được quyền tự chủ trong việc lựa chọn phương thức xử lý nợ xấu, bao gồm: thu hồi nợ, cơ cấu lại khoản nợ, bán nợ, xử lý tài sản bảo đảm và các phương thức khác quy định pháp luật mà các bên lựa chọn áp dụng. |
|  | **Điều 95. Nguyên tắc xử lý tài sản bảo đảm**  1. Việc xử lý tài sản bảo đảm phải thực hiện theo quy định của pháp luật mà các bên lựa chọn áp dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.  2. Việc xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, các bên có liên quan thực hiện theo quy định pháp luật của nước nơi có bất động sản. |
|  | **Chương VIII. THU HỒI GIẤY PHÉP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ TÀI SẢN** |  | |
|  | **Điều 96. Các trường hợp ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên gặp sự cố**  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên gặp sự cố khi thuộc một hoặc một số trường hợp sau đây:  1. Số lỗ lũy kế của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn.  2. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục.  3. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn trong thời gian 06 tháng liên tục.  4. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền. Rút tiền hàng loạt là việc ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến:  a) Có nguy cơ mất khả năng chi trả khi thiếu hụt tài sản có tính thanh khoản cao ở mức 20% trở lên tại thời điểm tính tỷ lệ khả năng chi trả dẫn đến không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục.  b) Mất khả năng chi trả khi không có khả năng thực hiện thanh toán nghĩa vụ nợ trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán. | - DTNĐ quy định các trường hợp NHTM, chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC gặp sự cố trên cơ sở quy định về can thiệp sớm TCTD, chi nhánh NHNNg tại Điều 156 Luật Các TCTD. Theo đó, Luật Các TCTD quy định các trường hợp can thiệp sớm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm: (i) Số lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; (ii) Xếp hạng dưới mức trung bình; (iii) Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả; (iv) Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; (v) Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN. DTNĐ không quy định về xếp hạng NHTM, chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC, vì vậy, không quy định về trường hợp gặp sự cố đối với xếp hạng dưới mức trung bình. Theo đó, DTNĐ quy định 4 trường hợp NHTM, chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC gặp sự cố bao gồm: (i) Số lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; (ii) Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả; (iii) Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; (iv) Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi Cơ quan giám sát TTTC. Về trường hợp gặp sự cố khi vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả: DTNĐ quy định NHTM 100% vốn trong nước tuân thủ quy định về tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định hiện hành của Thống đốc NHNN; NHTM 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg tuân thủ theo chính sách của ngân hàng mẹ/chủ sở hữu. Do đó, cách tính toán các cấu phần trong tỷ lệ khả năng chi trả của các đối tượng nêu trên có thể khác nhau. Để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất về chính sách, DTNĐ quy định trường hợp gặp sự cố khi vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả như sau: + NHTM 100% vốn trong nước vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định hiện hành của Thống đốc NHNN trong 30 ngày liên tục; + NHTM 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NHNNg vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả theo chính sách của ngân hàng mẹ/chủ sở hữu trong 30 ngày liên tục. | |
|  | **Điều 97. Trách nhiệm của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ khi ngân hàng thương mại là thành viên và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên gặp sự cố**  1. Chủ sở hữu, ngân hàng mẹ phải thực hiện hỗ trợ ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khắc phục tình trạng dẫn đến sự cố quy định tại Điều 96 Nghị định này trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày xảy ra sự cố.  2. Hết thời hạn hỗ trợ của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ quy định tại khoản 1 Điều này mà ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không khắc phục được tình trạng dẫn đến sự cố thì phải giải thể, chấm dứt hoạt động, thanh lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.  3. Phá sản khi không có khả năng thanh toán các khoản nợ đã đến hạn trong vòng 3 tháng.  4. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên, trong quá trình thanh lý tài sản, nếu chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, ngân hàng mẹ có nghĩa vụ thực hiện cam kết theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.  5. Chủ sở hữu, ngân hàng mẹ có trách nhiệm phê duyệt phương án dự kiến khắc phục sự cố do ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép; phê duyệt phương án dự kiến khắc phục sự cố được cập nhật định kỳ hằng năm hoặc đột xuất. | - Theo Luật Các TCTD, điều kiện đối với chủ sở hữu khi thành lập NHTM 100% vốn nước ngoài, Chi nhánh NHNNg tại Việt Nam, chủ sở hữu phải có văn bản cam kết trong việc hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho TCTD 100% vốn nước ngoài/có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của Chi nhánh NHNNg tại Việt Nam; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn điều lệ/vốn được cấp không thấp hơn mức vốn yêu cầu tại DTNĐ và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động đối với các hiện diện thương mại này. Điều kiện nêu trên cũng được vận dụng để đưa vào DTNĐ quy định về điều kiện cấp phép đối với nhà đầu tư nước ngoài khi thành lập các hiện diện thương mại là NHTM 100% vốn, Chi nhánh NHNNg tại TTTC. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài phải có trách nhiệm hỗ trợ các hiện diện thương mại theo các cam kết nêu trên trong quá trình hoạt động, trường hợp gặp sự cố cũng như xử lý các nghĩa vụ của hiện diện thương mại khi thực hiện giải thể, thanh lý tài sản.  - Đối với trường hợp ngân hàng 100% vốn trong nước: quy định hiện hành chưa điều chỉnh vai trò chủ sở hữu đối với việc thành lập ngân hàng 100% vốn trong nước. DTNĐ vận dụng quy định trách nhiệm của chủ sở hữu đối với ngân hàng 100% vốn trong nước tương tự như trách nhiệm của chủ sở hữu khi thành lập NHTM 100% vốn nước ngoài, theo đó, nhà đầu tư trong nước cũng phải có trách nhiệm hỗ trợ ngân hàng 100% vốn trong nước tại TTTC. Việc bổ sung trách nhiệm của của chủ sở hữu đối với ngân hàng 100% vốn trong nước đảm bảo thống nhất cách ứng xử đối với tất cả các loại hình hiện diện thương mại tại TTTC, phù hợp với định hướng tại điểm 6.5 Mục II Tờ trình số 25 về việc “Ngân hàng mẹ phải tuân thủ các quy định để đảm bảo an toàn hoạt động...” cũng như quy định tại DTNĐ về điều kiện đối với nhà đầu tư thành lập các loại hình hiện diện thương mại là TCTD tại TTTC.  Tuy nhiên, việc nhà đầu tư có trách nhiệm hỗ trợ Ngân hàng 100% vốn trong nước khắc phục tình trạng dẫn đến sự cố có thể ảnh hưởng tình hình hoạt động, việc tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn của chủ sở hữu. Do đó, NHTM trong nước phải tự đánh giá năng lực và xác định trách nhiệm của ngân hàng mẹ đối với ngân hàng con để quyết định việc tham gia vào TTTC, đảm bảo an toàn hoạt động của ngân hàng mẹ và ngân hàng con.  - Liên quan đến thời hạn để nhà đầu tư hỗ trợ TCTD tại TTTC khắc phục tình trạng dẫn đến các sự cố: Do các nhà đầu tư phải có trách nhiệm hỗ trợ các hiện diện thương mại tại TTTC trong suốt quá trình hoạt động, Theo đó, khi các hiện diện thương mại có vấn đề trong hoạt động thì chủ sở hữu với tiềm lực mạnh, uy tín tốt đã có các biện pháp hỗ trợ theo chính sách của ngân hàng mẹ. Trường hợp xảy ra sự cố, quy định cho phép nhà đầu tư tiếp tục hỗ trợ hiện diện thương mại tối đa trong thời gian 3 tháng mà không khắc phục được tình trạng dẫn đến sự cố thì cần thực hiện việc giải thể, chấm dứt hoạt động, thanh lý các hiện diện thương mại này. | |
|  | **Điều 98. Giải thể, chấm dứt hoạt động**  Cơ quan có thẩm quyền thực hiện giải thể, chấm dứt hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong trường hợp sau đây:  1. Không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.  2. Bị thu hồi Giấy phép.  3. Tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được chấp thuận bằng văn bản.  4. Gặp sự cố và không khắc phục được tình trạng dẫn đến sự cố sau khi được chủ sở hữu, ngân hàng mẹ hỗ trợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự cố. | - Theo Luật TCTD có 4 trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động, bao gồm: (i) hết thời hạn hoạt động mà không đề nghị gia hạn/không được Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính gia hạn; (ii) bị thu hồi Giấy phép; (iii) tự nguyện giải thể; (iv) có TCTD tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ khi bị can thiệp sớm/kiểm soát đặc biệt.  DTNĐ quy định 4 trường hợp, trong đó: (i) 3 trường hợp quy định tương tự tại Luật Các TCTD là hết thời hạn hoạt động mà không đề nghị gia hạn/không được NHNN gia hạn, bị thu hồi Giấy phép, tự nguyện giải thể; (ii) bổ sung trường hợp NHTM, Chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC gặp sự cố và không khắc phục được (hiện không có trong Luật Các TCTD); (iii) Không có trường hợp can thiệp sớm/kiểm soát đặc biệt theo tinh thần DTNĐ.  - Về cơ quan thực hiện giải thể, chấm dứt hoạt động:  + Về nguyên tắc, cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm tại TTTC là cơ quan có thông tin về vốn, tài sản, tình hình tài chính, tình hình thực hiện các tỷ lệ bảo đảm an toàn… của TCTD tại TTTC. Do đó, khi các TCTD tại TTTC gặp sự cố/mất khả năng thanh toán thì cơ quan này có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc khắc phục sự cố và theo dõi, giám sát nếu TCTD bị giải thể, chấm dứt hoạt động, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép theo quy định.  + Theo định hướng tại dự thảo Tờ trình số 25 về mô hình và cơ quan quản lý, giám sát của TTTC: NHNN thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Về dài hạn, cần tập trung nâng cấp năng lực giám sát của Cơ quan giám sát TTTC theo hướng hoạt động độc lập, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ pháp lý trong giám sát…Chính phủ sẽ phân cấp việc thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát cho Cơ quan giám sát TTTC và các thiết chế kiểm tra giám sát hiện có…  Căn cứ nguyên tắc, định hướng tại Tờ trình số 25 và việc xảy ra sự cố của các TCTD tại TTTC là việc phát sinh sau khi các TCTD tại TTTC đã có một thời gian hoạt động tại TTTC tại Việt Nam (theo đó, Cơ quan giám sát TTTC đã có một khoảng thời gian để nâng cấp năng lực giám sát theo định hướng tại Tờ trình số 25), DTNĐ quy định Cơ quan giám sát TTTC là đơn vị đầu mối thực hiện việc xác định các NHTM, Chi nhánh NHNNg tại TTTC gặp sự cố, thực hiện giải thể, chấm dứt hoạt động và thanh lý tài sản TCTD tại TTTC. | |
|  | **Điều 99. Thanh lý tài sản trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động**  1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Nghị định này, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền.  2. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện ngân hàng thương mại là thành viên không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, cơ quan có thẩm quyền quyết định chấm dứt thanh lý tài sản. Ngân hàng thương mại là thành viên phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định tại Nghị định này.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên bị thanh lý tài sản có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.  4. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên, trong quá trình thanh lý tài sản, nếu chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, ngân hàng mẹ có nghĩa vụ thực hiện cam kết theo quy định tại Điều 23 Nghị định này. | Về cơ bản việc thanh lý tài sản của NHTM, Chi nhánh NHNNg tại TTTC quy định tương tự Luật Các TCTD trong việc yêu cầu các tổ chức này phải tiến hành thanh lý tài sản khi giải thể, chấm dứt hoạt động. Trường hợp NHTM tại TTTC không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản, phải thực hiện thủ tục phá sản và chịu chi phí liên quan trong quá trình thanh lý.  Tuy nhiên DTNĐ có chính sách đặc thù: (i) Thay đổi cơ quan giám sát việc thực hiện thanh lý tài sản của NHTM, Chi nhánh NHNNg tại TTTC là Cơ quan giám sát TTTC đầu mối, Bộ, ngành có liên quan (bao gồm NHNN) phối hợp thực hiện theo đề nghị của Cơ quan giám sát TTTC (trong Luật Các TCTD giao NHNN thực hiện); (ii) Khi NHTM tại TTTC không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, phải thực hiện thủ tục phá sản tại Tòa án theo quy định tại Nghị quyết và các văn bản hướng dẫn (hiện nay dự thảo Tờ trình Bộ Chính trị đang giao Tòa án Tối cao nghiên cứu quy định về Tòa án trong TTTC); (iii) Bổ sung thêm trách nhiệm của ngân hàng mẹ đối với nghĩa vụ của Chi nhánh NHNNg khi thanh lý tài sản (trường hợp Chi nhánh NHNNg tại TTTC không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản, ngân hàng mẹ phải có trách nhiệm đối với nghĩa vụ của Chi nhánh NHNNg) để phù hợp với trách nhiệm của nhà đầu tư cam kết khi thành lập hiện diện thương mại là Chi nhánh NHNNg tại TTTC. | |
|  | **Điều 100. Thu hồi Giấy phép**  Cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép trong các trường hợp sau đây:  1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép.  2. Ngân hàng thương mại là thành viên bị giải thể, phá sản; chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên bị giải thể.  3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép.  4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động.  5. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng.  6. Ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên bị giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính thu hồi Giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động. | Vận dụng quy định tại Điều 36 Luật các TCTD và có chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung phù hợp với các nội dung khác tại dự thảo Nghị quyết, Nghị định bao gồm:  - Không có trường hợp TCTD bị thu hồi Giấy phép khi: (i) TCTD được tổ chức lại (DTNĐ không khuyến khích các trường hợp tổ chức lại, như sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý từ mô hình trách nhệm hữu hạn sang mô hình cổ phần); (ii) TCTD vi phạm quy định về dự trữ bắt buộc (do dự thảo Nghị quyết không yêu cầu TCTD tại TTTC thực hiện dự trữ bắt buộc).  - Bổ sung trường hợp chi nhánh NHNNg bị thu hồi Giấy phép trong trường hợp bị giải thể (Luật Các TCTD chỉ quy định thu hồi Giấy phép đối với TCTD bị giải thể). | |
|  | **Điều 101. Phá sản ngân hàng thương mại là thành viên**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên mất khả năng thanh toán phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản. Ngân hàng thương mại là thành viên mất khả năng thanh toán khi không có khả năng thực hiện thanh toán nghĩa vụ nợ trong thời gian 03 tháng kể từ ngày nghĩa vụ nợ đến hạn thanh toán.  2. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của ngân hàng thương mại là thành viên bị giải thể, nếu phát hiện ngân hàng thương mại là thành viên không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, cơ quan có thẩm quyền quyết định chấm dứt thanh lý tài sản. Ngân hàng thương mại là thành viên phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.  3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép của ngân hàng thương mại là thành viên. | Theo Luật Các TCTD, TCTD phải phá sản khi không được áp dụng biện pháp phục hồi hoặc chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc đã áp dụng các biện pháp phục hồi mà vẫn mất khả năng thanh toán, TCTD phải nộp đơn yêu cầu Tòa án theo pháp luật Việt Nam mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.  - Về áp dụng pháp luật phá sản: DTNĐ đang quy định theo hướng việc phá sản NHTM tại TTTC thực hiện theo quy định tại Luật phá sản của Việt Nam. Điều này phù hợp với phạm vi áp dụng Luật Phá sản đối với doanh nghiệp được thành lập trên lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, theo chia sẻ của chuyên gia tại buổi làm việc với Bộ Tài chính (NHNN được mời tham dự) về dự thảo Nghị quyết về thành lập NHTM, Chi nhánh NHNNg tại TTTC, ở một số nước có xây dựng Luật Phá sản riêng để xử lý đối với việc phá sản TCTD tại TTTC và chuyên gia hiểu rằng tại Việt Nam chưa có quy định riêng về phá sản tại TTTC nên áp dụng pháp luật phá sản của Việt Nam. Trường hợp được Bộ Chính trị giao Tòa án Tối cao nghiên cứu quy định về Tòa án trong TTTC, việc phá sản của NHTM có thể áp dụng quy định này.  - Về các trường hợp phá sản đối với NHTM tại TTTC DTNĐ phá sản trên nguyên tắc tương tự quy định tại Luật Các TCTD: (i) Mất khả năng thanh toán (không có khả năng thực hiện thanh toán nghĩa vụ nợ trong thời gian 03 tháng kể từ ngày nghĩa vụ nợ đến hạn thanh toán); (ii) Trong quá trình thanh lý, Cơ quan giám sát TTTC đánh giá NHTM không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và quyết định chấm dứt thanh lý tài sản. | |
|  | **CHƯƠNG IX QUẢN LÝ NGOẠI HỐI** |  | |
|  | **Mục 1:**  **QUY ĐỊNH CHUNG** |  | |
|  | **Điều 102. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ trong hoạt động ngoại hối**  1. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài được mở và sử dụng các tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên theo quy định tại Điều 62 Nghị định này và quy định tại Điều này.  2. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được sử dụng 01 tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (mỗi loại ngoại tệ có thể mở 01 tài khoản tại một ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên) để thực hiện các hoạt động sau (sau đây gọi là tài khoản vốn):  a) Vay vốn từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam;  b) Cho vay đối với bên đi vay trong nước;  c) Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;  d) Đầu tư từ Trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam  3. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở và sử dụng các tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên để thực hiện các hoạt động ngoại hối ngoài các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này.  4. Nhà đầu tư nước ngoài chỉ được sử dụng 01 tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ để thực hiện các giao dịch đầu tư nước ngoài vào trung tâm tài chính, đầu tư từ trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam.  5. Nhà đầu tư nước ngoài được mở và sử dụng các tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên để thực hiện các hoạt động ngoại hối ngoài các hoạt động quy định tại khoản 4 Điều này theo quy định tại Điều 105 Nghị định này.  6. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết việc sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này. | Điều này để làm rõ các nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên, nhà đầu tư tại ngân hàng thành viên; việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của các tổ chức cá nhân ở nước ngoài và trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên tại ngân hàng thành viên. Trong đó, Thành viên có thể mở một hoặc nhiều tài khoản thanh toán nhưng phải sử dụng 01 tài khoản thanh toán để thực hiện các hoạt động vay, cho vay, đầu tư của Thành viên để phục vụ mục tiêu bóc tách số liệu, quản lý dòng vốn. | |
|  | **Điều 103. Nguyên tắc minh bạch dòng tiền**  1.Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế, nhà đầu tư nước ngoài và các bên liên quan trong các giao dịch chuyển tiền thực hiện hoạt động nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều 102 có trách nhiệm ghi rõ mục đích của giao dịch chuyển tiền để ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên cung ứng dịch vụ tài khoản có cơ sở đối chiếu, kiểm tra, lưu giữ chứng từ và thực hiện giao dịch.  2. Việc ghi rõ mục đích chuyển tiền theo quy định tại khoản 1 phải đảm bảo lệnh chuyển tiền cần có các thông tin cơ bản để làm cơ sở xác định giao dịch.  3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn chi tiết Điều này. | Nguyên tắc này nhằm đảm bảo khả năng bóc tách từng giao dịch để thuận lợi cho công tác báo cáo, thống kê của Thành viên và NH cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản của Thành viên. Ngoài ra, yêu cầu các bên ghi rõ lệnh chuyển tiền theo các thông tin cơ bản nhằm thuận lợi cho công tác báo cáo, thống kê số liệu.  Do Thành viên đã có một số ưu đãi trong quá trình thực hiện giao dịch ngoại hối. (không phải đăng ký khoản vay từ tổ chức cá nhân ở nước ngoài hoặc khoản cho vay ra nước ngoài của Thành viên 100% vốn nước ngoài) nên các yêu cầu về khai báo, báo cáo thông tin cần chặt chẽ để đảm bảo khả năng thu thập đầy đủ, kịp thời, chính xác số liệu. | |
|  | **Mục 2. QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG NGOẠI TỆ CỦA CÁC THÀNH VIÊN** |  | |
|  | **Điều 104. Quy định về sử dụng ngoại tệ của thành viên**  1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện giao dịch thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá bằng ngoại tệ đối với các hoạt động, dịch vụ cung cấp cho thành viên khác, cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên và cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Giấy phép và phạm vi hoạt động quy định tại Chương IV Nghị định này.  2. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện giao dịch thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá bằng ngoại tệ đối với các hoạt động, dịch vụ cung cấp cho thành viên khác và cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam.  3. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được thực hiện giao dịch thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá bằng ngoại tệ đối với các hoạt động, dịch vụ với cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên, trừ các trường hợp được phép theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.  4. Việc thanh toán bằng ngoại tệ giữa các thành viên quy định tại khoản 2 Điều này phải thực hiện thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tại thành viên là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **-** Nghị quyết về TTTC đã quy định chính sách vượt trội về đồng tiền sử dụng trong TTTC để tạo thuận lợi cho các giao dịch trong TTTC, thúc đẩy sự liên thông giữa TTTC với thị trường tài chính quốc tế, theo hướng: (i) Cho phép sử dụng ngoại tệ giữa các Thành viên TTTC, giữa Thành viên TTTC với nước ngoài; (ii) Các giao dịch giữa chủ thể là thành viên trong TTTC với chủ thể không phải là thành viên trong TTTC; giữa các chủ thể là thành viên trong TTTC với phần còn lại của Việt Nam thực hiện theo quy định hiện hành.  Do đó, quy định về sử dụng ngoại tệ trong TTTC tại Điều 101 dự thảo Nghị định được xây dựng bám sát các quy định tại Nghị Quyết TTTC, trong đó quy định vượt trội về tự do sử dụng ngoại tệ cho các giao dịch giữa các thành viên với nhau; giao dịch giữa thành viên với nước ngoài thực hiện bằng ngoại tệ theo quy định hiện hành; giao dịch với phần còn lại của Việt Nam không được thực hiện bằng ngoại tệ theo quy định hiện hành.  - Hoạt động ngân hàng có tính chất đặc thù so với các tổ chức khác là hoạt động theo phạm vi hoạt động ngân hàng tại Giấy phép. Do đó, tại dự thảo Nghị định quy định việc sử dụng ngoại tệ theo từng đối tượng thành viên là ngân hàng (khoản 1) và thành viên không phải là ngân hàng (khoản 2 và 3).  - Để chính sách vượt trội về sử dụng ngoại tệ áp dụng đúng đối tượng, hạn chế rủi ro lợi dụng chính sách, đảm bảo tách bạch giao dịch thanh toán, chuyển tiền ngoại tệ trong TTTC với các giao dịch thanh toán, chuyển tiền với phần còn lại của lãnh thổ Việt Nam, khoản 4 Điều 101 quy định cơ chế quản lý giám sát theo hướng: các giao dịch thanh toán, chuyển tiền giữa các thành viên TTTC phải được thực hiện thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của thành viên mở tại các ngân hàng trong TTTC. | |
|  | **Điều 105. Mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của thành viên không là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của thành viên không là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 102 Nghị định này.  2. Thành viên không là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tạicác ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  3. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động, dịch vụ với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phải thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp phép mở và sử dụng tài khoản thanh toán ngoại tệ ở nước ngoài. | Việc sử dụng ngoại tệ của các thành viên TTTC không phải là ngân hàng để thanh toán, chuyển tiền được thực hiện thông qua tài khoản ngoại tệ của các thành viên mở tại thành viên là ngân hàng trong TTTC, tại ngân hàng được phép trên lãnh thổ và tại các ngân hàng ở nước ngoài.  Do đó, Điều 102 dự thảo Nghị định quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của các thành viên TTTC phù hợp với phạm vi hoạt động và phạm vi sử dụng ngoại tệ của các thành viên, trong đó việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ để thực hiện các hoạt động ngoại hối (bao gồm vay nợ, đầu tư và các hoạt động khác) sẽ thực hiện theo nguyên tắc tại Điều 99 dự thảo Nghị định. | |
|  | **Điều 106. Mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên mở tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. |  | |
|  | **Mục 3. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG VAY CỦA THÀNH VIÊN** |  | |
|  | **Điều 107. Nguyên tắc vay vốn từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam**  1. Thành viên được vay vốn bằng ngoại tệ từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam.  2. Khi vay vốn từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam, Thành viên phải thực hiện khai báo thông tin và tuân thủ chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam. | Nguyên tắc này đã được quy định tại Nghị quyết. Quy định này dẫn chiếu đến việc NHNN ban hành Thông tư hướng dẫn việc khai báo thông tin và tuân thủ chế độ báo cáo. | |
|  | **Mục 4. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA THÀNH VIÊN** |  | |
|  | **Điều 108. Nguyên tắc cho vay ra nước ngoài**  1. Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ được cho cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam vay vốn. Khi cho vay đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam, thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải thực hiện khai báo thông tin và tuân thủ chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này và quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.  2. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước quy định tại Nghị định này và thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. |  | |
|  | **Điều 109. Điều kiện cho vay cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam đối với Bên cho vay là thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ**  1. Bên cho vay là ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được cho vay đối với Bên đi vay là các đối tượng:  a) Tổ chức kinh tế thành lập và hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam có trên 10% phần vốn góp của thành viên hoặc của doanh nghiệp tại Việt Nam không là thành viên.  b) Tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam do doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có trên 10% cổ phần, phần vốn góp.  2. Bên cho vay không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cho vay đối với Bên đi vay là Tổ chức kinh tế thành lập và hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam có trên 10% vốn góp của Bên cho vay hoặc của công ty mẹ của Bên cho vay trên lãnh thổ Việt Nam.  3. Giới hạn dư nợ cho vay tối đa bằng mức vốn huy động của dự án đầu tư ra nước ngoài của Bên đi vay theo ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận vốn đầu tư quy định và không vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu của Thành viên được ghi nhận tại báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất hoặc vốn điều lệ hoặc vốn được cấp của Thành viên trong trường hợp Thành viên mới thành lập và chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán.  4. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đáp ứng tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại Nghị định này.  5. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ không thuộc khoản 4 Điều này đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính theo văn bản hướng dẫn Nghị quyết về Trung tâm tài chính (nếu có).  6. Hoàn thành nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước (trừ trường hợp năm đầu thành lập). | - Cơ sở đề xuất các điều kiện về đối với bên đi vay:  + Hạn chế hoạt động chuyển vốn ra nước ngoài (nguồn vốn của các Thành viên có vốn trong nước);  + Chỉ hỗ trợ hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam (hoạt động đầu tư ra nước ngoài) (mức vốn góp trên 10% tham khảo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp để có quyền tham gia Hội đồng quản trị - quy định này có thể khác nhau giữa các quốc gia, tuy nhiên, giới hạn mức sở hữu cũng sẽ giảm các trường hợp lợi dụng chính sách để chuyển vốn ra nước ngoài)  + Đối tượng bên đi vay trong giao dịch cho vay của Thành viên là Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở rộng hơn so với Thành viên là tổ chức kinh tế do NHTM, chi nhánh NHNNg là tổ chức tín dụng nên có các quy trình cho vay, tỷ lệ đảm bảo an toàn chặt chẽ hơn so với tổ chức kinh tế. So sánh quy định tương tự trong nước, cho vay ra nước ngoài của Tổ chức kinh tế phải xin Thủ tướng chính phủ chấp thuận.  - Giới hạn nguồn vốn cho vay ra nước ngoài dựa trên các căn cứ sau:  + Phù hợp với chủ trương hạn chế nguồn vốn từ Việt Nam chảy ra nước ngoài thông qua Thành viên TTTC. Hiện nay, hoạt động cho vay ra nước ngoài của Tổ chức tín dụng giới hạn ở quy mô dự án đầu tư tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam (không phải xin Thủ tướng Chính phủ chấp thuận nhưng phải đáp ứng điều kiện vay và đăng ký khoản cho vay); tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài phải được Thủ tướng Chính phủ đồng ý và cũng phải đăng ký khoản cho vay). Đối với Thành viên TTTC, Nghị định không quy định tổ chức kinh tế phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận khoản cho vay nhằm tránh phát sinh nhiều thủ tục Thủ tướng Chính phủ phải xử lý, do đó, cần giới hạn mức dư nợ cho vay ra nước ngoài.  + Mức dư nợ cho vay về nguyên tắc được căn cứ theo quy mô dự án đầu tư ở nước ngoài; tuy nhiên, để tránh việc lập các dự án đầu tư khống ở nước ngoài, giới hạn dư nợ cho vay vốn của một Thành viên không vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu. Quy định này có tham khảo kinh nghiệm Ấn Độ, theo đó, Ấn Độ quy định giới hạn mức trần đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (bao gồm góp vốn, cho vay công ty con, bảo lãnh cho công ty con) không vượt quá 4 lần vốn chủ sở hữu của bên cho vay.  Các điều kiện về “Đảm bảo bên cho vay phải tuân thủ các tỷ lệ an toàn khi thực hiện hoạt động cho vay.” và “Hoàn thành nghĩa vụ thuế với nhà nước (trừ trường hợp năm đầu thành lập)” nhằm đảm bảo Thành viên tham gia cho vay là các thành viên đã tuân thủ đầy đủ quy định về an toàn và nghĩa vụ thuế. | |
|  | **Điều 110. Nguyên tắc cho vay đối với Bên đi vay trong nước**  1. Thành viên được cho vay bằng ngoại tệ đối với Bên đi vay trong nước.  2. Bên đi vay trong nước phải tuân thủ quy định về điều kiện vay quy định tại Điều 111 Nghị định này, quy định về thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay, thủ tục khai báo khoản vay, chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này và quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. | Đối tượng vay trùng với đối tượng được phép đi vay nước ngoài, phương thức quản lý qua điều kiện vay và thủ tục hành chính về cơ bản tương thích với quy định của pháp luật về vay nước ngoài để thống nhất quản lý. | |
|  | **Điều 111. Điều kiện vay từ Thành viên áp dụng đối với Bên đi vay trong nước**  Bên đi vay trong nước được vay vốn từ Thành viên phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:  1. Trường hợp thực hiện khoản vay dưới 12 tháng, bên đi vay trong nước (trừ bên đi vay là tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên) phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá tại thời điểm rút vốn hoặc đảm bảo nguồn ngoại tệ tự có để trả nợ vay, phải khai báo khoản vay theo quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.  2. Đồng tiền nhận nợ, rút vốn, trả nợ là ngoại tệ. Bên đi vay trong nước được phép trả nợ thông qua hình thức chuyển đổi dư nợ thành cổ phần hoặc phần vốn góp trong bên đi vay trong nước; Bên đi vay trong nước và thành viên được thỏa thuận hoán đổi dư nợ vay thành cổ phần hoặc phần vốn góp thuộc sở hữu của bên đi vay trong nước hoặc thanh toán bù trừ các khoản phải thu trực tiếp với thành viên.  3. Bên đi vay trong nước sử dụng vốn vay cho các mục đích vay sau:  a) Đối với bên đi vay không phải là ngân hàng thương mại trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên, mục đích vay nhằm thực hiện dự án đầu tư, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài và khoản nợ Thành viên.  Dự án đầu tư quy định tại khoản này phải được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan.  Kế hoạch sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản này phải phù hợp với phạm vi hoạt động được phép của bên đi vay và lập thành văn bản trong đó chứng minh mục đích, nhu cầu vay hợp pháp, hợp lý của bên đi vay và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định tại [Luật Đầu tư](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Dau-tu-so-61-2020-QH14-321051.aspx), [Luật Doanh nghiệp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Doanh-nghiep-so-59-2020-QH14-427301.aspx), [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx), [Luật hợp tác xã](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-hop-tac-xa-2012-23-2012-QH13-152716.aspx), điều lệ của bên đi vay trong nước và các quy định của pháp luật có liên quan.  b) Bên đi vay trong nước là tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên phải sử dụng vốn vay cho các mục đích vay sau:  (i) Phục vụ hoạt động cấp tín dụng của bên đi vay trong đó tối thiểu 50% giá trị khoản vay được sử dụng để cho vay lại các lĩnh vực ưu tiên xác định theo các quy định của pháp luật hiện hành hoặc các văn bản chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  Trường hợp vay trung dài hạn, Bên đi vay trong nước phải xây dựng kế hoạch sử dụng vốn vay bằng văn bản trong đó xác định giá trị dự kiến phân bổ vốn vay cho các lĩnh vực ưu tiên, làm rõ căn cứ xác định lĩnh vực ưu tiên.  (ii) Cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài và khoản nợ thành viên.  (iii) Phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với phạm vi hoạt động được phép của Bên đi vay trong nước trong trường hợp vay ngắn hạn từ Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  4. Bên đi vay trong nước phải đáp ứng giới hạn vay vốn từ Thành viên như sau:  a) Đối với bên đi vay trong nước không phải là tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên:  i) Đối với mục đích vay để thực hiện dự án đầu tư: Bên đi vay phải đảm bảo tổng dư nợ vay trung dài hạn để thực hiện dự án đầu tư (bao gồm dư nợ vay trung dài hạn trong nước, dư nợ vay trung dài hạn nước ngoài và dư nợ vay trung dài hạn từ thành viên) không vượt quá phần chênh lệch giữa tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư và vốn góp ghi nhận tại Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.  ii) Đối với mục đích vay để thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh: Bên đi vay phải đảm bảo hệ số nợ phải trả (bao gồm giá trị khoản vay dự kiến thực hiện nhưng không bao gồm các khoản nợ để thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp bên đi vay có dự án đầu tư) không vượt quá 5 lần vốn chủ sở hữu của bên đi vay theo báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất. Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định tỷ lệ giới hạn khác thì bên đi vay phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành.  iii) Đối với mục đích vay để cơ cấu khoản nợ nước ngoài: số tiền vay phục vụ mục đích cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài và khoản nợ thành viên tối đa không vượt quá tổng giá trị dư nợ gốc, số tiền lãi, phí chưa thanh toán của khoản nợ nước ngoài hiện hữu và phí của khoản vay mới được xác định tại thời điểm cơ cấu.  b) Bên đi vay là ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên phải đáp ứng giới hạn vay vốn ngắn hạn từ Thành viên như sau:  Tỷ lệ tối đa tổng dư nợ gốc của các khoản vay ngắn hạn nước ngoài tính trên vốn tự có riêng lẻ, áp dụng với các đối tượng cụ thể như sau:  (i) 30% đối với ngân hàng thương mại không là thành viên;  (ii) 150% đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên, tổ chức tín dụng khác không là thành viên.  5. Bên đi vay trong nước phải đáp ứng tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ an toàn tài chính theo pháp luật chuyên ngành (nếu có) như sau:  a) Tại thời điểm cuối mỗi tháng trong giai đoạn 3 tháng liền trước ngày ký thoả thuận vay (áp dụng chung cho mọi khoản vay).  b) Trường hợp vay trung dài hạn, ngoài việc đáp ứng giai đoạn tại điểm a khoản này, bên đi vay phải đáp ứng tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ an toàn tài chính cho tới khi nộp hồ sơ đăng ký khoản vay đầy đủ hợp lệ. | 1. Khuyến khích dòng vốn dài hạn, tránh rủi ro vốn ngắn hạn đảo chiều, ảnh hưởng tới thị trường ngoại tệ.  2. Nghị quyết của Chính phủ chỉ quy định hoạt động cho vay của Thành viên với tổ chức tại phần còn lại của Việt Nam, tương đương với việc tổ chức tại Việt Nam vay bằng tiền từ Thành viên.  3a. Tương thích với quy định về vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.  3b. Tương thích với điều kiện vay nước ngoài áp dụng với đối tượng TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hiện hành; tuy nhiên, bổ sung quy định về việc phân bổ vốn cho vay lại các lĩnh vực ưu tiên để phù hợp với mục tiêu tập trung nguồn vốn từ TTTC vào các lĩnh vực ưu tiên trong nước. Các lĩnh vực ưu tiên không thể xác định cụ thể tại Nghị định song TCTD có thể xác định được lĩnh vực ưu tiên phù hợp với chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, NHNN trong từng thời kỳ. TCTD có trách nhiệm làm rõ cơ sở xác định lĩnh vực ưu tiên khi xây dựng kế hoạch sử dụng vốn vay nước ngoài.  4. Tham khảo quy định hiện hành về vay nước ngoài của doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Riêng quy định giới hạn vốn vay đối với mục đích vay để thực hiện kế hoạch kinh doanh được giới hạn theo mức vốn chủ sở hữu, tham khảo quy định tương tự tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp 2025[[8]](#footnote-8).  5. Điều kiện về “Bên đi vay phải đáp ứng tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ an toàn tài chính theo pháp luật chuyên ngành.” nhằm đảm bảo bên đi vay đã tuân thủ đầy đủ quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ an toàn tài chính theo pháp luật chuyên ngành (tương thích với quy định về vay nước ngoài của tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng) | |
|  | **Điều 112. Thủ tục khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi, báo cáo khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước**  1. Bên đi vay trong nước phải khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay và báo cáo khoản vay từ Thành viên với cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  2. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông tin khai báo, báo cáo và thực hiện xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:  a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong thời gian 05 năm đầu tiên kể từ thời điểm thành lập Trung tâm Tài chính quốc tế.  b) Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế từ năm thứ 6 kể từ thời điểm thành lập Trung tâm tài chính quốc tế. | Quy định khai báo, báo cáo, đăng ký khoản vay nhằm mục đích theo dõi dòng tiền từ TTTC vào lãnh thổ. Việc xác định khai báo hay đăng ký khoản vay tuỳ vào tính chất của từng giao dịch cụ thể. Thông tư của NHNN sẽ quy định chi tiết các trường hợp khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay.  Dự thảo Nghị định quy định cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc khai báo, báo cáo, và xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi theo nguyên tắc NHNN hỗ trợ thực hiện trong thời gian đầu khi TTTC mới đi vào hoạt động, sau đó chuyển giao cho Cơ quan giám sát TTTC để phù hợp với cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của TTTC, tập trung quản lý thống nhất tại TTTC. NHNN vẫn tiếp tục tiếp nhận thông tin báo cáo từ TTTC để thực hiện mục tiêu giám sát dòng vốn. | |
|  | **Mục 5. QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ** |  | |
|  | **Điều 113. Giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế**  1. Các giao dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế; chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  2. Các khoản thu hợp pháp của nhà đầu tư nước ngoài từ hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế được sử dụng để tái đầu tư, chuyển ra nước ngoài. Trường hợp nguồn thu là đồng Việt Nam được chuyển đổi ra ngoại tệ tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế để chuyển ra nước ngoài.  3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết các giao dịch thu, chi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế. | Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 16 Nghị quyết, Dự thảo Nghị định quy định mang tính nguyên tắc về việc các giao dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài vào TTTCQT; chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp từ TTTCQT ra nước ngoài của NĐTNN phải thực hiện thông qua tài khoản thanh toán ngoại tệ của NĐTNN mở tại NHTM, CNNHNNg là Thành viên TTTCQT.  Đồng thời, dự thảo Nghị định giao NHNN quy định cụ thể tại Thông tư hướng dẫn Nghị định về các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp/gián tiếp nước ngoài vào TTTCQT của NĐTNN.  Đây cơ sở để NHNN xây dựng hệ thống báo cáo, thống kê số liệu để giám sát các giao dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài vào/ra TTTCQT thông qua kênh ngân hàng được phép hoạt động trong TTTCQT (nơi NĐTNN mở tài khoản). | |
|  | **Mục 6. QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ TRUNG TẦM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ RA NƯỚC NGOÀI CỦA THÀNH VIÊN DO NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI SỞ HỮU 100 % VỐN ĐIỀU LỆ** |  | |
|  | **Điều 114. Nguyên tắc về quản lý ngoại hối**  Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ không phải tuân thủ các quy định về đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài nhưng phải thực hiện qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (tài khoản vốn) của Thành viên quy định tại khoản 2 Điều 102 và chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. | Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị quyết, dự thảo Nghị định quy định nội dung vượt trội đối với Thành viên do NĐTNN sở hữu 100% vốn điều lệ không phải không phải tuân thủ các quy định về đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (đầu tư trực tiếp /gián tiếp). | |
|  | Mục 7 . QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ TRUNG TẦM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ RA NƯỚC NGOÀI CỦA THÀNH VIÊN KHÔNG DO NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI SỞ HỮU 100% VỐN ĐIỀU LỆ |  | |
|  | Điều 115. Đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài  1. Sau khi được phép đầu tư trực tiếp ra nước ngoài theo quy định của Chính phủ về đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài và trước khi thực hiện chuyển vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, thành viên phải:  a) Thực hiện các giao dịch chuyển vốn ra nước ngoài, chuyển vốn đầu tư gốc, lợi nhuận và khoản thu hợp pháp từ nước ngoài về Trung tâm tài chính quốc tế thông qua tài khoản vốn quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định này;  b) Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài với cơ quan có thẩm quyền.  2. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận đăng ký hoặc đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của thành viên.  3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết về khoản 1, khoản 2 Điều này. | Căn cứ quy định tại Khoản 7 Điều 16 và khoản 2 Điều 32, tham khảo quy định tại PLNH (đã được sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn về đầu tư trực tiếp/gián tiếp ra nước ngoài, dự thảo Nghị định quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp/ gián tiếp từ TTTCQT ra nước ngoài gồm:  (i) Việc mở, sử dụng tài khoản vốn để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp/gián tiếp từ TTTCQT ra nước ngoài;  (ii) Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ TTTCQT ra nước ngoài với NHNN.  (iii) Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến tự doanh ĐTGTRNN, nhận ủy thác ĐTGTRNN với Cơ quan có thẩm quyền; Công bố thông tin và báo cáo Cơ quan điều hành, Cơ quan giám sát TTTCQT liên quan đến hoạt động ủy thác ĐTTTRNN.  (Trên cơ sở thống nhất với Cục ATHT về thẩm quyền cấp phép và quản lý ngoại hối, trước mắt dự thảo Thông tư quy định việc đăng ký giao dich ngoại hối sẽ được thực hiện tại NHNN. Sau 3-5 năm thực hiện sẽ chuyển giao cho Cơ quan giám sát/cơ quan điều hành TTTCQT thực hiện).  (Thông tư hướng dẫn sẽ quy định về thẩm quyền xác nhận đăng ký tại NHNNTW hay NHNN chi nhánh khu vực ( nơi đặt TTTCQT) | |
|  | Điều 116. Đối với hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài  1. Sau khi được phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của Chính phủ và trước khi thực hiện chuyển vốn đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, thành viên phải thực hiện:  a) Mở tài khoản vốn tại 01 ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến các hoạt động tự doanh, nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;  b) Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động tự doanh, nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  2. Trước khi thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, thành viên phải thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của thành viên về việc đáp ứng điều kiện để thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; Báo cáo Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế, Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc đã công bố thông tin đáp ứng điều kiện để thực hiện hoạt động ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.  3. Thành viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung đăng ký giao dịch ngoại hối và công bố thông tin quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.  4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết về khoản 1, khoản 2 Điều này. |
|  | **Mục 8. ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN** |  | |
|  | **Điều 117. Điều kiện để thực hiện hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài**  1. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không phải thực hiện các quy định về điều kiện để được thực hiện tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều này, nhưng phải thực hiện các quy định về khai báo, công bố thông tin, mở và sử dụng tài khoản và chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này.  2. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉ được thực hiện hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài khi đáp ứng các điều kiện sau:  a) Được cấp phép thực hiện hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều này.  b) Tuân thủ quy định về tỷ lệ đầu tư an toàn, nguồn vốn để tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trong quá trình thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.  3. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước phải đáp ứng các điều kiện sau để được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc văn bản xác nhận đáp ứng điều kiện thực hiện tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:  a) Có lãi trong năm liền kề trước năm thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ trọng yếu theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;  b) Không có nợ thuế với ngân sách nhà nước trong 01 năm liền trước năm thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (trừ trường hợp năm đầu thành lập).  c) Tuân thủ quy định tại Nghị định này về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng tại Chương V Nghị định này.  d) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc văn bản xác nhận đáp ứng điều kiện thực hiện tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.  4. Hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước là thành viên phải đảm bảo không được vượt quá 7% vốn tự có của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đó, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Chương V Nghị định này.  5. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tự cân đối nguồn vốn để thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định tại Chương V Nghị định này. | 1. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị quyết, dự thảo Nghị định quy định nội dung vượt trội đối với Thành viên là NHTM, chi nhánh NHNNg do NĐTNN sở hữu 100% vốn điều lệ không phải thực hiện quy định về điều kiện để được thực hiện tự doanh/ nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, tỷ lệ đầu tư an toàn...  2. Đối với Thành viên là NHTM, CNNHNNg không do NĐNNN sở hữu 100% vốn điều lệ: Dự thảo Nghị định quy định Thành viên phải đáp ứng một số điều kiện để được NHNN (Cục Quản lý giám sát TCTD) cấp giấy chứng nhận đăng ký tự doanh/nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài/ văn bản xác nhận đáp ứng điều kiện thực hiện tự doanh/nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. Quy định này nhằm hạn chế hoạt động chuyển vốn đầu tư từ TTTCQT ra nước ngoài (nguồn vốn của các Thành viên có vốn trong nước).  (Trên cơ sở thống nhất với Cục ATHT về thẩm quyền cấp phép và quản lý ngoại hối, trước mắt dự thảo Thông tư quy định việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp / giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác sẽ do NHNN (Cục QLGS các tổ chức tín dụng thực hiện – tương tự như quy định hiện hành tại Nghị định 135/2015/NĐ-CP). Sau 3-5 năm thực hiện sẽ chuyển giao cho Cơ quan giám sát/cơ quan điều hành TTTCQT thực hiện).  - Cơ sở đề xuất quy định về các điều kiện nêu trên dựa trên cơ sở pháp lý tại Khoản 5 Điều 11 Nghị quyết, Luật các NHTM (các giới hạn tỷ lệ trong hoạt động ngân hàng của NHTM, CNNHNNg), Nghị định 135/2015/NĐ – CP của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, cụ thể:  + Khoản 5 Điều 11 Nghị quyết quy định: Thành viên TTTCQT được quyền tự do tiến hành các hoạt động đầu tư và kinh doanh với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ, người không cư trú hoặc với Thành viên khác theo giấy phép hoặc đăng ký cấp cho Thành viên đó theo quy định tại Nghị quyết này và văn bản hướng dẫn.  + Luật các NHTM và các văn bản hướng dẫn quy định: NHTM, CNNHNNg phải tuân thủ các quy định về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn an toàn trong hoạt động ngân hàng.  + Nghị định 135/2015/NĐ – CP quy định một số điều kiện NHTM phải đáp ứng để được NHNN cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.  Các điều kiện về “NHTM, chi nhánh NHNNg là Thành viên phải tuân thủ các tỷ lệ an toàn khi thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.” và “Hoàn thành nghĩa vụ thuế với nhà nước (trừ trường hợp năm đầu thành lập)” nhằm đảm bảo Thành viên khi thực hiện hoạt động này đã tuân thủ đầy đủ quy định về an toàn và nghĩa vụ thuế.  3. Với quan điểm hạn chế dòng vốn từ TTTCQT ra nước ngoài và trên cơ sở tham khảo quy định tại Nghị định 135/2015/NĐ-CP, dự thảo quy định các nội dung về điều kiện thực hiện ủy thác ĐTGTRNN của Thành viên là NHTM, CNNHNNg.  (So với quy định hiện hành tại Nghị định 135/2015/NĐ-CP, quy định về điều kiện tại dự thảo Nghị định hướng dẫn Nghị quyết đã nới lỏng và vượt trội hơn, theo đó điều kiện có lãi chỉ yêu cầu trong năm liền kề, thay vì 03 năm như quy định tại Nghị định 135.  Ngoài các điều kiện nêu trên, tương tự như Nghị định 135, dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc ủy thác ĐTGTRNN như: (i) phải được lập thành hợp đồng, trong đó quy định rõ nội dung về số tiền ủy thác, thời hạn ủy thác, công cụ đầu tư, quyền và nghĩa vụ của các bên; (ii) Đồng tiền sử dụng để ủy thác ĐTGTRNN phải là ngoại tệ. Quy định này nhằm đảm bảo minh bạch dòng tiền và trách nhiệm của các bên, phù hợp với nguyên tắc, mục tiêu sử dụng đồng tiền là ngoại tệ trong TTTCQT.  - Ngoài ra, dự thảo Nghị định quy định các nguyên tắc tổ chức nhận ủy thác phải tuân thủ, trong đó có điểm khác so với quy định tại Nghị định 135 là Thành viên nhận ủy thác không được ủy thác lại cho bên thứ ba ở trong TTTCQT; Thành viên không được nhận ủy thác từ tổ chức, cá nhân tại phần còn lại của Việt Nam  Quy định này nhằm đảm bảo hạn chế dòng vốn đầu tư từ lãnh thổ Việt Nam chảy vào TTTCQT và chảy ra nước ngoài.  4. Điều 55 Luật Đầu tư quy định: Việc vay vốn bằng ngoại tệ, chuyển vốn đầu tư bằng ngoại tệ phải tuân thủ điều kiện và thủ tục theo quy định của pháp luật về ngân hàng, các tổ chức tín dụng, quản lý ngoại hối.  Căn cứ quy định nêu trên, để kiểm soát và hạn chế dòng vốn ngoại tệ chảy từ lãnh thổ vào TTTCQT và chảy ra nước ngoài theo đúng mục tiêu thành lập và hoạt động TTTCQT, tránh gây xáo trộn về cung - cầu ngoại tệ làm ảnh hưởng đến thị trường ngoại hối và điều hành tỷ giá, dự thảo Nghị định quy định Thành viên là NHTM, CNNHNN tự cân đối nguồn ngoại tệ để thực hiện tự doanh/nhận ủy thác ĐTGTRNN trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định về trạng thái ngoại tệ, các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng. | |
|  | **Điều 118. Ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài**  1. Nguyên tắc ủy thác đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài  a) Việc ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải được lập thành hợp đồng ủy thác đầu tư, trong đó phải quy định rõ số tiền ủy thác, thời hạn ủy thác, công cụ đầu tư, quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.  b) Đồng tiền sử dụng để ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài là ngoại tệ, không được sử dụng đồng Việt Nam.  2. Điều kiện để thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài  a) Có lãi trong năm liền kề trước năm thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ trọng yếu theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;  b) Không có nợ thuế với ngân sách nhà nước trong 01 năm liền trước năm thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (trừ trường hợp năm đầu thành lập). c) Có phương án đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được cấp có thẩm quyền của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thông qua theo quy định của pháp luật. |
|  | **Điều 119. Nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài**  1. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không phải thực hiện các quy định về điều kiện để được nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài tại khoản 2 Điều này nhưng phải thực hiện các quy định về khai báo, công bố thông tin, mở tài khoản và chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này.  2. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước phải đáp ứng các điều kiện sau để được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý giám sát TCTD) cấp giấy chứng nhận đăng ký nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc văn bản xác nhận đáp ứng điều kiện để được nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:  a) Có lãi trong năm liền kề trước năm thực hiện nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ trọng yếu theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;  b) Không có nợ thuế với ngân sách nhà nước trong 01 năm liền trước năm thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (trừ trường hợp năm đầu thành lập).  c) Tuân thủ quy định tại Nghị định này về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động tại Chương V Nghị định này.  3. Nguyên tắc nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:  a) Hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản, trong đó phải quy định rõ số tiền ủy thác, thời hạn ủy thác, công cụ đầu tư, quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.  b) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên nhận ủy thác không được sử dụng vốn nhận ủy thác trái với mục đích, nội dung nhận ủy thác được quy định tại hợp đồng ủy thác đầu tư và quy định tại Nghị định này.  c) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên nhận ủy thác không được ủy thác lại cho bên thứ ba là thành viên; Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được nhận ủy thác từ cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên.  d) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên nhận ủy thác được hưởng phí ủy thác trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.  đ) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên nhận ủy thác có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn tổ chức ủy thác thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định tại Nghị định này.  4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc văn bản xác nhận đáp ứng điều kiện thực hiện nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. |
|  | **Mục 9. QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VÀO PHẦN CÒN LẠI CỦA VIỆT NAM VÀ ĐẦU TƯ TỪ PHẦN CÒN LẠI CỦA VIỆT NAM VÀO TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ** |  | |
|  | **Điều 120. Đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam**  Thành viên và nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (tài khoản vốn, tài khoản chuyên dùng) tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên để thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam theo quy định của Chính phủ về cơ chế đặc thù đối với thủ tục, điều kiện đầu tư. | Dòng vốn đầu tư từ TTTCQT vào phần còn lại của Việt Nam và từ phần còn lại của Việt Nam vào TTTCQT gồm có dòng vốn từ đầu tư (FDI, cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ), kinh doanh hàng hóa (các sàn kinh doanh hàng hóa, bao gồm cả vàng), đầu tư tài sản số, kinh doanh bảo hiểm… thuộc thẩm quyền của các bộ, ngành khác, đặc biệt là các dòng vốn vào/ra TTTC thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, do Bộ Tài chính ban hành các chính sách về đầu tư, chứng khoán ...  Khoản 5. Điều 11 và Khoản 3 Điều 12 Nghị quyết quy định quyền và nghĩa vụ của Thành viên: (i) Thành viên TTTCQT được quyền tự do tiến hành các hoạt động đầu tư và kinh doanh với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú hoặc với Thành viên khác theo giấy phép hoặc đăng ký được cấp cho Thành viên đó theo quy định tại Nghị quyết này và văn bản hướng dẫn; và (ii) Hoạt động đầu tư từ TTTCQT vào phần còn lại của Việt Nam; từ phần còn lại của Việt Nam vào TTTCQT phải tuân thủ các quy định về đầu tư và pháp luật liên quan khác. Chính phủ quy định cơ chế đặc thù đối với thủ tục, điều kiện đầu tư từ TTTCQT vào phần còn lại của Việt Nam và từ phần còn lại của Việt Nam vào TTTCQT….  Do đó, căn cứ quy định tại Nghị quyết, sau khi các bộ ngành liên quan (Bộ Tài chính, công thương…) ban hành quy định về hoạt động đầu tư từ TTTCQT vào phần còn lại của lãnh thổ Việt Nam và hoạt động đầu tư từ phần còn lại của lãnh thổ vào TTTCQT, NHNN sẽ hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động này.  Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, NHNN chỉ theo dõi, giám sát các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ TTTCQT vào phần còn lại của Việt Nam và từ phần còn lại của Việt Nam vào TTTCQT thông qua quy định về mở tài khoản vốn và chế độ báo cáo của TCTD. | |
|  | **Điều 121. Đầu tư từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế**  Tổ chức trên lãnh thổ không là thành viên mở tài khoản thanh toán (tài khoản chuyên dùng) tại tổ chức tín dụng không là thành viên để thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định của Chính phủ về cơ chế đặc thù đối với thủ tục, điều kiện đầu tư. |
|  | **Mục 10. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO** |  | |
|  | **Điều 122. Chế độ báo cáo đối với hoạt động vay, cho vay của Thành viên**  Thành viên có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện khoản vay, cho vay của thành viên với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và với tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên. | Điều này quy định nguyên tắc thực hiện chế độ báo cáo các hoạt động vay, cho vay, các phụ lục và cơ chế báo cáo sẽ được quy định tại Thông tư của NHNN. | |
|  | **Điều 123. Chế độ báo cáo đối với hoạt động đầu tư nước ngoài của thành viên**1. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về:Điều 123. Chế độ báo cáo đối với hoạt động đầu tư nước ngoài của thành viên1. Thành viên có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về:  a) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài;  b) Tình hình thực hiện giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam;  2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về:  a) Tình hình thực hiện giao dịch chuyển tiền trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế, chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài và hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam.  b) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên tài khoản vốn của thành viên liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài.  c) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (tài khoản vốn) của thành viên liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam. |
|  | **Mục 11. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN VÀ CƠ CHẾ KIỂM TRA, GIÁM SÁT** |  | |
|  | **Điều 124. Kiểm tra chứng từ**  Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi thực hiện các giao dịch ngoại hối cho khách hàng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và các chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật; Xây dựng và tự chịu trách nhiệm về nội dung của quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý rủi ro đối với hoạt động ngoại hối. | Việc kiểm tra chứng từ là cần thiết nhằm đảm bảo ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện việc chuyển tiền phù hợp với các giao dịch ngoại hối được phép quy định tại Chương IX và thống kê đúng giao dịch, đảm bảo tính chính xác của báo cáo. | |
|  | **Điều 125. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên trong hoạt động ngoại hối tại Trung tâm tài chính**  1. Quyền và nghĩa vụ về thông tin, báo cáo của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên:  a) Báo cáo các thông tin, số liệu liên quan đến ngoại hối và hoạt động ngoại hối theo đúng thời hạn quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động ngoại hối;  b) Yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin nhằm phục vụ việc thu thập số liệu, thông tin liên quan đến ngoại hối và hoạt động ngoại hối;  c) Giữ bí mật và chịu trách nhiệm về các thông tin thuộc danh mục bí mật của ngành ngân hàng.  2. Quyền và nghĩa vụ về thông tin, báo cáo của tổ chức và cá nhân:  a) Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động ngoại hối có nghĩa vụ cung cấp các thông tin, số liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo thời hạn theo quy định hiện hành về hoạt động ngoại hối;  b) Cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp các thông tin hướng dẫn để thực hiện đúng các chính sách về quản lý ngoại hối.  3. Thành viên tự chịu trách nhiệm về các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài, trong Trung tâm tài chính quốc tế, từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam. Tổ chức không là thành viên tự chịu trách nhiệm về các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế.  Chính phủ không chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện các giao dịch đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài, trong Trung tâm tài chính quốc tế và từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam của Thành viên và từ phần còn lại Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế của tổ chức không là thành viên.  4. Thành viên tự chịu trách nhiệm vay, trả nợ, cho vay, thu hồi nợ với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cho vay, thu hồi nợ với tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên. Chính phủ không chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện các giao dịch vay, trả nợ, cho vay, thu hồi nợ của thành viên. | Đảm bảo quy định rõ trách nhiệm của các bên liên quan khi thực hiện các giao dịch ngoại hối, đặc biệt là trách nhiệm thông tin, báo cáo, đảm bảo minh bạch, rõ ràng, thống kê đầy đủ giao dịch của Thành viên, phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với giao dịch ngoại hối nói riêng và điều hành chính sách tiền tệ nói chung. | |
|  | **Điều 126. Trách nhiệm của Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế**  1. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong trường hợp Thành viên không tuân thủ các quy định về chế độ khai báo, báo cáo, thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Chương này.  2. Cơ quan giám sát Trung tâm Tài chính quốc tế có trách nhiệm gửi báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện các khoản vay, cho vay, đầu tư của Thành viên theo quy định tại Nghị định này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối và Vụ Dự báo Thống kê - Ổn định tiền tệ) theo định kỳ hàng tuần. |  | |
|  | **Chương X. PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN, TÀI TRỢ KHỦNG BỐ, TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT** |  | |
|  | **Điều 127. Áp dụng các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt**  1. Đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Trung tâm tài chính không được thực hiện các hành vi cấm theo quy định tại Điều 8 Luật Phòng, chống rửa tiền, Điều 6 Luật Phòng, chống khủng bố.  2. Đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo nghĩa vụ của đối tượng báo cáo quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Phòng, chống khủng bố và các văn bản hướng dẫn các Luật này; pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm:  a) Nhận biết khách hàng, thu thập, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng; Đánh giá rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của đối tượng báo cáo; Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; Trách nhiệm của đối tượng báo cáo liên quan đến cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị; Quan hệ ngân hàng đại lý; Trách nhiệm của đối tượng báo cáo đối với sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới; Giám sát một số giao dịch đặc biệt; trách nhiệm xây dựng quy định nội bộ; báo cáo, cung cấp, lưu trữ và đảm bảo bí mật thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định tại các điều từ Điều 9 đến Điều 40, Điều 64 và Điều 65 của Luật Phòng, chống rửa tiền.  b) Áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản theo quy định tại điều 44 và Điều 45 của Luật Phòng, chống rửa tiền.  c) Cập nhật Danh sách Đen; Báo cáo khách hàng, giao dịch của khách hàng liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc khách hàng nằm trong Danh sách đen và thực hiện tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tài trợ bổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định tại Luật Phòng, chống khủng bố và pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.  3. Đối với các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định, đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính có thể thực hiện theo quy định pháp luật của quốc gia nguyên xứ, đảm bảo không trái quy định của pháp luật Việt Nam.  4. Việc báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử của các đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính áp dụng theo chế độ báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế.  5. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp phép thành lập, hoạt động cho pháp nhân và các pháp nhân thành lập tại Trung tâm tài chính tuân thủ quy định về minh bạch thông tin của pháp nhân tại Điều 21 Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Doanh nghiệp.  6. Bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý tại Trung tâm tài chính tuân thủ quy định về minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý tại Điều 22 Luật Phòng, chống rửa tiền.  7. Tổ chức phi lợi nhuận được cấp phép thành lập và hoạt động tại Trung tâm tài chính tuân thủ quy định về minh bạch thông tin của pháp nhân tại Điều 23 Luật Phòng, chống rửa tiền.  8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mìnhđược quyền yêu cầu và tổ chức, cá nhân có liên quan tại Trung tâm tài chính có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông tin, hồ sơ, tài liệu cần thiết để thực hiện phân tích, chuyển giao thông tin và hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định tại Điều 41 Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Phòng, chống khủng bố và pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.  9. Cơ quan nhà nước tại Trung tâm tài chính có trách nhiệm thực hiện chế độ bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 63 Luật Phòng, chống rửa tiền. | - Khoản 3:  + Đây là các chính sách đặc thù cho đối tượng báo cáo nhưng không trái khuôn khổ các quy định của pháp luật PCRT/TTKB/TTPBVKHDHHL.  + Quy định pháp luật của Việt Nam có một số hạn chế, thiếu hụt so với yêu cầu của chuẩn mực quốc tế và thông lệ quốc tế liên quan đến các biện pháp phòng ngừa, do đó chính sách đặc thù này sẽ tạo điều kiện cho đối tượng báo cáo tại TTTC (trong đó dự kiến sẽ bao gồm nhiều tổ chức là công ty con của các tập đoàn quốc tế hoạt động theo thông lệ quốc tế) thực hiện các biện pháp PCRT mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định nhưng pháp luật nguyên xứ đã có quy định về vấn đề này. Điều này tạo thuận lợi cho công tác tuân thủ về PCRT/TTKB/TTPBVKHDHL của ĐTBC là các tổ chức nước ngoài, đồng thời vẫn đảm bảo thực hiện các yêu cầu của luật pháp về PCRT/TTKB/TTPBVKHDHL và phù hợp với định hướng tuân thủ các thông lệ về cam kết quốc tế trong lĩnh vực này của Việt Nam[[9]](#footnote-9).  - Khoản 4:  + Hiện tại, Thông tư 09/2023/TT-NHNN quy định về trách nhiệm của đối tượng báo cáo trong việc báo cáo đối với các giao dịch chuyển tiền điện tử trong nước (từ 500 triệu đồng trở lên) và giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế (từ 1.000 USD trở lên). Đối với hoạt động tại TTTC, NHNN đề xuất đối xử các giao dịch chuyển tiền điện tử của đối tượng báo cáo tại TTTC như các giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế và áp dụng theo chế độ báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế với các lý do:  + Theo dự thảo Nghị định, nội dung về việc tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại TTTC theo Điều 68 DTNĐ nên các NHTM/CN ngân hàng nước ngoài hoạt động tại TTTC (chỉ được tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán quốc tế như Visa, MasterCard, JCB, UPI, SWIFT..., trong đó, các giao dịch chuyển tiền điện tử tại và ra ngoài TTTC sẽ phần lớn được thực hiện qua Hệ thống SWIFT. Như vậy, các giao dịch thanh toán tại TTTC dự kiến sẽ được đối xử như các giao dịch chuyển tiền quốc tế.  + Cân nhắc nguy cơ rửa tiền, tài trợ khủng bố có thể phát sinh tại TTTC và ý kiến góp ý của Ủy ban Kiểm tra – Ban Chấp hành TW về việc cần nghiên cứu xây dựng cơ chế kiểm soát việc chuyển tiền với quy mô lớn và thực hiện báo cáo định kỳ để giảm thiểu các nguy cơ bị lợi dụng để rửa tiền, trốn thuế, tài trợ khủng bố….  + Thông lệ quốc tế tại các quốc gia cho thấy các quốc gia có cách tiếp cân khác nhau về nội dug này tùy theo mục tiêu quản lý và mức độ rủi ro rửa tiền quốc gia[[10]](#footnote-10).  Ngoài ra, sau khi TTTC đi vào hoạt động trên thực tế, NHNN sẽ đánh giá về số lượng các giao dịch, quy mô khoản tiền trong các giao dịch; nguy cơ rửa tiền, tài trợ khủng bố đối với các giao dịch chuyển tiền điện tử; khả năng lưu trữ thông tin của cơ sở dữ liệu PCRT và tính hữu ích của thông tin giao dịch chuyển tiền điện tử để đề xuất điều chỉnh đối với quy định về giao dịch chuyển tiền điện tử phải báo cáo tại TTTC cho phù hợp với thực tiễn (nếu cần).  - Các khoản còn lại: Đây không phải là chính sách đặc thù vượt trội. Quy định này để làm rõ trách nhiệm của đối tượng báo cáo tại TTTC và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tại TTTC theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Phòng, chống khủng bố và các văn bản hướng dẫn Luật; pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. | |
|  | **Điều 128. Quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính**  1. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, cấp phép, gồm:  a) Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống rửa tiền, triển khai công tác đào tạo về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính;  b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với đối tượng báo cáo thuộc phạm vi quản lý, cấp phép tại Trung tâm tài chính; trao đổi, chia sẻ kết quả với Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan về kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;  c) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Phòng, chống rửa tiền; Phổ biến kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền tại Trung tâm tài chính; có biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro đã xác định tại Trung tâm tài chính; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền tại Trung tâm tài chính gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Phòng, chống rửa tiền;  d) Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính;  đ) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp thông tin, hằng năm báo cáo Chính phủ về công tác phòng, chống rửa tiền tại Trung tâm tài chính; Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện chế độ báo cáo, tổng kết về công tác phòng, chống khủng bố, phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, kiến nghị, đề xuất giải pháp liên quan đến phòng, chống khủng bố, phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính;  2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm:  a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch về phòng, chống rửa tiền tại Trung tâm tài chính;  b) Tiếp nhận thông tin, báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử, báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo từ đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính;  c) Giám sát đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính trong việc thực hiện các báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo, giao dịch đáng ngờ, Giao dịch chuyển tiền điện tử quy định tại các điều 25, 26 và 34 của Luật Phòng, chống rửa tiền; phối hợp cung cấp thông tin giám sát cho Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tại Trung tâm tài chính;  d) Phối hợp với Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống rửa tiền, triển khai công tác đào tạo về phòng, chống rửa tiền tại Trung tâm tài chính;  đ) Chủ trì phối hợp với Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính và các bộ, ngành có liên quan tổng hợp thông tin, hằng năm báo cáo Chính phủ về công tác phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam (bao gồm công tác phòng, chống rửa tiền tại Trung tâm tài chính).  3. Bộ Công an có trách nhiệm:  a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch về phòng, chống khủng bố, tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính;  b) Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền, tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính;  c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong phòng ngừa, phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm về rửa tiền, tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính;  d) Phối hợp với Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống khủng bố, tài trợ khủng bố, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống khủng bố, tài trợ khủng bố, triển khai công tác đào tạo về phòng, chống khủng bố, tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính; thanh tra, kiểm tra phòng, chống tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính.  4. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:  a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch về phòng, chống phổ biến, tài trợ tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính;  b) Phối hợp với Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống phổ biến, tài trợ tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống phổ biến, tài trợ tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, triển khai công tác đào tạo về phòng, chống phổ biến, tài trợ tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính; thanh tra, kiểm tra phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính;  5. Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi phạm tội rửa tiền, tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính.  6. Các, bộ ngành khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế trên địa bàn theo quy định tại Nghị định này và pháp luật phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. | - Khoản 1: + Đây là chính sách đặc thù do Cơ quan giám sát TTTC là cơ quan được thành lập riêng có tại TTTC và chưa được quy định bởi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Quy định này để làm rõ trách nhiệm của Cơ quan giám sát TTTC trong việc triển khai công tác phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại TTTC đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, cấp phép.  + Quy định này phù hợp với quy định tại Khoản 6, Điều 3, Nghị quyết của Quốc hội: *”6. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế (sau đây gọi tắt là Cơ quan giám sát) là cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng giám sát hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế, có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong Trung tâm tài chính quốc tế, bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và thông lệ quốc tế”.*  - Khoản 2: Đây không phải là chính sách đặc thù vượt trội. Quy định này nhằm làm rõ trách nhiệm của NHNN với vai trò là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền và vai trò Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ PCRT (Đơn vị Tình báo tài chính (FIU) Việt Nam) trong việc tiếp nhận các báo cáo giao dịch đáng ngờ, báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử, báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo từ đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 41, 42, 43 và 48 của Luật Phòng, chống rửa tiền, Điều 45 của Luật Phòng, chống khủng bố và Điều 32 Nghị định 81/2019/NĐ-CP về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và Nghị quyết của Quốc hội về TTTC.  - Khoản 3: Đây không phải là chính sách đặc thù vượt trội. Quy định này nhằm làm rõ trách nhiệm của Bộ Công an với vai trò là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống khủng bố và vai trò Cơ quan phòng, chống tội phạm tại Trung tâm tài chính đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 49 của Luật Phòng, chống rửa tiền, Điều 40 của Luật Phòng, chống khủng bố và Điều 30 Nghị định 81/2019/NĐ-CP về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và Nghị quyết của Quốc hội về TTTC.  - Khoản 4: Đây không phải là chính sách đặc thù vượt trội. Quy định này nhằm làm rõ trách nhiệm của Bộ Quốc phòng với vai trò là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Phòng, chống rửa tiền, Điều 41 của Luật Phòng, chống khủng bố và Điều 28 Nghị định 81/2019/NĐ-CP về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và Nghị quyết của Quốc hội về TTTC.  - Khoản 5: Đây không phải là chính sách đặc thù vượt trội. Quy định này nhằm làm rõ trách nhiệm của Viện kiểm sát và tòa án nhân dân trong điều tra, truy tố, xét xử các hành vi phạm tội rửa tiền, tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 60, 61 của Luật Phòng, chống rửa tiền, Điều 48 của Luật Phòng, chống khủng bố.  - Khoản 6: Đây không phải là chính sách đặc thù vượt trội. Quy định này nhằm làm rõ trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan trong phối hợp với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính triển khai công tác PCRT/TTKB/TTPBVKDHL tại Trung tâm tài chính đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Phòng, chống khủng bố Nghị định 81/2019/NĐ-CP về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và Nghị quyết của Quốc hội về TTTC. | |
|  | **Điều 129. Xử lý vi phạm trong công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính**  Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong quá trình hoạt động tại Trung tâm tài chính, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự. | Đây không phải là chính sách đặc thù vượt trội. Quy định này nhằm làm rõ các chế tài xử phạt vi phạm về PCRT/TTKB/TTPBVKHDHL tại TTTC | |
|  | **Chương XI. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN** |  | |
|  | **Điều 130. Trách nhiệm thanh tra ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  1. Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác thanh tra bao gồm: Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính hoặc cơ quan thanh tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra các ngân hàng thương mại là thành viên và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên; Cơ quan thanh tra trong Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thanh tra Chính phủ.  2. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính hoặc cơ quan thanh tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra các ngân hàng thương mại là thành viên và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tổ chức thực hiện các cuộc thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc rủi ro trong hoạt động của các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.  3. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính hoặc cơ quan thanh tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra các ngân hàng thương mại là thành viên và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong Trung tâm tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan thanh tra có thẩm quyền theo quy định pháp luật trong công tác thanh tra hoạt động của các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi cần thiết.  4. Thanh tra Chính phủ, Cơ quan thanh tra trong Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện thanh tra đối với các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong Trung tâm tài chính trong trường hợp có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.  5. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành quy trình, thủ tục thanh tra đối với các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong Trung tâm tài chính (nếu cần thiết).  6. Trong 05 năm đầu kể từ ngày có Quyết định thành lập Trung tâm tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính hoặc cơ quan thanh tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra các ngân hàng thương mại là thành viên và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong Trung tâm tài chính thực hiện thanh tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng, chống rửa tiền theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc theo kiến nghị của Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính. Từ năm thứ 06 trở đi (05 năm sau khi thành lập Trung tâm tài chính quốc tế), thẩm quyền thực hiện thanh tra đối với các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong Trung tâm tài chính thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này | ***1.*** Để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 3 vàđiểm b khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 222 (Khoản 6 Điều 3: *“6. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế (sau đây gọi tắt là Cơ quan giám sát) là cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng giám sát hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế, có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong Trung tâm tài chính quốc tế, bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị quyết này, các văn bản hướng dẫn và thông lệ quốc tế.”;* Điểm b khoản 1 Điều 9: *“b) Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế có chức năng giám sát, thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong hoạt động tài chính tại Trung tâm tài chính quốc tế;”).*  ***2.*** Để đảm bảo thống nhất 01 cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thanh tra đối với các hoạt động của các thành viên Trung tâm tài chính (do ngoài các thành viên là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Trung tâm tài chính còn các thành viên Trung tâm tài chính không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).  ***3.*** Để đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Thanh tra NHNN trong hoạt động thanh tra đối với các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong TTTC:  Theo Điều 12 Luật Thanh tra năm 2025, Thanh tra NHNN có vai trò, chức năng như sau:  *“Điều 12. Vị trí, chức năng*  *1. Giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.*  *Chịu sự chỉ đạo, điều hành của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.”*  Như vậy, Thanh tra NHNN giúp Thống đốc NHNN về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Thống đốc NHNN và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật; Chịu sự chỉ đạo, điều hành của Thống đốc NHNN. Trong khi đó, Ngân hàng Nhà nước không phải là cơ quan quản lý Nhà nước đối với TTTC.  - Tuy nhiên, trong trường hợp vẫn giaoNgân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện thanh tra đối với các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong Trung tâm tài chính theo Phướng án 1 và định hướng, chỉ đạo của Đảng ủy Chính phủ và Ban Chấp hành TW (Tại Tờ trình số 28), Thanh tra NHNN đề xuất bổ sung thêm nội dung khoản 6 tại Điều 127 Dự thảo Nghị định: “*Khoản 6: Tuy nhiên, trong trường hợp vẫn giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện thanh tra đối với các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong Trung tâm tài chính theo Phướng án 1 và định hướng, chỉ đạo của Đảng ủy Chính phủ và Ban Chấp hành TW (Tại Tờ trình số 28), Thanh tra NHNN đề xuất bổ sung thêm nội dung khoản 6 tại Điều 127 Dự thảo Nghị định”* | |
|  | Tuân theo pháp luật, dân chủ, công khai, khách quan, kịp thời, chính xác; không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.  **Điều 131. Nguyên tắc chung về hoạt động thanh tra các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  1. Tuân theo pháp luật, dân chủ, công khai, khách quan, kịp thời, chính xác; không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.  2. Không trùng lặp về phạm vi, thời gian giữa các cơ quan thanh tra, giữa cơ quan thanh tra với cơ quan kiểm toán nhà nước, không trùng lặp trong việc thực hiện quyền khi tiến hành thanh tra.  3. Tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động thanh tra. | - Đối với khoản 1, khoản 2: Căn cứ Điều 4 Luật Thanh tra năm 2025 về “Nguyên tắc hoạt động thanh tra”  - Đối với khoản 3: Hoạt động thanh tra, trình tự, thủ tục thanh tra, các nguyên tắc, việc xử lý vi phạm qua thanh tra,… đối với các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong Trung tâm tài chính sẽ áp dụng theo quy định tại Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn (phù hợp với đề xuất của Thanh tra NHNN trước đây là không áp dụng đặc thù riêng trong hoạt động thanh tra đối với các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong Trung tâm tài chính). | |
|  | **Điều 132. Nội dung thanh tra ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tiền tệ và ngân hàng theo Nghị quyết về Trung tâm tài chính, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn, thông lệ quốc tế, quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan, việc thực hiện các quy định trong giấy phép thành lập và hoạt động. | Luật Thanh tra hiện hành căn cứ theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Thanh tra 2025: *“1. Thanh tra là hoạt động xem xét, đánh giá, kết luận, kiến nghị xử lý của cơ quan thanh tra đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.”.* Như vậy, việc thanh tra đối với các cơ quan thanh tra tại Việt Nam chỉ thực hiện xem xét, đánh giá, kết luận, kiến nghị xử lý của cơ quan thanh tra đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong TTTC theo trình tự, thủ tục do pháp luật Việt Nam quy định.  Việc xem xét, đánh giá, kết luận, kiến nghị xử lý của cơ quan thanh tra tại Việt Nam đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo trình tự, thủ tục do pháp luật nước ngoài quy định là không khả thi và không có cơ sở kết luận vi phạm, cũng như kiến nghị xử lý vi phạm do việc ban hành, áp dụng pháp luật là quy định của nước sở tại.  Bên cạnh đó, điều này cũng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 12 về nghĩa vụ của Thành viên trong TTTC phải: *“1. Tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế và các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế có nghĩa vụ tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.* | |
|  | . Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về tiền tệ và ngân hàng.  **Điều 133. Biện pháp xử lý vi phạm trong công tác thanh tra ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  1. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về tiền tệ và ngân hàng.  2. Kiến nghị, yêu cầu ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong Trung tâm tài chính có biện pháp hạn chế, giảm thiểu và xử lý rủi ro để bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và phòng ngừa, ngăn chặn hành động dẫn đến vi phạm pháp luật.  3. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng.  4. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định pháp luật trong trường hợp có dấu hiệu tội phạm.  5. Áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật. | Căn cứ Điều 29 Luật Thanh tra năm 2025 về Xử lý vi phạm trong quá trình tiến hành thanh tra” và khoản 3, 4, 5 Điều 55 Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010. | |
|  | **Chương XII. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁM SÁT NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN** |  | |
|  | **Điều 134. Giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính**  Giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính là việc Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin về đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính thông qua hệ thống thông tin, báo cáo nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng, vi phạm quy định an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật có liên quan áp dụng đối với các đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính. | Tham khảo, vận dụng quy định tại khoản 12 Điều 6 Luật NHNN.  Về cơ bản mục tiêu, cơ chế giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính quốc tế cũng gần tương tự như giám sát ngân hàng thông thường. Tính tương đồng cũng tạo điều kiện cho cơ quan giám sát và các đơn vị phối hợp thực hiện công tác giám sát ngân hàng một cách thống nhất, thuận lợi. | |
|  | **Điều 135. Nguyên tắc chung về hoạt động giám sát các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên**  1. Giám sát phải tuân theo pháp luật áp dụng đối với ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính.  2. Giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính được tiến hành thường xuyên, liên tục trên toàn bộ hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính.  3. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quy định trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng trong Trung tâm tài chính. | Tham khảo, vận dụng quy định tại Điều 51 Luật NHNN.  Để cơ quan có thẩm quyền giám sát có thể thực hiện ngay nhiệm vụ giám sát ngân hàng một cách chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời, đúng quy định pháp luật và không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng giám sát ngân hàng, cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng trong Trung tâm tài chính. | |
|  | **Điều 136. Cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính**  **Phương án 1: Ngân hàng Nhà nước thực hiện trong 05 năm đầu**  Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính bao gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính, Cơ quan Giám sát Trung tâm tài chính.  - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính trong thời gian 05 năm đầu kể từ ngày thành lập Trung tâm tài chính.  - Trong vòng 06 tháng trước khi kết thúc 05 năm đầu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định chuyển giao nhiệm vụ cho Cơ quan Điều hành và Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính thực hiện giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính.  **Phương án 2: Cơ quan Giám sát trung tâm tài chính thực hiện từ đầu.**  Cơ quan có thẩm quyền thực hiện giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính bao gồm: Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính, Cơ quan Giám sát Trung tâm tài chính. | **1. Thuyết minh chọn phương án 1:**  Theo quy định tại Nghị quyết số 222 của Quốc hội, việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm tra, phòng ngừa và xử lý vi phạm tại Trung tâm tài chính thuộc chức năng của Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính.  Tuy nhiên, kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc giám sát Trung tâm tài chính là một vấn đề rất phức tạp, nhạy cảm, có liên quan tới nhiều lĩnh vực, đối tượng khác nhau, tác động tới ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn, an ninh tài chính tiền tệ quốc gia. Trong khi mới thành lập, Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính chưa thể đáp ứng ngay được yêu cầu nghiệp vụ về thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý sự cố trên tất cả các lĩnh vực trong Trung tâm tài chính.  Do đó, trong giai đoạn đầu, khi chức năng và bộ máy thanh tra của hầu hết các bộ, ngành đã chuyển về Thanh tra Chính phủ thì Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính chịu trách nhiệm giám sát một số hoạt dộng của Trung tầm tài chính; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ: Tài chính, Công Thương, Công an và các cơ quan liên quan thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao.  Việc quy định NHNN thực hiện giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính trong 05 năm đầu là phù hợp với định hướng tại Tờ trình số 28/TTr-ĐU của Đảng ủy Chính phủ.  Về dài hạn, cần tập trung nâng cấp năng lực giám sát của Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính theo hướng hoạt động độc lập, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ pháp lý trong giám sát.  **2. Thuyết minh chọn phương án 2:**  Để đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quy định tại Nghị quyết số 222 của Quốc hội. Ngân hàng Nhà nước sẽ phối hợp, hướng dẫn, trao đổi thông tin để đảm bảo Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính thực hiện công tác giám sát ngân hàng một cách hiệu quả, thông suốt. Việc này sẽ đảm bảo việc các Cơ quan thuộc Trung tâm tài chính sẽ hoạt động theo hướng hướng độc lập, chuyên nghiệp. | |
|  | **Điều 137. Đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính**  Đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính là thành viên của Trung tâm tài chính bao gồm: ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước, ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Tham khảo, vận dụng Điều 56 Luật NHNN.  Đối tượng giám sát không bao gồm công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại do Dự thảo Nghị định có định hướng quy định ngân hàng thương mại không được thực hiện hoạt động góp vốn, mua cổ phần. | |
|  | **Điều 138. Quyền, nghĩa vụ đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính**  1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.  2. Bảo đảm khả năng kết nối, truy cập dữ liệu trực tuyến phục vụ hoạt động giám sát ngân hàng của cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng.  3. Báo cáo, giải trình đối với khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng.  4. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng.  5. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. | Tham khảo, vận dụng quy định tại Điều 57 Luật NHNN và Điều 208 Luật Các TCTD. | |
|  | **Điều 139. Nội dung giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính**  1. Thu thập, tổng hợp và xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu theo yêu cầu giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính.  2. Xem xét, theo dõi tình hình chấp hành các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng tại Trung tâm tài chính; việc thực hiện khuyến nghị, cảnh báo về giám sát ngân hàng.  3. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hoạt động, quản trị, điều hành và mức độ rủi ro của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên; xếp hạng các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên hằng năm.  4. Phát hiện, cảnh báo rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng và nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng.  5. Kiến nghị, đề xuất biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý rủi ro, vi phạm pháp luật. | Tham khảo, vận dụng quy định tại Điều 58 Luật NHNN | |
|  | **Điều 140. Xử lý đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính**  1. Căn cứ vào kết quả giám sát, cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng thực hiện cảnh báo, khuyến nghị đối với các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên là đối tượng giám sát; tùy theo mức độ an toàn, lành mạnh và vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng, cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng:  a) Xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật (nếu có);  b) Tiến hành thanh tra, kiểm tra đối tượng giám sát ngân hàng khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dấu hiệu rủi ro, không an toàn trong hoạt động;  c) Sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng (nếu có) tại Trung tâm tài chính;  d) Các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.  2. Trường hợp cần thiết, để đánh giá đầy đủ thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng, cơ quan có thẩm quyền giám sát tại Trung tâm tài chính yêu cầu đối tượng giám sát thuê tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán một, một số hoặc tất cả các nội dung hoạt động theo quy định pháp luật. | Tham khảo quy định tại Điều 59 Luật NHNN. Ngoài ra, bổ sung quy định cho phép cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng yêu cầu đối tượng giám sát thuê tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán một, một số hoặc tất cả các nội dung hoạt động theo quy định pháp luật để đánh giá đầy đủ thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng trong trường hợp cần thiết. | |
|  | **Điều 141. Phối hợp trong giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính**  1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính và Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính phối hợp chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xây dựng cơ chế phối hợp công tác, trao đổi thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính về các đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính.  2. Cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để trao đổi thông tin về hoạt động giám sát trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng thuộc thẩm quyền quản lý.  3. Cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng trao đổi thông tin và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc giám sát hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên. Cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng thoả thuận với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về hình thức, nội dung, cơ chế trao đổi thông tin và phối hợp giám sát phù hợp vói quy định của pháp luật Việt Nam.  4. Cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng trao đổi thông tin và phối hợp với Uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong việc thực hiện nhiệm vụ giám sát ngân hàng và nhiệm vụ quản lý nhà nước tại Trung tâm tài chính trên địa bàn. | Tham khảo, vận dụng quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật NHNN. Dự thảo Nghị định xác định 04 mối quan hệ phối hợp:  (i) Giữa các cơ quan cùng có thẩm quyền, chức năng giám sát các hoạt động ngân hàng (cụ thể ở đây là Ngân hàng Nhà nước và Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính);  (ii) Giữa cơ quan có thẩm quyền giám sát hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và cơ quan có thẩm quyền quản lý, thanh tra, giám sát các hoạt động khác của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  (iii) Giữa cơ quan có thẩm quyền giám sát hoạt động ngân hàng tại Trung tâm tài chính với các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.  (iv) Giữa cơ quan có thẩm quyền giám sát hoạt động ngân hàng và cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương nơi đặt Trung tâm tài chính. | |
|  | **Chương XIII. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC** |  | |
|  | **Điều 142. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**  1. Ngân hàng Nhà nước không thực hiện cho vay đặc biệt, các nghiệp vụ ngân hàng trung ương như quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng bao gồm: tái cấp vốn, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở, mua bán ngoại tệ đối với các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trung tâm tài chính quốc tế.  2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại Điều 126, Điều 128, Chương XI và Chương XII tại Nghị định này. | Quy định trách nhiệm của NHNN | |
|  | **Điều 143. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**  1. Quản lý nhà nước trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán.  2. Đầu mối hướng dẫn về chính sách tài chính, kế toán của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng thương mại là thành viên. | Quy định trách nhiệm của Bộ, ngành liên quan. | |
|  | Điều 144. Trách nhiệm của Bộ Công An  Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại Điều 128 tại Nghị định này. | Quy định trách nhiệm của Bộ, ngành liên quan. | |
|  | Điều 145. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại Điều 128 tại Nghị định này. | Quy định trách nhiệm của Bộ, ngành liên quan. | |
|  | Điều 146. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại Điều 128 tại Nghị định này. | Quy định trách nhiệm của Bộ, ngành liên quan. | |
|  | Điều 147. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại Điều 128 và Chương XII tại Nghị định này. | Quy định trách nhiệm của Bộ, ngành liên quan. | |
|  | Điều 148. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ  Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên theo quy định của pháp luật. | Quy định trách nhiệm của Bộ, ngành liên quan. | |
|  | **Chương XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  | |
|  | **Điều 149. Hiệu lực thi hành**  Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2025. | Quy định hiệu lực từ ngày 1/9/2025 để đảm bảo Nghị định đồng thời có hiệu lực với Nghị quyết số 222/2025/QH15. | |
|  | **Điều 150. Trách nhiệm thi hành**  1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.  2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đà Nẵng, Cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. | Quy định trách nhiệm thi hành | |

1. Theo Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024, thẻ ngân hàng gồm thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ và thẻ trả trước. [↑](#footnote-ref-1)
2. Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng [↑](#footnote-ref-2)
3. Theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-NHNN ngày 06/01/2015 về hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất (đã được sửa đổi, bổ sung), NHTM, chi nhánh NHNNg được thực hiện giao dịch với tổ chức tài chính nước ngoài trong một số trường hợp (trong giao dịch nhằm phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất cho chính NHTM, chi nhánh NHNNg và trong giao dịch đối ứng nhằm phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất đối với hợp đồng phái sinh mà ngân hàng đã giao kết với khách hàng) và tổ chức tài chính nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện nhất định. [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo quy định tại Thông tư số 40/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về hoạt động cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa của NHTM, khách hàng trong nước sử dụng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa do NHTM trong nước cung ứng không bao gồm TCTD; NHTM được thực hiện giao dịch với đối tác nước ngoài trong một số trường hợp (trong giao dịch đối ứng của hợp đồng không tiêu chuẩn và trong thực hiện lệnh mua, bán hợp đồng tiêu chuẩn) và đối tác nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện nhất định. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tờ trình số 28-TTr/ĐU ngày 29/4/2025 của Đảng ủy Chính phủ trình Bộ Chính trị. [↑](#footnote-ref-5)
6. Quy định này là phù hợp với thông lệ quốc tế, việc TCTD là thành viên TTTC nhận tiền gửi với tổ chức, cá nhân thuộc phần còn lại của Việt Nam sẽ cạnh tranh việc huy động vốn với các TCTD trong nước nhưng không gia tăng nguồn huy động từ nước ngoài vềtheo mục tiêu Đề án TTTC Tại trung tâm tài chinh AIFC, từ ngày 1/1/2025 không được phép nhận tiền gưi tiết kiệm từ Retail clients; mở tài khoản tiết kiệm cho người cư trú (bao gồm cả các thành viên AIFC (ngoại trừ cac thành viên có cổ đông kiểm soát là người không cư trú) là hoạt động bị cấm tại AIFC. Tại Astana, thành viên trung tâm tài chính là người cu trú nên Astana quy định rõ danh mục các hoạt động bị cấm trong lĩnh vực ngân hàng để phân biệt với người cu trú trong nước, tập trung vào việc huy động vốn nội tệ, huy động tiền gửi tiết kiêm từ trong nước, các giao dịch nội tệ không được phép….; Để thực hiện chức năng thu hút vốn từ nước ngoài phục vụ đầu tư trong nước, ngân hàng Tài TTTC Astana thực hiện huy động tiết kiệm của người không cư trú (không được phép huy động tiết kiệm từ người cư trú).​ [↑](#footnote-ref-6)
7. Khoản 7, 8 Điều 136 Luật Các TCTD 2024 quy định: “7. Trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được nhu cầu của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể.

   Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

   8. Tổng các khoản cấp tín dụng của một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này không được vượt quá bốn lần vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.” [↑](#footnote-ref-7)
8. Để thực hiện chào bán trái phiếu riêng lẻ, Công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành theo báo cáo tài chính năm liền kề trước năm phát hành được kiểm toán; trừ tổ chức phát hành là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. (khoản 19b Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp 2025) [↑](#footnote-ref-8)
9. Khuyến nghị 18 của FATF quy định: *Các tổ chức tài chính phải được yêu cầu đảm bảo rằng các chi nhánh nước ngoài và các công ty con do họ sở hữu áp dụng các biện pháp AML/CFT phù hợp với các yêu cầu của quốc gia nguyên xứ, trong trường hợp các yêu cầu AML/CFT tối thiểu của quốc gia sở tại ít nghiêm ngặt hơn so với quốc gia nguyên xứ, trong phạm vi luật pháp và quy định của quốc gia sở tại cho phép.* [↑](#footnote-ref-9)
10. Qua nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia có TTTC, có quốc gia đối xử với các giao dịch tại TTTC và giao dịch giữa TTTC và phần còn lại của đất nước là giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế (Ấn Độ), nhưng cũng có quốc gia đối xử với các giao dịch này như giao dịch chuyển tiền điện tử trong nước. Về ngưỡng giao dịch chuyển tiền điện tử, tùy theo yêu cầu quản lý và mức độ sẵn có của thông tin mà FIU quốc gia đó có thể truy cập được, có quốc gia quy định ngưỡng 6.000 USD (Ấn Độ - Tại Ấn Độ, 100% các giao dịch chuyển tiền điện tử tại TTTC được thực hiện qua hệ thống Swift); 15.000 USD (UAE) hoặc 200.000 USD (Kazakhstan), có quốc gia không quy định ngưỡng và yêu cầu báo cáo tất cả các giao dịch (Úc); có quốc gia không yêu cầu báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử cho FIU (Nhật Bản, Hàn Quốc); có quốc gia quy định các ngưỡng khác nhau giữa giao dịch trong nước và quốc tế, giao dịch của cá nhân và tổ chức (Trung Quốc)… [↑](#footnote-ref-10)